

ZBIGNIEW BRZEZINSKI

THẤT BẠI LỚN

Sự ra đời và cái chết của chủ nghĩa cộng sản
trong thế kỷ XX

gửi tới cháu Khoa
bác L.M.S
viện T.T.K.H
HN 1992

TÀI LIỆU PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU
MẬT - KHÔNG PHỔ BIẾN

Số: 6209

THE
GRAND
FAILURE
THE BIRTH AND DEATH
OF COMMUNISM IN THE
TWENTIETH CENTURY
ZBIGNIEW
BRZEZINSKI

- Dịch nguyên văn cuốn "THE GRAND FAILURE. The Birth and Death of Communism in the Twentieth Century". - New York: Charles Scribner's Sons, 1989. - x + 279 p.
- Bốn bài viết của Z. Brzezinski sau cuốn "THẤT BẠI LỚN."
- KOICHI O. (Nhật), SHAKHNAZAROV G. và MUNTIAN V. (Nga) phê phán cuốn "THẤT BẠI LỚN."

VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 1992

MỤC LỤC

VÀI LỜI ĐỀ NGHỊ 7

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ VÀ LỜI CẢM ƠN 8

LỜI MỞ ĐẦU 10

I. THẤT BẠI LỚN 26

1. Di sản Lenin 28

2. Thảm họa Stalin 35

3. Chủ nghĩa Stalin trì trệ 50

4. Nghịch lý của cải cách 61

II. SỰ CHIA RẼ LIÊN XÔ 74

5. Từ ảo tưởng đến chủ nghĩa xét lại 78

6. Mười điểm năng động của sự mất đoàn kết 91

7. Một chủ nghĩa cộng sản đang tiến triển hay đang suy thoái? 130

III. SỰ GẠT BỎ TỬ BÊN TRONG 139

8. Sự lai ghép và sự biến đổi về hệ tư tưởng 142

9. Sự tự giải phóng của xã hội Ba Lan 151

10. Từ đoàn kết xã hội đến đa nguyên chính trị 158

11. Tình trạng rối loạn khu vực đang nổi lên 170

12. Sự bảo vệ đế chế 185

IV. CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN THƯƠNG MẠI 191

13. Hai mặt của Trung Quốc - Ba lần thử nghiệm 196

14. Xung đột chính trị và sự ra đời của cải cách 205

15. Chiến lược cải cách và tính mềm dẻo về tư tưởng 214

16. Cuộc cách mạng văn hóa thật sự 229

V. THỰC TIỄN MẤT UY TÍN 244

17. Từ quốc tế cộng sản cách mạng đến hội họp hàng năm 248

18. Sự không thích hợp về chính trị trong thế giới phát triển 259

19. Sự to

20. Tỉnh

VI. C

21. Cuộc

22. Hồ s

23. Viên

24. Hậu

PHU

I. BỐ

S

1 - Vẽ

(M)

2 - Ch

(N)

3 - S

(T)

4 - Ph

nh

(M)

II. I

5 - K

"T

(T

6 - S

ki

(A

7 - M

c

(Q

311.315

260.315

19	Sự thất bại kinh tế - xã hội ở các nước đang phát triển	272
20	Tình trạng tan rã toàn bộ về hệ tư tưởng	291
VI. CÓN HẤP HỐI CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN		296
7	21. Cuộc tổng khủng hoảng	298
8	22. Hồ sơ lịch sử	303
10	23. Viễn cảnh tương lai	313
	24. Hậu - chủ nghĩa cộng sản	325

PHỤ LỤC

I. BỐN BÀI VIẾT CỦA Z. BRZEZINSKI SAU CUỐN "THẤT BẠI LỚN..."

91	1 - Về công cuộc cải tổ, về thế giới, về bản thân (Moskva tháng Mười Một 1989)	334
130	2 - Chọn hỗn loạn hơn là đàn áp (New York tháng Hai 1990)	343
139	3 - Sự phá sản lớn (Praha tháng Tư 1990)	347
142	4 - Phải xây dựng chính sách của Mỹ đối với Liên Xô như thế nào? (Moskva tháng Mười Hai 1990)	362

II. PHÊ PHÁN CUỐN SÁCH "THẤT BẠI LỚN..." CỦA Z. BRZEZINSKI

191	5 - KOICHI OHARA. Phê phán cuốn sách "Thất bại lớn..." của Z. BRZEZINSKI (Tokyo tháng Giêng 1990)	373
196	6 - SHAKHNAZAROV G. Chủ nghĩa xã hội đang khủng hoảng, nhưng không sụp đổ (Moskva tháng Ba 1990)	382
205	7 - MUNTIAN V. Bình thuật cuốn "Thất bại lớn..." của Z. BRZEZINSKI (Moskva tháng Năm 1990)	389

Xuất bản cuốn sách này, Viện Thông tin KHXH mong muốn góp phần phục vụ có hiệu quả công tác nghiên cứu lý luận, nghiên cứu khoa học xã hội. Cuốn sách được dịch và xuất bản nhờ sự cố gắng chung, sự quan tâm giúp đỡ của nhiều đồng chí lãnh đạo các ngành, các cấp và sự cộng tác nhiệt tình của nhiều nhà khoa học.

Từ đầu năm 1989, khi cuốn sách vừa được xuất bản ở New York, đồng chí Dương Phú Hiệp trong chuyến đi làm việc tại Mỹ đã đem cuốn sách về trao cho Viện chúng tôi. Ngay sau đó sách đã được tóm tắt và dịch toàn văn gửi đến một số đồng chí có trách nhiệm. Chúng tôi cũng đã tiến hành sưu tầm và cho dịch những bài viết của Z. Brzezinski có cùng một chủ đề với cuốn sách và những bài phê bình cuốn sách. Do có khó khăn về nhiều mặt, Viện chúng tôi không thể xuất bản cuốn sách này sớm hơn. Chúng tôi rất cảm ơn nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các đồng chí lãnh đạo Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Bộ Văn hóa-Thông tin và Thể thao, Bộ Tài chính, Ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng đã quan tâm giúp chúng tôi khắc phục khó khăn, tạo điều kiện cho việc xuất bản cuốn sách này và một số cuốn tiếp theo làm tài liệu tham khảo đặc biệt.

Đối với các tài liệu đặc biệt này, chúng tôi chọn phương thức phục vụ theo địa chỉ, gửi đúng đến các cá nhân có nhu cầu và có trách nhiệm nghiên cứu. Chúng tôi đề nghị bạn đọc sử dụng và bảo quản tài liệu này theo quy chế tài liệu tham khảo đặc biệt, không tự ý sao chụp, nhân bản, khi chưa có sự thỏa thuận của Viện Thông tin khoa học xã hội.

Dịch cuốn sách này, chúng tôi gặp không ít khó khăn và hạn chế. Trong nguyên bản, tác giả dùng nhiều khái niệm mới, nhiều cách diễn đạt và lời chơi chữ rất khó dịch. Những người dịch và biên tập không có điều kiện bàn bạc kỹ để tìm ra giải pháp thỏa đáng, do vậy chưa thật hài lòng với bản dịch. Rất mong bạn đọc thông cảm và chỉ cho những thiếu sót, góp cho những ý kiến phê bình xây dựng để chúng tôi kịp thời rút kinh nghiệm, thực hiện ngày một tốt hơn chức năng của Viện chúng tôi là cung cấp cho hoạt động nghiên cứu lý luận, nghiên cứu khoa học, những thông tin và tư liệu cần thiết, có chất lượng cao.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ VÀ LỜI CẢM ƠN

Quyển sách này được hoàn thành vào tháng Tám năm 1988. Do sự tăng nhanh tốc độ tan rã lịch sử của chủ nghĩa cộng sản, có thể có thêm nhiều sự kiện quan trọng nữa diễn ra trước khi quyển sách đến tay bạn đọc. Tình hình lại nổi lên chủ nghĩa dân tộc ở Đông Âu và trong đất nước Xô viết đã đặt ra một sự thách thức đặc biệt sôi động đối với hệ thống cộng sản như chúng ta đã biết. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng cái khung phát triển trong cuốn sách này có thể chịu đựng thử thách của thời gian và cung cấp cho bạn đọc một công cụ có ích để hiểu biết cái gì đang xảy ra trong sự hỗn loạn đang tăng lên của thế giới cộng sản.

Quyển sách về một số điểm tiêu biểu cho sự trở lại một số vấn đề mà tôi đã đặt ra gần ba mươi năm trước đây trong tác phẩm "Khối Xô viết: sự thống nhất và xung đột" (The Soviet: Unity and Conflict).

Trong tác phẩm chuyên đề đó, tôi đã rút ra kết luận, trái với nhận thức phổ biến vào thời đó, là những lực lượng xung đột đã bắt đầu thắng thế những yếu tố thống nhất trong thế giới do Liên Xô thống trị. Khoảng một thập kỷ sau, trong một tác phẩm mang đầu đề "Giữa hai thời đại" (Between Two Ages) tôi chứng minh trường hợp Mỹ đã đi sâu vào thời đại kỹ thuật điện tử mới, còn Liên Xô thì tụt hậu ở phía sau và bị lún sâu vào hệ tư tưởng và hệ thống trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa của sự phát triển này. Luận điểm này lúc đó cũng bị tranh cãi. Trong quyển sách này, tôi tiên đoán về cái chết có thể xảy ra của chủ nghĩa cộng sản trong một thời kỳ lịch sử có thể thấy trước như thế kỷ này sẽ biết đến.

Trong cố gắng đó, tôi đã được sự giúp đỡ của vài người cộng tác chủ yếu. Cũng như trường hợp đối với hai quyển sách gần đây của tôi, Trudy Werner, người phụ tá thừa hành của tôi bằng sự quản lý tài giỏi công việc của tôi và bất thời gian dành cho tôi phải chịu những yêu cầu khắt khe đã khiến cho tôi có thể tập trung cố gắng để hoàn thành quyển sách này.

Ông Marin Strmecki, người phụ tá nghiên cứu của tôi, đã chỉ đạo việc nghiên cứu trợ giúp và đã có sự đóng góp vô giá trong việc nhận xét và chuẩn bị cho những bản thảo của tôi.

Đối với cả hai, tôi mang một món nợ rất lớn mà tôi rất vui sướng được bày tỏ lòng biết ơn. Hơn nữa, ông Marin còn được một số phụ tá nghiên cứu giúp (Cecilia Pulido, Cindi Arends, Beth Smith và Courtney Nemroff). Tôi cũng xin cảm ơn họ.

Ông Robert Stewart ở nhà xuất bản Scribners người đã khuyến khích tôi quyết tâm làm việc này, đã khéo léo chuẩn bị cho quyển sách và đã giúp tôi tạo thành cơ cấu tổ chức cuối cùng của quyển sách. Bà Leona Schester, người đại lý của tôi đã giúp tôi tiếp xúc với nhà xuất bản Scribners và đã thương lượng những sự dàn xếp có hiệu quả nhất để quyển sách có thể ra được.

Cuối cùng, có hai món nợ đặc biệt mà tôi phải cảm tạ. Bao giờ cũng vậy, người phê bình tốt nhất và mạnh mẽ nhất là Muska, vợ tôi. Quan trọng hơn là vợ tôi đã khuyến khích tôi viết quyển sách này và việc viết của tôi đã được dễ dàng hơn do tôi đã chuyển sang làm việc với máy Macintosh SE, điều này đã làm cho việc viết từ chỗ là khó nhọc trở thành một sự bất ngờ thú vị về mặt kỹ thuật.

ZBIGNIEW BRZEZINSKI

Northeast Harbor, Maine

31 tháng Tám 1988

Đây là c
cộng sản -
sâu sắc củ
vào thế kỷ
nghĩa cộng
phù hợp n
đạt ở nơi
nhân hiệu
lạc kỳ lạ c

Lại
phần I, tá
chủ nghĩa
hệ thống

Ph
tăng thê
tình tran

Ph
sản đối v
phóng c
áp đặt đ

PI
Trung G

10

người cộng
đân đay của
sự quản lý
chịu những
ng để hoàn

đã chỉ đạo
việc nhận

t vui sướng
t số phụ tá
à Courtney

đã khuyến
tuyển sách
sách. Bà
nhà xuất
quả nhất

1. Bao giờ
ka, vợ tôi.
ch này và
n việc với
5 nhọc trở

LỜI MỞ ĐẦU

Đây là cuốn sách viết về cuộc khủng hoảng cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản - Nó miêu tả và phân tích sự dần dần suy sụp và sự ngạc nhiên sâu sắc của nó về cả hai mặt hệ thống và giáo điều. Nó kết luận rằng vào thế kỷ sắp đến sự suy tàn lịch sử không thể đảo ngược được của chủ nghĩa cộng sản sẽ làm cho thực tiễn và giáo điều của nó sẽ không còn phù hợp một cách rộng rãi với điều kiện của con người. Chỉ còn thành đạt ở nơi nào mà nó vứt bỏ thực chất nội tại ngay dù cố giữ lại một vài nhân hiệu bề ngoài, chủ nghĩa cộng sản sẽ được nhớ lại như một sự lầm lạc kỳ lạ nhất về chính trị và trí tuệ của thế kỷ XX.

Lập luận của cuốn sách được phát triển trong sáu phần. Trong phần I, tác giả chứng minh nguyên nhân chủ yếu của bi kịch lịch sử của chủ nghĩa cộng sản là sự thất bại về mặt chính trị và kinh tế - xã hội của hệ thống Xô viết.

Phần II đi sâu vào những dự tính của Liên Xô nhằm cải cách và tăng thêm sức sống cho hệ thống đó, nhưng kết quả chỉ làm tăng thêm tình trạng không ổn định và xung đột chính trị.

Phần III xem xét những hậu quả của sự áp đặt chủ nghĩa cộng sản đối với các nước Đông Âu và chỉ rõ với mũi nhọn của sự tự giải phóng của xã hội Ba Lan, đã bắt đầu một quá trình bác bỏ hệ thống bị áp đặt đó.

Phần IV xem xét kinh nghiệm của Trung Quốc với kết luận là Trung Quốc có những cơ may thành công trong các cuộc cải cách khi

những người lãnh đạo đất nước này từ bỏ những giáo điều cổ hủ đã được xác lập từ rất lâu.

Phần V vạch rõ sự sa sút về mặt hệ tư tưởng và chính trị của sức hấp dẫn của cộng sản quốc tế.

Phần VI, phần cuối cùng xem xét một cách khái quát sự ngạc nhiên của chủ nghĩa cộng sản và hiện tượng sau cộng sản.

Sự thống trị của chủ nghĩa cộng sản trong phần lớn lịch sử của thế kỷ XX có gốc rễ trong vai trò của nó được xem như "một sự đơn giản hóa cao độ" vào đúng lúc. Chủ nghĩa cộng sản cho rằng nguồn gốc của mọi cái xấu là sự thiết lập quyền tư hữu tài sản và nếu xóa bỏ cái đó đi sẽ đạt tới công bằng thật sự và hoàn thiện bản chất con người. Điều đó đã hấp dẫn và gây niềm hy vọng cho hàng trăm triệu con người. Như vậy là về mặt tâm lý, nó phù hợp với tình cảm của những khối quần chúng mới giác ngộ về mặt chính trị. Theo ý nghĩa đó, chủ nghĩa cộng sản có những điểm giống với sự hấp dẫn của các tôn giáo lớn, mỗi tôn giáo đó cung cấp một cách giải thích tinh quái về cuộc đời. Chính là do sự giải thích tổng thể đồng thời là đơn giản nói trên đã làm cho nó có sức hấp dẫn, thuyết phục và kiên quyết đến thế trong việc chỉ đường cho hành động nhiệt thành.

Giống như những tôn giáo lớn, học thuyết cộng sản cung cấp nhiều mức độ phân tích, đi từ cách giải thích đơn giản nhất đến những khái niệm triết học phức tạp hơn.

Đối với người ít học, chỉ cần học được rằng mọi cuộc đời đều được qui định bởi đấu tranh giai cấp và trạng thái hạnh phúc xã hội sẽ được hoàn thành bởi xã hội cộng sản.

Đặc biệt là theo quan điểm tâm lý của những người bị thiệt hại, có sự biện minh cho vấn đề bao lực tàn tệ đối với "những kẻ thù của nhân dân", những kẻ trước đây được hưởng thụ vật chất cao hơn và đến nay phải chịu bị sỉ nhục, áp bức và tiêu diệt.

Nhưng chủ nghĩa cộng sản không chỉ là sự hưởng ứng nồng nhiệt đối với những nỗi lo âu sâu sắc, hoặc là một tin điều tự cho mình là đúng đối với sự căm ghét xã hội. Nó còn là một hệ thống tư tưởng sẵn sàng hiểu biết, dường như cung cấp một cách nhìn thấu triệt tương lai, cũng như quá khứ. Nó thỏa mãn lòng khao khát của những bộ phận xã hội mới biết đọc muốn hiểu biết thế giới quanh mình.

Như vậy là, đối với sự phân biệt về mặt trí tuệ, lý luận mác xít dường như cung cấp cái chìa khóa cho việc hiểu biết lịch sử nhân loại, một công cụ phân tích để nhận định sự năng động của những thay đổi chính trị và xã hội, một sự lý giải tinh vi về đời sống kinh tế, và một loạt những cách nhìn sâu sắc về động cơ thúc đẩy xã hội.

Khái niệm "biện chứng lịch sử" xuất hiện như một phương tiện đặc biệt có giá trị để đối phó với những mâu thuẫn của thực tế. Đồng thời, sự nhấn mạnh đến hành động chính trị nhằm đẩy mạnh một cuộc cách mạng xã hội, và sự kiểm soát của nhà nước đối với toàn bộ xã hội nhằm hoàn thành một xã hội công bằng được kế hoạch hóa triệt để, điều đó đặc biệt hấp dẫn đối với sự khao khát của trí thức muốn được hành động dựa trên lý trí.

Như vậy là chủ nghĩa cộng sản hấp dẫn cả những người gốc lẫn những người khờ: đối với mỗi người, nó cho một ý thức về sự lãnh đạo, một sự giải thích làm vừa ý, và một sự chứng minh về đạo đức.

Nó làm cho những người theo chủ nghĩa cộng sản tự cảm thấy mình đang dẫn và cùng một lúc tự tin - Nó không để cho cái gì là không chắc chắn. Nó tự xem mình vừa là triết học, vừa là một khoa học. Dù ở mức độ cá nhân hay tinh vi về mặt trí thức, hoặc thiếu cái đó, nó cung cấp kịp thời sự hướng dẫn, sự khuyến giải của lịch sử, và trên hết, sự đơn giản hóa đến cao độ cái có thể hoàn thành thông qua hành động chính trị trực tiếp.

Hơn nữa, bằng cách kết cấu cảm xúc với lý trí, học thuyết cộng sản ở vào một vị trí ảnh hưởng quyết định đối với hai nguồn gốc trung tâm của sự ứng xử của con người. Nhiệt tình chính trị có thể chuyển biến thành quyền lực chính trị to lớn. Lý trí bị hấp dẫn bởi khái niệm

xây dựng xã hội và xây dựng xã hội là điểm xuất phát để phát động quyền lực chính trị. Cùng với nhau, chúng sản sinh ra tính tàn ác của quyền lực nhà nước tập trung là cái trở thành đặc trưng nổi bật nhất của chủ nghĩa cộng sản.

Như vậy thế kỷ XX đã biến thành thế kỷ của nhà nước. Đó là một sự phát triển không được dự kiến. Thật thế, không ai có cách nhìn cao xa có thể dự đoán là những quan điểm do một người Đức gốc Do Thái lưu vong làm công tác thư viện đưa ra và được một người Nga viết sách chính trị ít người biết đến vào đầu thế kỷ lại trở thành một học thuyết áp đặt của thế kỷ. Ở Mỹ cũng như ở Châu Âu không có khả năng của bất cứ sự thách thức nghiêm trọng nào về mặt hệ tư tưởng đối với bản chất của hệ thống đang tồn tại. Những dây neo cố định về mặt triết học của "status quo" (nguyên trạng) nói chung được xem là vững vàng, thậm chí không thể biến đổi được.

Như điều đã được chờ đợi, ngày 1 tháng Giêng 1990 được chào mừng ở khắp mọi nơi bằng một khối lượng lớn thường dùng những dự đoán về triển vọng của thế kỷ cuối cùng thuộc thiên niên kỷ thứ hai. Dường nhiên là các điều dự đoán khác nhau. Nhìn một cách khái quát, giọng nổi bật nhân dịp đầu thế kỷ là từ các báo chủ yếu của thế giới phương Tây và từ các chính khách phương Tây, đó là cái giọng tự khen - cái giọng lan tràn đó tỏ ra tự mãn với nguyên trạng, gần như say sưa với sự thịnh vượng được xem như không ngừng mở rộng và trong trường hợp của nước Mỹ có sự chờ đợi xảy ra những sự tăng trưởng nổi bật về sức mạnh kinh tế và chính trị. Từ *New York Times*, trong bài "Viễn cảnh kinh doanh" ngày 1 tháng Giêng 1990 tuyên bố: "sự thịnh vượng đã thâm nhập vào mọi ngành công nghiệp ở Mỹ. Những người sản xuất trong nông nghiệp đã có một sự thịnh vượng bất thường, cũng như công nhân ở các hầm mỏ, xí nghiệp, xưởng máy". Bài báo kết luận với nhận định rằng "ở Mỹ, sự thịnh vượng có thể thấy trước trong bước tiến lên của nước ta, khiến cho chúng ta trở thành dân tộc tiên tiến nhất trên thế giới".

Phần lớn những chủ đề như thế cũng nổi lên trong các bản thông điệp về tình hình liên bang của các tổng thống (William Mc Kinley ngày 3 tháng 12 năm 1900 và theo đó Theodore Roosevelt ngày 1 tháng 12 năm 1902. Nhưng Roosevelt cũng ghi nhận là "chúng ta sẽ phải đương đầu với nhiều vấn đề vào lúc bắt đầu thế kỷ XX, những vấn đề nghiêm trọng ở ngoài nước và còn nghiêm trọng hơn ở trong nước". Tuy vậy, ông ta vẫn lặp lại các điệp khúc là "trước đây, chưa từng bao giờ phúc lợi vật chất lại được phổ cập rộng rãi đến như thế trong nhân dân chúng ta. Tất nhiên, khi những điều kiện đã tạo thuận lợi cho cái tốt phát triển như vậy thì chúng cũng tạo thuận lợi ở một mức nào đó cho cái xấu phát triển... Nhưng cái xấu là cố thật, và một số mang tính chất đe dọa, nhưng chúng là sự phát triển quá nhanh, không phải của sự nghèo nàn và suy thoái, mà là của sự thịnh vượng".

Những bài xã luận của báo chí cũng hưởng ứng cái "mốt" đó. Lòng tin ở nền dân chủ và lòng tin ở nước Mỹ hòa làm một - Tạp chí *Bác Mỹ*, trong một bài viết mang đầu đề "Gánh nặng của thế kỷ XX" nhấn mạnh đến vấn đề tương lai của nền dân chủ và nhận định một cách tin tưởng: "Chúng ta phải nhìn vào nước Mỹ, và chỉ nước Mỹ thôi! Đó là một vấn đề mà do tầm quan trọng đối với tương lai của nhân loại, không thể được cường điệu. Có thể vào năm 1999 hoặc vào năm 2000, chúng ta trở lại trái đất để nghe câu trả lời. Có thể đó là một câu trả lời có lợi cho nền dân chủ. Và có thể đó là câu trả lời kết thúc!". Còn tờ *Washington Post* chào mừng ngày 1 tháng Giêng 1900 của thế kỷ mới với sự khẳng định lại một cách thẳng lợi sứ mệnh của Mỹ đối với những thuộc địa ở hải ngoại, và nhận xét một cách hoan hỉ: "đó là những thuộc địa của chúng ta và mọi lời nói về chống bành trướng cũng đều là không căn cứ và là giọng lưỡi của kẻ ba hoa".

Trên lục địa Châu Âu, "cái mốt" đó cũng không kém phần tin tưởng và cách nhìn tương lai cũng tốt lành như thế. Ở nước Anh, một thứ chủ nghĩa sô vanh lạc quan bộc lộ trong nhận định của tờ *London Times* chào mừng thế kỷ mới trong bài viết ngày 1 tháng Giêng

1901: "Chúng ta có lòng tin dựa trên lý trí rằng nước Anh và những người con của nó sẽ nổi lên một cách thẳng lợi từ sự thử thách vào lúc kết thúc của thế kỷ XX cũng như lúc đã kết thúc thế kỷ XIX, và rằng sau đó cũng như những thời đại tiếp sau họ sẽ sống và thịnh vượng như nhân dân một đế quốc thống nhất, trở thành người bảo vệ cho sự nghiệp của con người". Tuy nhiên, những nhận xét nghiêm trọng hơn quan tâm đến mối nguy cơ lâu dài đe dọa địa vị đứng đầu của nước Anh do sự nổi lên của năng lực công nghiệp của Mỹ, như tờ *New York Times* ngày 31-12-1900 trong khi trích dẫn tờ báo nói trên của London đã nhận định: "Một điều không phấn khởi là đã che giấu thực tế nước Anh bị vượt bỏ xa". Ở nước Pháp và nước Đức, sự lạc quan về văn hóa và dân tộc cũng là những chủ đề lớn về ngày đó. Lòng tin ở sự tất yếu của nền dân chủ tràn ngập trong thông điệp trung tâm của tờ báo Pháp "Tờ báo của những cuộc tranh luận". Trong bài viết ngày 5 tháng Giêng 1901, tờ báo nhận xét: "Ngày nay, một phần ba nhân loại đã có những quyền được thừa nhận và bảo đảm bởi pháp luật". Cùng ngày, sự hứa hẹn của khoa học, ngay cả trong lĩnh vực chính trị đã được tờ báo *Le Figaro* bình luận như sau: "Khoa học sẽ dạy cho con người lòng khoan dung bằng cách phản ánh trước mắt họ những hình ảnh của những sai lầm của chính họ".

Ở nước Đức, có lẽ do vị trí là trung tâm địa lý chính trị của nó ở Châu Âu, báo chí được mọi người chú ý phản ánh sự đánh giá về tình hình xung đột tiếp tục trong những vấn đề quốc tế và sự quan tâm đến sức mạnh đang lên của nước Đức. Ngày 1 tháng Giêng 1900, tờ báo hàng ngày của Berlin, tờ *Tagliche Rundschau* viết trong xã luận: "Sẽ là một bài học có ích cho người Anh khi họ thừa nhận rằng những thời điểm mỏng manh của sự phục tùng đã chấm dứt. Do đó, chúng ta sẽ đương đầu với nước Anh một cách khác, chúng ta được kính trọng hơn". Chỉ có một tờ báo của phái Xã hội-dân chủ, tờ *Verwärts*, đã phát ra một giọng điệu hệ tư tưởng. Tờ báo chào mừng năm mới và thế kỷ mới với việc khẳng định lại về sự suy sụp không thể tránh khỏi của chủ nghĩa Tư bản, tuy nhiên với lời nhắc nhở rằng "Chúng ta đều biết là sự thù tiêu

xã hội tư bản hiện đại sẽ không diễn ra nhanh chóng như sự giác ngộ của giai cấp vô sản, hoặc ngay cả như những nhà tư tưởng lỗi lạc về chủ nghĩa xã hội quan niệm một thế kỷ trước đây".

Trong bất cứ một sự quan tâm nào đến các vấn đề hệ tư tưởng và các học thuyết về hệ thống đều thiếu một cách nổi bật những cách nhìn tương lai trong đó sự tiêu thụ của quần chúng được coi trọng. Chỉ có ở nước Pháp và Đức, nơi mà những người xã hội chủ nghĩa đã có mặt trong các thể chế nghị viện là chủ nghĩa xã hội đã được chú trọng hơn, nhưng ngay ở những nơi đó, ở mức độ cuộc tranh luận công khai, bất cứ một khả năng nào về sự dấy lên của hệ tư tưởng, chưa nói đến sự xung đột về hệ tư tưởng, cũng đều không được chú ý.

Trái lại, quan điểm chiếm ưu thế đã được thể hiện trong lời bình luận của tờ báo Pháp *Le Figaro* khi chào mừng thế kỷ mới đã tiên đoán rằng đó là một thế kỷ của lý trí hơn là một thế kỷ của cảm xúc: "Điều mà thế kỷ XX chắc chắn sẽ đem lại cho chúng ta là sự thâm nhập của khoa học vào đời sống xã hội và đời sống riêng tư, điều đó sẽ cho chúng ta những quy tắc của cách ứng xử. Và đó sẽ là một cảnh tượng huy hoàng mà chúng ta sẽ chỉ thấy bước khởi đầu.

Hy vọng rằng thế kỷ XIX nâng niu chúng ta sẽ mang theo nó trong vực thẳm của các thế kỷ tất cả những sự căm ghét ngu xuẩn, những lời buộc tội đần độn, những lời vu cáo điên rồ đã làm cho những ngày cuối cùng của nó thêm u uất và không xứng đáng với những con người có lương tri".

Tuy nhiên, phần lớn thế kỷ XX đã bị thống trị không những bởi những xúc cảm mạnh mẽ về hệ tư tưởng mà còn bởi một xúc cảm mang cái mặt nạ như là lý trí khoa học, đó là chủ nghĩa cộng sản.

Thật vậy, vào giữa thế kỷ này, chủ nghĩa cộng sản đã phát triển từ bờ sông Elbe đến bán đảo Kamchatka và Thượng Hải, thống trị cuộc sống của hơn một tỷ người.

Ở các nước Đông Âu, các đảng cộng sản đã nắm chính quyền. Ở Mỹ la tinh, chất men cộng sản đã kết hợp với chủ nghĩa dân tộc chống Mỹ. Trong những giới trí thức ở phương Tây và trong những phong trào chống thực dân, chủ nghĩa Mác đã trở thành cái "mốt" và phát triển.

Nhà nước, bằng cách khai thác quyền lực chính trị và bằng cách sử dụng những công cụ của xây dựng xã hội có thể thực hiện được với sự thiết lập công nghiệp hóa trở thành điểm trung tâm của đời sống xã hội, của sự quy phục xã hội và sự trung thành cá nhân. Tuy rằng sự phát triển đó có quy mô rộng lớn khắp thế giới, nó trước hết nảy sinh dưới một hình thức gay gắt nhất ở Liên Xô, ở một nhà nước với quyền uy tuyệt đối và mĩa mai thay, lại dưới cái khái niệm "nhà nước sẽ tiêu vong".

Sự xuất hiện chủ nghĩa cộng sản như là một biểu hiện chính trị lớn của thế kỷ XX cần được xem xét đồng thời với sự nổi lên của chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa na-di⁽¹⁾.

Trên thực tế, giữa chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa na-di đã có mối quan hệ về loại hình, về lịch sử và giống nhau về mặt chính trị. Cả hai đều là những phản ứng đối với những chấn thương của thời đại công nghiệp hóa, của những bất công trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, của sự xuất hiện hàng triệu người mất gốc, đại diện cho thế hệ đầu tiên của công nhân công nghiệp, của sự căm ghét giai cấp do những điều kiện nói trên đem lại.

Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất dẫn đến sự sụp đổ của những giá trị đương thời và trật tự chính trị ở nước Nga sa hoàng và nước Đức đế chế. Nó tạo nên những sự căng thẳng gay gắt về mặt xã hội ở cả nước Ý mới công nghiệp hóa. Tất cả những điều đó làm nổi lên những phong trào bị ràng buộc với khái niệm về công bằng xã hội xung quanh sự kêu gọi căm thù xã hội và tuyên bố bạo lực xã hội được tổ chức như là công cụ của công cuộc cứu thế xã hội.

(1). Chủ nghĩa na-di (nazism) là chủ nghĩa quốc xã Đức do Hitler đặt ra - N.D chú thích.

Cuộc chiến tranh to lớn sau này giữa nước Đức na - di của Hítle với nước Nga Xô viết của Stalin đã làm cho người ta quên đi đó là một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn giữa hai thành phần của cùng một niềm tin.

Tuy rằng, một bên thì tuyên bố kiên quyết chống chủ nghĩa Mác và chủ trương một sự căm thù chủng tộc chưa từng thấy, còn một bên thì tự xem như là con đẻ duy nhất của chủ nghĩa Mác bằng cách chủ trương căm thù giai cấp chưa từng thấy. Nhưng cả hai đều nâng nhà nước lên thành cơ quan cao nhất của hành động tập thể, cả hai đều sử dụng khủng bố tàn bạo như là phương tiện để buộc phải quy phục xã hội, và cả hai đều thực hiện sự giết người hàng loạt không có gì so sánh nổi trong lịch sử loài người.

Cả hai cũng tổ chức kiểm soát xã hội bằng những cách giống nhau, từ những nhóm thanh niên đến những tên chỉ điểm láng giềng và những phương tiện thông tin đại chúng tập trung và hoàn toàn bị kiểm duyệt. Và cuối cùng, cả hai đều nhận định rằng họ dẫn mình vào sự nghiệp xây dựng những nhà nước đầy quyền uy "xã hội chủ nghĩa".

Cần ghi nhận ở đây rằng Hítle là một kẻ học trò khao khát học những cách thực hành chính trị do Lenin và Mussolini khởi xướng. Cả hai người đó đều là những người báo trước Hítle, đặc biệt là về mặt sử dụng những phương tiện thông tin đại chúng mới nhằm kích động và sau đó động viên những đám quần chúng mới thức tỉnh về mặt chính trị. Nhưng cả ba đều là những người tiên phong trong việc đi tìm quyền lực tuyệt đối, và họ đặc biệt khôn khéo trong việc kết hợp sự khai thác nhiệt tình chính trị với sự tổ chức kỷ luật chính trị. Con đường mà họ giành quyền lực là điểm xuất phát để họ nắm và sử dụng quyền lực và từ đó nổi lên một loại hình trật tự chính trị mới dưới hình thức một nhà nước cực quyền.

Về mặt triết học, cả Lenin và Hítle đều biện minh cho những hệ tư tưởng kêu gọi xây dựng xã hội trên quy mô lớn, đều tự cho họ vai trò

là những người nắm toàn quyền chân lý, đều làm cho xã hội phụ thuộc vào đạo đức của hệ tư tưởng, đạo đức mà đối với Lenin là dựa trên cơ sở đấu tranh giai cấp, còn đối với Hítle là sự bá chủ về chủng tộc, và từ đó biện minh cho mọi hành động đẩy tới những sứ mệnh lịch sử của họ đã được lựa chọn. Hítle là học trò chăm chú của khái niệm bônsevích về đảng tiên phong được quân sự hóa và khái niệm của Lenin về thủ đoạn chiến thuật nhằm phục vụ thắng lợi tối cao của chiến lược, cả hai đều giành chính quyền và đều xây dựng lại xã hội. Về mặt thể chế, Hítle học ở Lenin cách xây dựng nhà nước dựa trên sự khủng bố, hoàn thiện nó với bộ máy cảnh sát bí mật, với sự tin cậy dựa trên khái niệm nhóm tội phạm trong khi xét xử, với những bản án hình thức đã được dàn dựng.

Hơn nữa, với thời gian qua đi, mỗi bên còn chú trọng đến những chủ đề khác lớn hơn và ngay cả những biểu tượng. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, Stalin không ngừng hợp pháp hóa giai cấp mới cầm quyền của ông ta bằng những khẩu hiệu dân tộc chủ nghĩa, bằng những bộ đồng phục kiêu căng cho những quan chức dân sự quan liêu và thông qua những tham vọng của đại cường quốc làm người ta nhớ đến những cách thực hành của na-di.

Hítle có nhiều lần nhận xét rằng trong khi Stalin là một "người hung bạo", thì nhà độc tài Xô viết ít nhất cũng là một người hung bạo "tâm cỡ lớn", rằng Stalin là một "bác thiên tài" mà người ta phải "có lòng kính trọng không dè dặt" vì chỉ trong vòng từ 10 đến 15 năm nắm quyền lực, ông ta đã đưa Liên Xô trở thành "cường quốc lớn nhất trên thế giới". Sau cuộc lật đổ Hítle không thành công năm 1944, chế độ na-di biện minh cho việc tiêu diệt tầng lớp quý tộc Đức với một "ngôn ngữ căm thù giai cấp khó mà phân biệt được với Liên Xô. Hítle còn tỏ ra ghen tị một cách đờn bại với Stalin đã đưa chủ nghĩa Lenin đến những kết luận lôgic của nó - Hítle nói : "Tôi đã hối hận một cách sâu sắc rằng tôi đã không thanh trừng đội ngũ sĩ quan của tôi theo cách Stalin đã làm". Trên thực tế, không có gì quá đáng để nói rằng Hítle là một phần tử leninít cũng như Stalin là một phần tử na-di.

Về mặt giống loài và về mặt lịch sử, hai nhà lãnh đạo cực quyền hợp nhau. Cả hai bạo chúa đều biện minh cho việc áp đặt hoàn toàn sự kiểm soát của Nhà nước bằng cách tuyên bố công khai mục tiêu xây dựng lại xã hội từ gốc đến ngọn với một khái niệm giáo điều nhưng mơ hồ về một trật tự không tưởng mới.

Việc xây dựng lại xã hội được hoàn thành thông qua việc sử dụng trực tiếp quyền lực nhà nước, tiêu diệt các hình thái xã hội truyền thống và loại trừ mọi biểu hiện của sự tự phát xã hội. Chủ nghĩa cực quyền như vậy là đồng nghĩa với chủ nghĩa nhà nước về thực chất.

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự thất bại của một người đề xướng lớn (tức là Hitle - N.D chú thích) sự tăng bậc nhà nước như tác nhân tối cao của lịch sử. Nhưng nó cũng đưa đến sự lan tràn ảnh hưởng và quyền lực to lớn của kẻ đề xướng khác (ý nói Liên Xô. N.D chú thích). Chế độ cộng sản cho đến năm 1917 chỉ thu hẹp ở phần lớn đế chế của Sa hoàng trước đây, nay phát triển rất mạnh. Trung Âu trên thực tế trở thành một tỉnh của Liên Xô từ năm 1947. Trung Quốc đầu tiên tuyên bố trung thành với mô hình Xô viết sau thắng lợi của cộng sản năm 1949, các chế độ cộng sản xuất hiện ở một nửa nước Triều Tiên năm 1945 và ở một nửa nước Việt Nam năm 1954. Trong vòng một thập kỷ sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, hơn một tỷ người sống dưới chế độ cộng sản. Phần lớn Âu - Á (Eurasia) trở thành cộng sản, chỉ có những vùng ngoại vi viễn đông và viễn tây là được che chở bởi sức mạnh của Mỹ. Chủ nghĩa cộng sản hình như đang tiến triển, có lẽ chỉ tạm thời bị ngăn chặn bởi việc Mỹ tiêm cho những bộ phận lớn của thế giới các liều thuốc tiền bạc và sức mạnh quân sự.

Điều còn quan trọng hơn là sự lan tràn gián tiếp thực chất của tư tưởng cộng sản. Trong bốn thập kỷ qua, ở hầu khắp mọi nơi, khuynh hướng dựa trên hành động của nhà nước để đối phó với tình trạng tồi tệ về kinh tế và xã hội trở nên thống thế. Điều chắc chắn là ở những xã hội có những truyền thống dân chủ mạnh mẽ, những cố gắng đặc

biệt đã được thực hiện nhằm ngăn chặn một sự tập trung quá đáng và lạm dụng quyền lực chính trị. Sự tự do lựa chọn được bảo vệ bởi sự ganh đua chính trị công khai và bằng những điều khoản an toàn của Hiến pháp - Tuy nhiên, ngay cả những xã hội có trình độ phát triển cao về dân chủ, khái niệm về hành động của nhà nước được xem như phương tiện tốt nhất để tăng cường phúc lợi kinh tế và công bằng xã hội cũng trở thành cách nhìn chủ yếu.

Như thế không có nghĩa rằng chủ nghĩa xã hội dân chủ, hoặc nhà nước phúc lợi, là những biểu hiện xảo quyệt của sự lan tràn chủ nghĩa cộng sản, thật vậy, cả hai (tức là chủ nghĩa xã hội dân chủ hoặc nhà nước phúc lợi) tiêu biểu cho những phương tiện chiến đấu có hiệu quả nhất chống lại sự hấp dẫn của học thuyết cộng sản và tạo nên một sự thay thế dân chủ cho mô hình cộng sản. Nhưng việc dựa vào nhà nước được xem như công cụ chủ yếu để cứu vớt xã hội đã gián tiếp tăng cường cho địa vị chính thức của hệ thống Xô viết, hệ thống này được xem như gương mẫu tối cao về kế hoạch nhà nước và cải cách xã hội dưới sự lãnh đạo của nhà nước.

Khuynh hướng đó tất yếu đã góp phần vào định hướng ban đầu của những nước mới thoát khỏi chế độ thuộc địa đi theo những dạng khác nhau của chủ nghĩa xã hội nhà nước. Nó cũng tăng cường khuynh hướng đầu tiên của nhiều nước trong số đó xem kinh nghiệm của Liên Xô như là điều gợi ý và là tấm gương để bắt chước. Trong những năm 50 và 60, phần lớn thế giới thứ ba đều hoan hô không chút phê phán mô hình Xô viết, xem nó như là con đường tốt nhất và nhanh nhất dẫn đến hiện đại và công bằng xã hội - Những nhà lãnh đạo Xô viết, trong những chuyến đi ra nước ngoài, được tâm mình trong sự nịnh hót và tự do khuyến cáo làm cách nào tốt nhất để chấp nhận con đường đi đến chủ nghĩa xã hội của Liên Xô.

Trong thế giới phát triển, những kiểu cách trí tuệ đó cũng rất hợp thời. Như Paul Hollander đã liệt kê trong quyển sách "Những người hành hương chính trị" của ông, nhiều nhà trí thức phương Tây đến Liên

Xô vào những năm 20 và 30 đã cá tin vào toàn bộ sự đơn giản hóa đến cao độ của chủ nghĩa cộng sản. Lion Feuchtwanger, một nhà viết tiểu thuyết Đức viết: "Tôi cố thiện cảm không tránh khỏi với kinh nghiệm xây dựng một nhà nước khổng lồ chỉ trên cơ sở lý trí". Như nhiều nhà hoạt động tôn giáo, Henry Hodgkin theo đạo Quây cơ (Quaker) Mỹ tán thành luận điểm tập thể hóa của chế độ Xô viết, và tuyên bố: "Như ta thấy, kinh nghiệm lớn ở Nga về tình anh em, hình như đã cho ta một sự nhận thức mờ mờ nào đó về con đường của chúa Giê-su mà mọi người chỉ linh cảm chứ chưa biết được".

Edmund Wilson cảm nhận thấy một điều không tưởng còn thể tục hơn: "Anh cảm thấy ở Liên Xô, anh ở vào đỉnh cao đạo đức của thế giới, nơi mà thực tế ánh sáng không bao giờ tắt".

Trong số những nhà trí thức đó, "dân chủ" kiểu Liên Xô đã được chấp nhận như là chính thức, nếu không phải là còn hơn thế, như dân chủ phương Tây - Chủ nghĩa cực quyền Stalin đôi khi được ghi nhận, nhưng ít bị lên án. Sidney và Beatrice Webb nhấn mạnh là Stalin không cai trị như một nhà chuyên chế: "Ông ta thậm chí không có quyền lực được mở rộng mà quốc hội Mỹ đã tạm thời giao cho Tổng thống Roosevelt, hoặc quyền lực mà Hiến pháp Mỹ giao trong bốn năm cho các tổng thống kế tục nhau".

Sự thần phục hoàn toàn đó đối với hệ thống Xô viết dưới quyền Stalin đã mở rộng đến cả các trại giam. Tiến sĩ J.L.Gillin, một thời là Chủ tịch Hội xã hội học Mỹ viết: "Điều rõ ràng là hệ thống Xô viết đặt kế hoạch cải tạo người phạm tội và đưa họ trở lại đời sống xã hội".

Harold Laski, nhà chính trị kinh tế học Anh viết rằng ông ta phát hiện ở hệ thống Xô viết "sự nhấn mạnh là người tù phải sống một cuộc sống đầy đủ và tự trọng, trong những điều kiện cho phép có thể thực hiện được". Một nhà báo nghiên cứu lâu năm các vấn đề của Liên Xô, Maurice Hindus, nhận xét: "sự trả thù, trừng phạt, tra tấn, hà khắc, làm nhục không có chỗ tồn tại trong chế độ đó". Ngay cả George Bernard

Shaw, ghi nhận một yếu tố ý chí luận của chế độ Stalin tại các trại lao động cải tạo, đã viết: "ở nước Anh, một người phạm tội vào trại giam như một người bình thường và ra khỏi đó như một kẻ gây tội ác, trong khi đó thì ở Nga người vào trại giam như một kẻ gây tội ác và ra khỏi đó như một người bình thường, nhưng có khó khăn là xui khiến anh ta rời khỏi trại giam. Ở chừng mực mà tôi có thể xác minh, họ có thể ở lâu chừng nào họ muốn".

Sự mê hoặc đầu tiên vì cố gắng của Liên Xô nhằm xây dựng một xã hội mới trong những năm 1930 phản ánh trong những quan điểm về hạnh phúc theo phương hướng sai lầm đó đã tăng lên mạnh mẽ với sự kiện Stalin đánh bại Hitle. Ngay cả chiến tranh lạnh sau đó cũng không thể làm cho nhiều nhà trí thức phương Tây thất vọng về sự mơ mộng của họ đối với công cuộc xây dựng lại xã hội của cộng sản. Trong những năm 50 và ngay cả những năm 60, ở nhiều trường đại học phương Tây, cách nhìn xã hội chủ yếu là một hình thức nào đó của "phái tả" theo đó Liên Xô thường có được cái lợi của sự nghi ngờ vì sự hấp dẫn đối với các nhà trí thức về kinh nghiệm xã hội do nhà nước lãnh đạo.

Xét một cách chung hơn, sự chính thống mới có khuynh hướng nhấn mạnh đến tính ưu việt của việc kế hoạch hóa xã hội được lãnh đạo về mặt chính trị. Phản ứng một cách rộng lớn trước sự hỗn loạn do cuộc đại khủng hoảng và sau đó là chiến tranh thế giới thứ hai gây nên, thế giới ngày nay vận động trong một thời đại trong đó cách ứng xử xã hội không ngừng được thực hiện thông qua những phương tiện chính trị và trong đó hoạt động kinh tế phản ứng lại sự lãnh đạo về kế hoạch chính trị. Ngay dù có nhiều người biện hộ cho sự chính thống mới nhận thức được sự kiện là thực tế Xô viết trái ngược một cách sâu sắc với lý tưởng, họ vẫn nghĩ rằng tiềm năng để thực hiện lý tưởng nằm ngay trong hệ thống Xô viết và do đó dẫn đường đi đến tương lai.

Hiệu quả đờn lại của cái có vẻ là thành tựu của hệ thống Xô viết là đưa thế kỷ XX vào một thời đại được thống trị bởi sự nổi lên và sự hấp

dẫn của chủ nghĩa cộng sản. Mặc dầu Mỹ nổi lên trong thế kỷ này như là cường quốc thế giới nổi bật và mặc dầu lối sống Mỹ có sự hấp dẫn lớn không thể so sánh được, Mỹ lại được nhận thức, một cách rộng lớn và bất công ... như là dẫn mình vào hành động phòng ngự, tìm cách ngăn cản một cách vô ích làn sóng không tránh được của lịch sử. Chính là sự lan tràn chủ nghĩa cộng sản ở Trung Âu và Trung Quốc đã làm thay đổi bản chất chính trị của thế giới, đã thống trị sự tranh luận của giới trí thức, và điều đó dường như tiêu biểu cho diềm báo trước của lịch sử.

Tuy nhiên, chỉ trong một thế kỷ bắt đầu của nó, chủ nghĩa cộng sản đang tàn lụi - Những tư tưởng và thực tế gắn bó với chủ nghĩa cộng sản đã mất uy tín, trong nội bộ chủ nghĩa cộng sản thế giới cũng như bên ngoài nó.

Vào cuối những năm 1980, để thúc đẩy nền kinh tế trì trệ của họ đi vào một năng suất cao hơn và để động viên công nhân của họ có những cố gắng lớn hơn, những nhà lãnh đạo cộng sản ở Liên Xô, Trung Quốc và Đông Âu thường xuyên nhắc đi nhắc lại những nhận xét, những nhận xét này sẽ không phải là không đúng chỗ cuộc họp hàng năm của Hội những người sản xuất Mỹ. Ví như, theo báo *Sự thật* Liên Xô ngày 1-8-1988, công nhân Xô viết được nghe Alexandre Yakovlev tuyên bố rằng ngày nay "hệ tư tưởng của người sở hữu phải là tối cao", "làm cho thối nát nhận thức về quyền sở hữu là một điều tốt, vì khi người công nhân có lợi ích ở một cái gì đó thì người ta sẽ làm cả việc đời nui, nếu không có lợi ích đó, người ta sẽ thờ ơ. Người công nhân Ba Lan được một ủy viên bộ chính trị, Stanislaw Ciosek nhắc nhở rằng "Không thể cải thiện được đời sống theo một mức độ như nhau đối với mọi người". "Chắc chắn rằng ai phục vụ nền kinh tế của đất nước tốt thì sẽ được trả công khá hơn". Ciosek nói thêm: "Đó là những quy luật cứng rắn của kinh tế". Và chỉ một vài tháng trước đó, ở tận cùng viễn đông của thế giới cộng sản, công nhân Trung Quốc được Hồ Khởi Lập, một ủy viên cao cấp của Bộ chính trị mở mắt cho về mặt hệ tư tưởng. Ông ta nói: "Cái

gì có lợi cho sự phát triển của lực lượng sản xuất là cần thiết và được chủ nghĩa xã hội cho phép".

Vào đêm trước thập kỷ cuối cùng của thế kỷ, hầu hết mọi hệ thống cộng sản đều tiến hành cải cách mà trên thực tế là có giá trị tương đương với sự bác bỏ kinh nghiệm mácxít-lêninít. Điều quan trọng nhất là sự bác bỏ về mặt triết học những tiền đề nguồn gốc của chủ nghĩa cộng sản.

Việc ca tụng Nhà nước ngày nay đã nhường chỗ ở khắp mọi nơi trong các nước xã hội chủ nghĩa cho việc đề cao cá nhân, nhân quyền, sáng kiến cá nhân và ngay cả kinh doanh tư nhân.

Sự rút bỏ chủ nghĩa nhà nước, sự ưu tiên ngày càng tăng lên đối với quyền con người và sự chuyển sang chủ nghĩa thực dụng kinh tế tiêu biểu cho một cuộc cách mạng to lớn về thái độ và về triết học cơ bản đối với cuộc sống. Đó là một bước ngoặt chắc chắn là đem lại những hậu quả tầm xa và lâu dài. Nó đã có ảnh hưởng cả về kinh tế và chính trị trên quy mô toàn thế giới. Và nó báo trước khả năng ngày càng tăng lên là vào ngày 1 tháng Giêng 2000, những nhà dự báo xã hội có thể quy cho học thuyết cộng sản, lần này với một sự chứng minh xác thực, một tầm quan trọng nhỏ bé đối với tương lai của thế kỷ XXI cũng như trường hợp những người đi trước họ trước đây một trăm năm đã làm, nhưng kém được chứng minh xác thực hơn. Cuộc khủng hoảng cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản hiện đại như vậy là càng gây ấn tượng sâu sắc về mặt lịch sử do sự đột ngột bắt đầu của nó. Do đó, đây là lúc hợp thời cần hỏi xem cái gì sẽ xảy ra đối với cái học thuyết và sự thực hiện nó trong thế kỷ này hình như được xem là làn sóng của tương lai. Đã đem lại cái gì từ sự thất vọng, sự thất bại, đặc biệt là những tội ác dồn tích lại đã làm mất tín nhiệm một hệ tư tưởng, một phong trào chính trị, và một sự thể nghiệm xã hội khởi thủy được xem như là dẫn tới con đường cứu vớt thế gian?

Phần I

THẤT BẠI LỚN

Nguyên nhân đẩy nhanh sự ngạc nhiên của chủ nghĩa cộng sản là sự thất bại của kinh nghiệm Liên Xô. Thật vậy, khi chúng ta tiến gần đến cuối thế kỷ XX, hình như khó mà tin rằng mô hình Xô viết đã một thời được xem là hấp dẫn và đáng được noi theo. Đó là thước đo cho biết kinh nghiệm của Liên Xô đã xuống thấp đến mức nào trong thiện cảm của công chúng trên thế giới. Ấy vậy mà, đã có những thời kỳ, chưa phải là xa lắm, mô hình Xô viết đã được hoan nghênh, kính phục, noi gương. Do đó, một câu hỏi thích hợp được đặt ra là: vậy thì có cái gì không đúng và tại sao? khi suy nghĩ về thất bại của Liên Xô, ghi lại rất ngắn gọn con đường lịch sử của kinh nghiệm mácxít ở nước Nga là rất bổ ích.

Quá là một sự phát triển kỳ lạ khi một học thuyết chủ yếu của Tây Âu do một trí thức Do Thái Đức lưu vong (ý muốn nói là Mác. N.D chú thích) xây dựng từ phòng đọc của Thư viện nước Anh được cấy vào cái truyền thống chuyên chế gần như Đông phương của một đế quốc Âu - Á phần nào lạc hậu bởi một nhà cách mạng Nga viết sách tranh luận đóng vai bà đỡ của lịch sử (ý muốn nói là Lenin. N.D chú thích). Tuy nhiên, vào lúc diễn ra cuộc cách mạng Nga, chủ nghĩa Mác không còn

là lý thuyết của người thủ thư thông thái rôm. Nó đã là một phong trào chính trị xã hội chủ đạo ở châu Âu đang đóng một vai trò quan trọng ở nhiều nước châu Âu và có một diện mạo chính trị cụ thể. Diện mạo rõ ràng là một sự dấn thân vào xã hội. Các từ *xã hội dân chủ* được hầu hết những người mácxít vào thời điểm đó dùng làm tiêu biểu cho sự dấn thân của cái phong trào xã hội chủ nghĩa tương đối trẻ đó.

Chủ nghĩa xã hội, và từ đó chủ nghĩa Mác như vậy đã được phương Tây xem chủ yếu là mang tinh thần dân chủ.

Thật ra mà nói, vào thời điểm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đã có một chi nhánh mácxít nhỏ hơn tích cực chủ trương quan niệm về một cuộc cách mạng bạo lực kéo theo sự áp đặt chuyên chính vô sản - những ai lo sợ sự nổi lên của chủ nghĩa xã hội dưới bất cứ chiêu bài nào đều run sợ khi nhớ lại những sự kiện đẫm máu của Công xã Paris năm 1871. Đối với nhiều người, từ *người cộng sản* đã được xem là đối lập với từ *người dân chủ*.

Sự sụp đổ của chế độ Sa hoàng như vậy là đã gợi lên những phản ứng hỗn hợp ở phương Tây đi từ phần khởi hy vọng đầu tiên về nền dân chủ đến sự lo sợ lưỡng trước về một nền độc tài cộng sản.

Chương I

DI SẢN LÊNIN

Những gì đã diễn ra ở nước Nga sau cuộc cách mạng bốn sẽ vịch không làm cho những ai đã đọc kỹ Vladimia Ilích Lênin phải ngạc nhiên. Nhà lãnh đạo bôn-sê-vich của phái triệt để nhất trong số những người mácxít Nga đã không giấu giếm gì về những ý định của ông ta. Hết bài bút chiến này đến bài bút chiến khác, hết bài diễn văn này đến bài diễn văn khác, ông khinh miệt thảng thừng những người bạn mácxít tán thành qua trình dân chủ. Ông nói không úp mở là theo ông nước Nga chưa cần muối cho một nền dân chủ xã hội và chủ nghĩa xã hội sẽ được xây dựng ở nước Nga "từ bên trên", nghĩa là bởi chuyên chính vô sản.

Sự chuyên chính đó, đến lượt nó phải được thực hiện bởi giai cấp vô sản, nhưng chỉ trên danh nghĩa. Theo Lênin, giai cấp cầm quyền mới này cũng chưa sẵn sàng về mặt chính trị để cầm quyền cũng như bản thân nước Nga chưa chín muối về mặt lịch sử cho chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, nền chuyên chính mới yêu cầu có một đại diện có ý thức về mục đích và về mặt lịch sử để hành động nhân danh giai cấp vô sản. Có thể là, do những điều kiện lạc hậu của nước Nga, cả xã hội, cũng như các giai cấp công nhân công nghiệp tương đối ốm yếu đều được xem là chưa sẵn sàng cho chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử do đó được đẩy nhanh bởi một đảng "tiên phong" của những người cách mạng được tổ chức thành đội ngũ biết chắc chắn sứ

mệnh lịch sử là gì và được chuẩn bị trở thành những người tự nguyện bảo vệ sứ mệnh lịch sử đó.

Khái niệm của Lênin về đảng tiên phong là câu trả lời sáng tạo cho vấn đề tiến thoái lưỡng nan về một học thuyết chưa vững vàng ở nước Nga và giai cấp công nhân của nó đều sẵn sàng cho một cuộc cách mạng mácxít.

Cống hiến của Lênin và quyết tâm của cá nhân ông trong việc rèn luyện một tổ chức có kỷ luật của những người cách mạng chuyên nghiệp đã có ý nghĩa quyết định đối với sự hình thành tính chất chính trị của nhà nước đầu tiên dưới sự thống trị của một phong trào tuân theo những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội.

Ở đây không có vấn đề tranh luận xem có phải quan điểm của Lênin chỉ là thuần túy học thuyết hay không, và do đó, việc viện dẫn đến tên gọi của chủ nghĩa xã hội trong mối quan hệ với Lênin và những người theo ông ta có thích hợp không? Đối với những người gắn bó sâu sắc với chủ nghĩa xã hội dân chủ, mọi sự liên quan như thế đều là phi báng. Nhưng vấn đề cần ghi nhận ở đây là Lênin và những người ủng hộ ông tự xem mình là những người mácxít, những người tiến trên con đường trước hết là đi tới chủ nghĩa xã hội, sau đó là chủ nghĩa cộng sản, và như vậy là về mặt khách quan cũng như chủ quan họ là một bộ phận của hiện tượng mới về chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa trong chúng ta thấy những người cầm quyền bôn-sê-vich mới có thể tự đồng nhất với chủ nghĩa xã hội, điều đó giúp đỡ to lớn để giành được cảm tình lắng nghe của phương Tây.

Sự đồng nhất đó, dù là chân thật, hoặc chỉ là chiến thuật, chắc chắn là cơ hội. Nó thu hút trí tưởng tượng của nhiều người ở phương Tây vẫn hy vọng vào thắng lợi của chủ nghĩa xã hội dân chủ nhưng chẳng bao lâu lại thất vọng khi nó diễn ra trong cái hệ thống tư bản chủ nghĩa được bảo vệ vững chắc. Mặc dù nó có những thiếu sót, ngôi sao đỏ trên điện Kremlin, xem ra vẫn tiêu biểu cho buổi bình minh

của chủ nghĩa xã hội, ngay cả trong hình thức không hoàn hảo ban đầu của nó. Hiện tượng ở ngay nước Nga, việc giai đoạn Lenin được đánh dấu bằng những sự mơ hồ to lớn cũng giúp nó giành được những thiện cảm của phương Tây. Tuy rằng còn xa mới là nền dân chủ, ngay từ đầu nó đã bắt tay xóa bỏ tàn bạo mọi chống đối, thời đại Lenin (được tiếp tục một số năm sau khi Lenin mất năm 1924) đã chứng kiến một sự thể nghiệm lớn về xã hội và văn hóa. Trong các lĩnh vực nghệ thuật, kiến trúc, văn hóa, và xét một cách chung hơn là trong đời sống trí tuệ, nét nổi bật là sự cách tân, tạo những tín ngưỡng mới, và mở ra những chân trời khoa học mới.

Sự năng động về trí tuệ diễn ra song song với ý định xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội của Lenin nhằm thỏa hiệp với thực tế nổi bật là sự lạc hậu của Liên Xô và nền kinh tế còn dang dở trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản.

Chính sách kinh tế mới (NEP) nổi tiếng mà về thực chất là dựa trên cơ chế thị trường và sáng kiến cá nhân nhằm kích thích khôi phục nền kinh tế là một hành động thích ứng với lịch sử, hoãn lại việc xây dựng tức khắc chủ nghĩa xã hội bởi nền chuyên chính vô sản mới.

Không lý tưởng hóa thời gian ngắn ngủi đó, sẽ là đúng đắn nếu miêu tả thời kỳ đó như là một giai đoạn cởi mở và đổi mới nhất về tinh thần trong lịch sử nước Nga thế kỷ XX (giai đoạn dân chủ năm 1917 dưới thời Alexandr Kerensky quá ngắn ngủi để có thể có một ảnh hưởng lâu dài).

Thật vậy, chính sách kinh tế mới đã trở thành một thời hạn ngắn cho một thời kỳ thử nghiệm, mềm dẻo và ôn hòa.

Đối với nhiều người Nga, ngay cả hơn 60 năm sau đây là những năm tốt nhất của thời đại được mở ra bởi cuộc cách mạng 1917.

Nhưng, trong thực tế đã có sự lý tưởng hóa quá mức quá khứ trong cách nhìn thơ mộng về những năm 20, phần lớn là do phản ứng lại lịch sử thời Stalin sau đó. Quan trọng hơn hiện tượng đổi mới xã hội

và văn hóa thể hiện nổi bật trên bề mặt cuộc sống ở Moskva, Leningrat và một vài thành phố lớn khác là sự củng cố chế độ một đảng lãnh đạo mới trên qui mô toàn quốc, sự thể chế hóa bạo lực trên qui mô lớn, sự áp đặt học thuyết chính thống, và sự chấp nhận kéo dài cách thực hành lấy những mục đích tư tưởng biện hộ cho một phương tiện chính trị, kể cả những phương tiện tàn bạo nhất.

Hai nét nổi bật cơ tính chất xúc tác trong cái di sản tại hai của Lenin là tập trung quyền lực chính trị chỉ vào tay một số người và hành động dựa trên khủng bố.

Cái thứ nhất là kết quả của sự tập trung mọi quyền lực chính trị vào một đảng tiên phong ngày càng bị quan liêu hóa nhằm kiểm soát toàn bộ cơ cấu xã hội thông qua cái hệ thống nhân sự lan tràn khắp nơi gọi là nomenklatura (tầng lớp đặc quyền) tức là một hệ thống kiểm soát chính trị chặt chẽ có cấp bậc từ trên xuống dưới đối với mọi chức vụ.

Sự sẵn sàng sử dụng khủng bố đối với những người chống đối có thật hoặc tưởng tượng bao gồm cả sự cố ý sử dụng việc phạm tội tập thể của Lenin nhằm bào chữa cho việc đàn áp xã hội trên qui mô lớn; những cái đó làm cho bạo lực có tổ chức trở thành những phương tiện trung tâm để giải quyết trước hết các vấn đề chính trị, rồi đến kinh tế và cuối cùng là xã hội hoặc văn hóa.

Sự dựa vào khủng bố cũng thúc đẩy sự cộng sinh nhanh chóng giữa đảng cầm quyền và công an mật (mà Lenin đã thành lập gần như tức thời sau khi cầm quyền). Không phải ngẫu nhiên hoặc không thích hợp với lịch sử Liên Xô sau đó mà hơn 60 năm sau khi Lenin mất, Viktor M. Chebrikov, người cầm đầu bộ máy công an mật của Liên Xô, trong bài phát biểu tháng 9-1987 kỷ niệm người lãnh đạo đầu tiên của bộ máy đó đã viện dẫn Lenin để bào chữa cho sự khủng bố nông dân Nga rằng "bọn Kulag đã rất khinh miệt chính quyền Xô viết và chuẩn bị bóp chết, giết hại hàng trăm ngàn công nhân".

Cả trước và sau khi nắm chính quyền, Lênin đã biện hộ rõ ràng cho việc sử dụng bạo lực và khủng bố hàng loạt nhằm đạt tới mục đích. Từ năm 1901, ông ta nói "Về nguyên tắc, chúng ta chưa bao giờ từ bỏ khủng bố và không thể từ bỏ nó". Khi sắp nổ ra cuộc cách mạng bolsévich, Lênin viết trong tác phẩm *Nhà nước và Cách mạng* rằng khi ông ta gọi là dân chủ thì từ đó có nghĩa là "một tổ chức để sử dụng sức mạnh cơ hệ thống của một giai cấp này chống lại giai cấp khác, của một bộ phận nhân dân này chống lại một bộ phận nhân dân khác". Cho những tác phẩm và diễn văn của ông được đưa vào *Tuyên tập*, ông tỏ ra nhất quán về điểm đó. Ông công khai tuyên bố rằng đối với ông dân chủ bao gồm chuyên chính vô sản: "Nếu chúng ta bị chế trách là đã thực hành chuyên chính của một đảng..., chúng ta nói, 'Đúng, sự chuyên chính của một đảng! Chúng ta đứng vững như có nó và chúng ta không thể hành động mà không có nó'". Ông cũng viết: "Định nghĩa khoa học về chuyên chính là: Một quyền lực không bị hạn chế bởi bất cứ pháp luật nào, không bị ràng buộc bởi bất cứ qui tắc nào và trực tiếp dựa vào sức mạnh".

Ngay sau khi nắm chính quyền, Lênin đã không lãng phí thời gian để biến những quan điểm của ông thành thực tế. Trước đó từ lâu, ông ta đưa vào việc sử dụng bữa bãi bạo lực không những để khủng bố toàn thể xã hội mà còn để loại trừ những phiên hà nhỏ nhất của tệ quan liêu. Trong một sắc lệnh ban hành tháng Giêng năm 1918 nhằm tìm cách xác định một chính sách đối xử với những người chống lại chính quyền Xô viết bằng bất kỳ cách nào, chế độ của Lênin kêu gọi các cơ quan nhà nước "Làm sạch đất nước Nga bằng cách diệt trừ các sâu bọ độc hại".

Bản thân Lênin thúc giục những người lãnh đạo đảng ở một quận tiến hành "Một cuộc khủng bố rộng lớn tàn nhẫn chống bọn Kulag, thầy tu và bạch vệ" và "giám giữ mọi phần tử khả nghi trong một trại tập trung ở ngoài thành phố" - Lênin không tha thứ bất cứ sự chống đối chính trị nào. Ông lập luận rằng "việc tranh luận bằng súng đạn tốt hơn nhiều so với tranh luận với những luận điểm chống đối".

Khủng bố hàng loạt như vậy sớm trở thành phương sách hành chính để giải quyết mọi vấn đề. Đối với những công nhân lười biếng, Lênin chủ trương "bắn ngay tại chỗ một trong số mười người phạm tội chây lười". Đối với những công nhân ngang ngạnh, ông ta nói "Những kẻ phá rối kỷ luật đó phải bị bắn". Đối với một việc liên lạc điện thoại không tốt, ông ta chỉ thị rõ ràng cho Stalin: "Đe dọa bắn tên ngu xuẩn có trách nhiệm về liên lạc điện thoại mà không biết làm thế nào để cho anh một máy khuếch đại tốt hơn và không biết chấp nối một cuộc liên lạc điện thoại". Đối với bất cứ sự không tuân lệnh nào, dù là nhỏ, trong đám nông dân, chế độ của Lênin ra nghị quyết là "Phải bắt con tin trong nông dân để nếu như tuyết không được cao sạch, họ sẽ bị bắn".

Cách nhìn hoang tưởng đó đã sản sinh ra một chế độ cai trị tách ra ngoài xã hội, chủ yếu là một *sự cấu kết về chính quyền*, dù cho vào đầu những năm 20, sự tự phát trong lĩnh vực phi chính trị được tạm thời tha thứ.

Tuy nhiên, sự kiện trung tâm là hệ thống chính trị đó của Lênin đã ở vào tư thế sẵn sàng về tâm lý và chính trị cho một cuộc đổi đầu toàn diện với xã hội. Những người cầm quyền mới chỉ có thể tự biện hộ về mặt lịch sử bằng cách cuối cùng tấn công vào xã hội nhằm tái tạo nó theo hình ảnh của bản thân hệ thống chính trị. Một hệ thống chính trị kiểu Lênin không thể chung sống mãi với một xã hội hoạt động rộng rãi trên cơ sở một sự tự phát năng động. Một cuộc chung sống như thế hoặc là sẽ làm thối nát chế độ chính trị, hoặc là thúc đẩy một số đụng độ giữa hai bên.

Giải pháp duy nhất của Lênin là sáng lập ra một đảng tối cao được phú cho quyền lực nhằm thúc đẩy sự *tiêu vong* không phải của nhà nước mà là của *toàn xã hội*, được xem như một thực thể tự trị - xã hội. Xã hội phải bị chà đạp nếu nó không hợp tác, tan đi và tiếp nhận sự thống trị chính trị ở ngoài mặt của quyền lực cộng sản.

Đối với Lênin, logic của quyền lực quyết định cái kết luận là: để hoàn thành việc làm tan rã những quan hệ xã hội truyền thống, thì sự

tập trung của nhà nước phải được đề cao, nhằm biến nhà nước thành công cụ thi hành sứ mạng lịch sử.

Nhiều thập kỷ sau, năm 1987 trong những cuộc thảo luận do Gorbachov đưa ra trong cải tổ, một nhà trí thức Xô viết giữ vai trò lãnh đạo đã dám công khai đặt câu hỏi: "Có phải Stalin đã tạo ra hệ thống của ông ta hay là hệ thống đã tạo ra Stalin?". Nhưng nếu là chế độ đã sinh ra Stalin, như câu hỏi ngụ ý, vậy thì chế độ đó là của ai? Đó là Lênin đã tạo ra chế độ và chế độ đó đã tạo ra Stalin và rồi sau đó Stalin lại tạo ra chế độ làm cho những tội ác của Stalin có thể diễn ra.

Hơn nữa, không những Lênin làm cho có Stalin, mà chủ nghĩa giáo điều tư tưởng của Lênin và sự không khoan dung chính trị của ông ta đã ngăn cản ở một mức độ lớn mọi khả năng khác có thể xuất hiện. Về thực chất, di sản kéo dài của chủ nghĩa Lênin là chủ nghĩa Stalin, và đó là sự lên án lịch sử mạnh mẽ nhất về vai trò của Lênin trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga.

Chương 2

THÂM HOA CỦA STALIN

Thiên tài của Stalin là ông ta đã hiểu sâu sắc ý nghĩa di sản của Lênin. Đối thủ chính của ông ta, Leon Trotski đã phạm sai lầm cơ bản là gắn cuộc cách mạng ở trong nước với sự đồng thời nổi dậy của cả thế giới. Trotski đưa ra khái niệm là hệ thống tư bản phương Tây đã chín muồi cho một cuộc nổi dậy cách mạng và sự tồn tại của quyền lực cộng sản ở nước Nga là phụ thuộc vào thắng lợi nhanh chóng của cuộc cách mạng đó.

Tuy nhiên, bằng sự tuyên truyền cho khái niệm cách mạng thường trực, Trotski đã làm tổn thương đến bản năng tự bảo vệ của những người quan liêu trong đảng không sẵn sàng hy sinh tất cả trên bệ thờ một cuộc cách mạng thế giới quá sớm.

Trái lại, Stalin biết khai thác bản năng tự bảo vệ của họ bằng cách phát động một cuộc cách mạng trong nước nhằm ngăn chặn nguy cơ nhìn thấy chế độ cộng sản chìm ngấm do tính sống động của xã hội không ngừng tăng lên. Do đó ông thỏa mãn nhiệt tình tư tưởng của họ đồng thời cũng đáp ứng được lợi ích của bản thân họ.

"Chủ nghĩa xã hội trong một nước", đó là mệnh đề then chốt về học thuyết của Stalin nhằm thực hiện một sự đập phá tan tành xã hội chưa từng thấy một bộ máy nhà nước. Một nhóm lãnh đạo cố tư tưởng âm mưu hoạt động ban đêm theo nghĩa đen trong một số phòng ở điện

Kremlin, tự đảm nhận nhiệm vụ xây dựng lại xã hội, tiêu diệt phần lớn giai cấp nông dân và giai cấp trung lưu, cưỡng bức di dân hàng triệu người và trong quá trình đó đã mở rộng phạm vi quyền lực của nhà nước đến một mức độ xưa nay chưa hề có gì so sánh nổi.

"Chủ nghĩa xã hội trong một nước" do đó trở thành một nước hoàn toàn phụ thuộc vào một nhà nước tối cao.

Dưới thời Stalin, việc đề cao nhà nước và việc sử dụng bạo lực nhà nước như một công cụ xây dựng lại chủ nghĩa xã hội đã đạt tới tột đỉnh.

Mọi điều đều phụ thuộc vào cá nhân nhà độc tài và nhà nước mà ông ta chỉ huy. Được tán dương trong thơ ca, hoan hô trong âm nhạc, được tôn sùng với hàng ngàn tượng, Stalin có mặt khắp nơi, và ông ta đã thống trị mọi điều.

Nhưng tuy là một người bạo ngược ít có người sánh ngang trong lịch sử, Stalin đã thực hiện quyền lực của mình thông qua một cơ cấu uy quyền nhà nước phức tạp, cả hai mặt quan liêu hóa và thể chế hóa đều ở mức độ cao.

Do xã hội bị đảo lộn theo mục đích của Stalin là xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước, bộ máy nhà nước đã lớn lên về địa vị, về giàu có, về quyền lực và đặc quyền.

Cái tháp của quyền lực được đặt trên cơ sở một chế độ khủng bố không bảo đảm an ninh cho bất cứ ai, kể cả những người đồng chí thân cận nhất của Stalin. Không ai có thể tránh khỏi tình khỉ thất thường của Stalin. Một ủy viên bộ chính trị được Stalin sùng ái một ngày nào đó có thể là nạn nhân của một vụ xét xử và bị bắn vào một ngày khác. Ví như, đó là số phận bất ngờ trong những năm cuối 1940 của A.A. Voznesensky được phụng người xem như là được Stalin chuẩn bị cho giữ chức vụ cao nhất trong Chính phủ.

Sự trung thành hoàn toàn với Stalin và ngay cả sự đồng lõa hàng hải vào những tội ác của Stalin cũng ít giúp cho họ tránh khỏi bị khủng

bố hoặc bị sỉ nhục. Molotov và Kalinin cả hai đều tham gia vào việc lập danh sách các đồng chí của mình để đem đi giết, tiếp tục ngồi xung quanh bàn của bộ chính trị, trong khi đó thì vợ của họ bị đưa đến các trại lao động cưỡng bức theo lệnh của Stalin.

Không có gì quá đáng để nhận định rằng quyền lực tối cao về cái sống và cái chết ở nhà nước Xô viết trong khoảng một phần tư thế kỷ là nằm trong tay một nhóm nhỏ những kẻ âm mưu hết sức tàn nhẫn và đối với họ, buộc tội chết cho hàng ngàn người không đếm được bị gán cho là "kẻ thù của nhân dân" chỉ là một hành động quan liêu nhỏ bé. Dù cho một ngày nào đó, những kho lưu trữ Xô viết hoàn toàn được mở ra (tờ tạp chí chống đối Glátnót ở Moskva tháng 11-1987 cho biết là để che đậy quá khứ, cơ quan an ninh KGB đã hủy hồ sơ các nạn nhân từ những năm 30 đến những năm 40 với tỷ lệ 5000 hồ sơ mỗi tháng), thì người ta vẫn sẽ không bao giờ biết hoàn toàn quy mô những vụ giết hại của Stalin. Sự tiêu diệt bằng trực tiếp giết hoặc bằng cái chết kéo dài, đó là số phận của toàn thể các loại người trong nhân dân: những đối thủ về chính trị, những đối thủ về hệ tư tưởng, những đảng viên bị nghi ngờ, những sĩ quan quân đội bị buộc tội, những kulag, những thành viên của các giai cấp đã bị hạ bệ, những quý tộc trước đây, những nhóm dân tộc được xem như có thể là không trung thành, những nhóm dân tộc được xem là chống đối, những người truyền giáo cũng như những người có lòng sùng đạo đến cả họ hàng (và trong nhiều trường hợp) toàn thể gia đình những nạn nhân.

Thật không lời nào nói được quy mô toàn bộ sự đau khổ của cá nhân và tập thể con người mà Stalin đã gây nên-nhân danh chủ nghĩa xã hội, hàng triệu gia đình nông dân đã bị di đày với những điều kiện cổ xưa nhất, với những người còn sống sót được di cư đến vùng Xibia xa xôi.

Stalin cũng phải chịu trách nhiệm về nạn chết đói của hàng triệu nông dân Ukraina trong nạn đói lớn đầu những năm 30, một nạn đói đã được dụng ý khai thác để đẩy nhanh quá trình tập thể hóa, và ở một mức độ có ý nghĩa, nạn đói đó đã sinh ra do chính bản thân công cuộc tập thể hóa tàn bạo đó.

Qua những cuộc thanh trừng, bản thân đảng cũng bị tiêu hao nhiều phần lớn những người lãnh đạo cấp cao bị giết và gia đình họ bị khủng bố tàn bạo - Những vụ bắt bớ và giết hại hủy hoại toàn bộ xã hội Xô viết và lên tới hàng triệu người.

Theo những số liệu của Liên Xô, chỉ riêng trong khu vực quân sự, ít nhất là 37.000 sĩ quan lục quân và 3.000 sĩ quan hải quân đã bị bắn trong những năm 1937-1938, nhiều hơn số thực tế hy sinh trong hai năm đầu của cuộc chiến tranh Xô-Đức.

Các trại tập trung gulag cứ lớn lên dưới thời Stalin. Những vụ bắt bớ cá nhân và từng nhóm là chuyện xảy ra ò ạt và liên tục. Ngay cả toàn bộ những nhóm dân tộc trở thành mục tiêu cho sự diệt chủng - Ngay trước khi nổ ra cuộc chiến tranh năm 1939, toàn thể nhân dân Ba Lan sống ở Liên Xô trong vùng biên giới Liên Xô - Ba Lan đông tới hàng chục vạn người đột nhiên biến mất, chỉ còn lại phụ nữ và trẻ em được di cư đến Kadactan. Dân ông đã chết hết. Trong những giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, những người Tacta ở Corimé và những người Chechen-Ingush ở miền bắc Cócado đông tới hàng chục vạn đã bị nhốt bắt khỏi những nơi đó và bị đưa đi đày đến Xibia. Sau chiến tranh, mặc dầu có sự tiết lộ về vụ bọ na-di (Đức quốc xã) thiêu đốt những người Do Thái, dòng người Do Thái ở Moskva và Leningrát đột nhiên biến thành mục tiêu và những người lãnh đạo cộng đồng bị tiêu diệt. Năm 1949, hàng chục vạn người dân vùng Bantích bị đày đi Xibia. Theo sự tính toán tỉ mỉ của Liên Xô do đài phát thanh Vilnius trích dẫn ngày 22 tháng Chín năm 1988, chỉ riêng nạn nhân người Litواني đã là 108.362. Trước khi Stalin chết, đã có sự chuẩn bị để đưa ra những vụ xét xử mới về "âm mưu của những bác sĩ Do Thái", những nạn nhân bị buộc tội là có âm mưu giết hại những người lãnh đạo tối cao ở điện Kremlin.

Theo đúng nghĩa của nó, hàng triệu cuộc sống đã tiêu tan. Nỗi đau khổ đã được gây nên cho những tầng lớp dưới cũng như tầng lớp trên trong xã hội. Khi cuối cùng sự phơi bày chủ nghĩa Stalin đã mạnh

lên trong năm 1987, báo chí Xô viết tràn ngập những sự hồi tưởng và hồi ức của cá nhân. Hồi tưởng sau đây là của một phụ nữ bình thường được đăng trên tờ *Literaturniaia Gazeta* ngày 23.12.1987, tờ báo ghi chú là đã nhận được khoảng 10.000 bức thư tương tự. Bài viết đặc biệt có sức mạnh vì nó nôm na, dung tục. Bài viết là điển hình về kinh nghiệm của hàng triệu người khác :

"Tôi là một bạn đọc quan tâm đến tờ báo của các đồng chí. Tôi đã thích thú đọc tờ báo trong một thời gian dài".

Gần đây nhiều điều đã được viết ra từ những chuyện đã bị lãng quên. Tôi đọc một số bài và trái tim tôi chảy máu. Tôi nhớ lại cuộc đời của tôi và của chồng tôi. Thế hệ chúng tôi sống thời kỳ khó khăn của những năm 30, sau đó là những năm chiến tranh, rồi những năm khó khăn sau chiến tranh.

Ngày nay, những cái chết của Kirov, Tukhachevsky, Yakir và những nạn nhân vô tội khác đã được viết ra một cách công khai. Điều đó dễ hiểu : số phận những người có tiếng được du luận công khai chú ý. Nhưng nếu như ngay cả những người có danh tiếng cũng không tồn tại được, thì còn nói gì về những con người bình thường.

Chồng tôi, A.I. Bogomolov chính là một người bình thường như thế. Ông bị bắt sau cuộc chiến tranh với Phần Lan, bị kết án tử hình, sau đó giảm xuống 10 năm tù cộng với 5 năm mất quyền công dân. Ông đã sống 4 năm trong một trại giam ở miền Bắc trong những điều kiện kinh khủng. Rồi lại một vụ bắt khác, một sự kết tội khác với 15 tháng của tridsatka (không rõ nói gì) trong một xà lim ngầm. Trong cả hai trường hợp, đều không chịu ký vào bản buộc tội. Ông đã ở trong tù tại miền bắc, tất cả là 12 năm. Sức khỏe của ông vĩnh viễn bị tàn phá, phổi ông bị tê cứng. Sau khi ra trại, ông sống ở Syktyukar.

Tôi gặp chồng tôi sau 42 năm xa cách, lần cuối cùng tôi gặp ông là vào năm 1940, khi tôi âm mưu con mới đẻ đến thăm ông tại nhà tù chuyển tiếp ở Leningrát. Chúng tôi gặp nhau... Cảm tưởng của tôi thật là kinh khủng, nhưng chúng tôi quyết định không chia tay - Vợ ông ta đã chết, chồng tôi đã chết, và con cái chúng tôi đã lớn. Như vậy là trong 5 năm, tôi đã là bác sĩ, y tá, người nuôi dưỡng, người bạn. Sức khỏe của chồng tôi hoàn toàn bị tàn phá, ông làm việc cho đến khi đã 74 tuổi. Chúng tôi sống trong căn buồng của tôi ở khu tập thể, bên cạnh có một người bệnh tâm thần. Có những cuộc cãi nhau âm ỉ, la hét dữ dội và người đàn bà ở cạnh sử dụng đến nắm đấm để đánh nhau. Chúng tôi không được nhận một căn hộ riêng. Chúng tôi chỉ có hơn 6 mét cho mỗi người.

Nhưng đây là điều tôi muốn nói với ông. Năm 1955, chồng tôi được phục hồi. Đây là lần thứ hai, lần thứ nhất được phục hồi năm 1940. Khi tôi theo đuổi vấn đề về tòa án quân sự khu vực Leningrát đã xem xét lại trường hợp năm 1940 của chồng tôi và hủy bỏ bản án vì "thiếu tội danh phạm pháp". Sau khi được phục hồi, chồng tôi chỉ được lĩnh 270 rúp - tức là 2 tháng lương mà ông ta được hưởng về chức vụ của mình trước khi xảy ra cuộc chiến tranh với Phần Lan. Sau 12 năm ở các trại trên miền bắc, sau các cuộc tra khảo, và công việc kiệt sức ở các hầm mỏ và khai thác gỗ, tất cả được trả bằng 270 rúp! Bất cứ lần nào tôi khiếu nại cũng được trả lời rằng đó là theo luật của năm 1955.

Những quyền lợi của chồng tôi với tư cách một người đã tham gia chiến tranh chỉ được trả lại sau lần phục hồi vừa qua. Hiện nay, ông là thương binh loại 1, bị mù mắt. Tôi đọc cho ông nghe những bài báo và ông ấy khóc.

Ông được trợ cấp hưu trí là 113 rúp trong đó có 15 rúp được cấp cho loại thương binh "được nuôi dưỡng". Nhưng tôi đã viết và tôi sẽ còn viết cho các cơ quan chính quyền vì tôi nghĩ rằng tất cả những cái đó là bất công. Chẳng lẽ tôi còn sống và còn sức khỏe, tôi còn viết về những người như chồng tôi đã không được hưởng sự đền bù gì, dù là rất ít, cho tất cả những đau khổ của họ. Họ đã không làm hại gì cho đất nước, nhưng cuộc sống của họ đã bị tan vỡ, cuộc sống của gia đình họ đã bị tan vỡ, họ đã bị tước mất sự kính trọng của xã hội, và họ đã không được có quyền chiến đấu, trở thành những thương binh được kính trọng, hoặc những cựu chiến binh để được nhận những lời chúc tụng trong những ngày lễ hội.

Tôi không yêu cầu đồng chí giúp tôi có được căn hộ. Chúng tôi là những người đã già và ngay cả khi đồng chí giúp chúng tôi có căn hộ riêng thì cũng là quá muộn đối với chúng tôi. Chồng tôi đã 82 tuổi - gần đây ông bị đau đột ngột - Nhưng tôi yêu cầu đồng chí giúp đỡ tất cả những người vô tội đã đau khổ và đã không thể tự bảo vệ được khi họ "không được kháng án".

Ngày nay, người ta đưa trên đài phát thanh bài thơ của Tvardovsky "Quyền nhớ lại". Tôi bàng hoàng và những dòng nước mắt tuôn ra từ đôi mắt mù lòa của chồng tôi. Ông ấy bao giờ cũng là một công nhân, một đoàn viên thanh niên cộng sản, ông làm việc ở Kuznetskroy, vùng Balkhsn, và bàn tay luôn luôn chai sạn. Ngày nay, tất nhiên ông không thể làm được gì, nhưng ông nhận thức được thời đại mới và tin rằng đó là một thời đại thật sự cách mạng. Ngày nay, nhiều điều đã đổi thay và sẽ là bất công nếu những người đã đau khổ ghê gớm như vậy không còn nữa trong khi có sự quan tâm lớn đến những chiến sĩ lão thành trong

chiến tranh và lao động - Tại sao không xem xét lại đạo luật năm 1955? Tại sao những người đã phải đau khổ vì vị lương nhục và đau buồn lại không được hưởng bất cứ một sự bù đắp nào, vật chất hoặc tinh thần? Phải chăng họ đáng trách khi thực tế họ đã không thể kiếm được những bù đắp đó? Tôi yêu cầu đồng chí giúp đỡ tôi và những người còn cần được giúp đỡ. Ngay cả hiện nay, thỉnh thoảng đồng chí lại nghe thấy nhân dân nói đến người này hoặc người kia đã là kẻ thù của nhân dân và không phải vô cơ mà họ phải đứng sau hàng chắn song sắt. Không phải là vấn đề tiền. Vấn đề là xã hội phải có ý thức về bốn phận đối với những người đó..

Valentina Zinovievna Gromova, Leningrát.

Tuy rằng tổng số nạn nhân của Stalin có thể không bao giờ được biết hết, nhưng có thể hoàn toàn chắc chắn để ước lượng ít nhất là 20 triệu và có lẽ cao nhất là 40 triệu.

Trong quyển sách "Cuộc đại khủng bố" xuất bản năm 1968, nhà sử học Anh Robert Conquest tổng hợp những sự ước lượng đầy đủ và tốt nhất, và những sự tính toán cẩn thận của ông ta đưa đến con số ở mức độ cao nêu trên. Xét tổng thể, Stalin chắc chắn là kẻ giết nhiều người nhất trong lịch sử nhân loại, về thống kê vượt xa ngay cả Hítler.

Những vụ giết người hàng loạt đó là một bộ phận, một mảng của công cuộc xây dựng hệ thống Xô viết. Hệ thống đó nổi lên, hình thành về mặt thể chế, đông cứng trong quan liêu hóa, và phát triển ý thức về vai trò của nó khi những vụ giết người hàng loạt được tiến hành. Nhưng khía cạnh đáng chú ý của quá trình đó là mặc dầu có những hành động tàn ác đó, Stalin đã thành công trong việc tạo nên một nhận thức thực sự về thành tựu trong tầng lớp thượng lưu Xô viết và trong phần lớn cư dân mới ở thành thị Xô viết.

Ông ta đã làm như vậy bằng cách đồng nhất hóa các chính sách của ông ta và bản thân ông ta với việc xây dựng lại xã hội Xô viết trong đó bao gồm công nghiệp hóa trên quy mô lớn và đô thị hóa, tất cả đều mang nhãn hiệu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vậy là, đối với nhiều công dân Xô viết, thời đại Stalin là thời đại đạt được một số tiến bộ xã hội một bước đại tiến vọt lịch sử, và ngay cả một ý thức tự hào chính đáng về thành tựu của lòng yêu nước.

Người ta không thể giải thích một cách khác về những phản ứng của nhiều công dân Xô viết bình thường đối với những cố gắng của Nikita Khrushov vào cuối những năm 50 và đầu những năm 60 và sau đó là của Mikhail Gorbachov vào cuối những năm 80 khi phơi bày những tội ác của Stalin. Ngoài những nạn nhân, những phản ứng của nhân dân còn xa mới đạt tới chỗ phấn khởi. Những phản ứng đó đi từ tư tưởng bài ngoại điển hình của người Nga cho rằng kẻ thù của nước Nga sẽ lợi dụng bất cứ sự lợi dụng công khai nào về quá khứ xấu xa đến chỗ luôn luôn khẳng định rằng thời đại Stalin là một thành tựu vĩ đại và không được bôi nhọ nó. Một số công dân, trong những bức thư gửi các báo như *Pravda* hoặc *Izvestia*, đã chống lại cuộc khôi phục cho những nạn nhân của Stalin với lý lẽ là điều đó là bất công với quá khứ và làm tổn hại đến uy tín của Liên Xô.

Lời giải thích trên báo *Pravda* ngày 23.7.1987 với đầu đề "Thư bạn đọc" có ý nghĩa điển hình. Bài báo cho biết báo Đảng đã nhận được nhiều thư bày tỏ sự bức bối trước bước ngoặt chống Stalin với những bài viết về lịch sử hiện đại Xô viết để dẫn chứng cho một quan điểm được tán thành rộng rãi, tờ báo trích dẫn một độc giả 74 tuổi, Vassili Petrovitch Peshketov (vào lúc cuộc khủng bố của Stalin ở vào giai đoạn tồi tệ nhất ông ta 24 tuổi). Ông ta tuyên bố một cách tự hào là ông chiến đấu chống bọn nadi (Đức Quốc xã) với khẩu hiệu "Vì tổ quốc, vì Stalin" trên môi. Ông ta tiếp tục nói thêm: "Làm sao có thể ngờ vực dù nhỏ nhất về sự thành thật của những lời nói đó".

Người chiến sĩ lão thành và biển nhiên là không thay đổi tư tưởng. Bức thư bằng cách lên án chiến dịch chống Stalin dựa trên sự dối trá và những sự thật nửa vời và đặt câu hỏi: "Vậy thì tại sao những sự dối trá đó lại được phép xuất hiện trên những cơ quan báo chí đáng kính trọng?". Bài bình luận của chính báo *Pravda* xác nhận là bức thư trên thể hiện một quan điểm được chấp nhận rộng rãi:

Phải chăng người chiến sĩ lão thành đã cường điệu và khái quát quá mức. Xét theo hàm thư bạn đọc thì không, đồng chí đó không cường điệu. Một đóng thư lớn còn nằm trên bàn của bạn biên tập, và những tác giả các bức thư đó cũng đặt một cách mạnh mẽ câu hỏi đó, nhưng trong một bối cảnh rộng lớn hơn...

Làm sao có thể quý những hiện tượng, những sự kiện, tình tiết, thực tế mơ hồ, không thuần nhất, trái ngược, tán mạn vào một mẫu số chung và cố nhét chúng vào một công thức "sùng bái cá nhân". Làm sao có thể bôi nhọ giá trị của sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước, tập thể nông nghiệp, cách mạng văn hóa, cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, sự khôi phục nền kinh tế quốc dân sau chiến tranh như là những sai lầm, hiện tượng tiêu cực, tội ác, phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa và những tiêu chuẩn leninít về sinh hoạt đảng? Và nói gì về sự tàn bạo của chúng ta, lòng nhiệt thành của chúng ta, thanh niên của chúng ta, nhiều bài hát của chúng ta? Chẳng lẽ chúng cũng bị vứt bỏ cả sao?

Những phản ứng như vậy của một số công dân Xô viết chống lại sự bác bỏ nốt chủ nghĩa Stalin ba mươi năm sau khi nhà độc tài chết và sau khi có sự tiết lộ công khai quy mô của sự tàn bạo trong những tội ác của ông ta là bằng chứng cho thấy ông ta vẫn còn ảnh hưởng tới tâm trí của ít nhất là một bộ phận công chúng Xô viết.

Stalin cũng thành công ở nước ngoài trong việc bảo chữa cho những phương pháp của ông ta và đã giành được một sự tín thành nào đó về những việc ông ta đã làm. Với những từ ngữ khác nhau, nhiều nhà bình luận phương Tây trong nhiều năm có khuynh hướng tán dương

ông ta về công cuộc công nghiệp hóa nước Nga hơn là lên án ông ta đã khủng bố nước Nga.

Thời đại Stalin như vậy là đã được nhận xét một cách rộng rãi như là một thời đại thay đổi lớn về xã hội, về tính năng động theo hướng đi nhanh chóng, về sự biến đổi cơ bản từ một nền kinh tế nông thôn thành một nền kinh tế thành thị. Và đối với một số vấn đề đó, theo một nghĩa nhất định, đó là sự thật. Dưới thời Stalin, Liên Xô đã trở thành một cường quốc về công nghiệp. Dân số Liên Xô đã di chuyển từ nông thôn. Toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa được chỉ huy từ trung tâm đã thể chế hóa. Nền kinh tế Xô viết đã duy trì được một tỷ lệ tăng trưởng tương đối cao.

Theo những thống kê chính thức, tổng thu nhập quốc dân của Liên Xô tăng gấp bốn lần trong những kế hoạch năm năm đầu tiên, với tỷ lệ tăng trưởng hàng năm lên tới gần 15 phần trăm. Điều đó đòi hỏi một sự di chuyển lớn lao của dân cư, với số dân sống ở khu vực thành thị tăng gấp đôi trong vòng 13 năm.

Từ năm 1928 đến năm 1940 sản lượng điện tăng từ 5 tỷ đến 48,3 tỷ ki-lô-oát/giờ, thép từ 5,4 đến 18,3 triệu tấn, máy công cụ từ 2000 lên 58.400, xe cơ giới từ 8000 lên 145.000 chiếc. Ngay trước cuộc chiến tranh, công nghiệp đã chiếm 84,7 phần trăm nền kinh tế Xô viết. Cho dù số liệu có được thổi phồng trong các báo cáo chính thức thì đó vẫn là những thành tựu lớn không thể phủ nhận. Đã kinh tế lớn mạnh trong những năm đầu của Stalin giải thích một phần sự ngạc nhiên của một số ít người ở phương Tây trước cường độ của chiến dịch chống Stalin ở Liên Xô đã nổi lên một cách dữ dội chỉ ba năm sau khi viên bạo chúa qua đời.

Chiến dịch đã nêu bật những tâm trạng thất vọng, những thực tế của cuộc sống không ổn định, những sự đau khổ vô hạn của con người, sự đổ máu vô nghĩa, tất cả những cái đó là cái gì không thể hiểu được về những "thắng lợi" của Stalin.

Bài diễn văn nổi tiếng của Khrushov năm 1956, và sau đó những tư liệu đầy đủ hơn được cung cấp bởi những bài diễn văn chống Stalin trong đợt hai tại Đại hội Đảng lần thứ XXII năm 1961 biểu hiện một sự kết tội làm choáng váng về cái giá xã hội phải trả của kinh nghiệm Stalin.

Đáng chỉ trích hơn là sự kiện - mặc dù có nhịp độ tiến triển đầu tiên của công nghiệp hóa, - cái giá xã hội phải trả trong thời đại Stalin không thể đơn giản được biện minh bởi sự khẳng định rằng mô hình Xô viết về biến đổi kinh tế - xã hội và hiện đại hóa đã đạt được những tỷ lệ phát triển cao hơn bất cứ nơi nào khác. Không kể sự sai lầm về mặt đạo đức theo kiểu tính toán đó, luận điệu này không đứng vững trong thực tế.

Trong phạm vi có thể so sánh giữa các quốc gia, điều hiển nhiên là Nhật Bản đã làm tốt hơn cả sau cuộc phục hưng của Minh trị thiên hoàng trong thế kỷ XIX và cả sau chiến tranh thế giới lần thứ hai mà lại không đòi hỏi một sự tổn thất về con người đến như thế.

Cũng như vậy, thành tựu toàn diện của Italia trong công cuộc hiện đại hóa ở thế kỷ này, - mà Italia và Nga nói chung là gần nhau xét theo những chỉ tiêu kinh tế - xã hội thời kỳ bắt đầu của thế kỷ này, - cũng tốt hơn một cách đáng kể.

Cuối cùng, chính nước Nga sa hoàng cũng đã duy trì được một tỷ lệ tăng trưởng cao từ 1890 đến 1914 hơn là Stalin đã đạt được với một giá cao về tổn thất con người không thể tưởng tượng được.

Không ngạc nhiên gì khi nhiều nhà lãnh đạo Liên Xô gần đây, kể cả Mikhail Gorbachov đã tìm cách biện minh cho cái giá xã hội phải trả về công cuộc công nghiệp hóa và tập thể hóa nông nghiệp của Stalin, xem đó như là đòi hỏi cấp bách do sự nổi lên của Hitle ở Đức. Trong quyển sách "Perestroika" của ông ta, nhà lãnh đạo Liên Xô hiện nay viết: "Công nghiệp hóa trong những năm 20 và 30 thật sự là những thử thách gay go. Nhưng ngày nay, với sự nhận thức lại, chúng ta hãy

thử trả lời câu hỏi: Điều đó có cần thiết không? Một đất nước rộng lớn như đất nước chúng ta sống trong thế kỷ XX có thể không là một nước phát triển về công nghiệp hay không? Có một lý do khác cũng làm cho sớm thấy rõ là chúng ta không có sự lựa chọn nào khác là đẩy nhanh công nghiệp hóa. Ngay từ những năm 1933, nguy cơ của chủ nghĩa phát xít bắt đầu tăng nhanh - Và ngày nay thế giới sẽ ra sao nếu như Liên Xô không ngăn chặn con đường của bộ máy chiến tranh của Hitle? Nhân dân chúng ta đã đánh cho chủ nghĩa phát xít thất bại thảm hại với sức mạnh được tạo nên trong những năm 20 và 30.

Nếu không có công nghiệp hóa, chúng ta đã không được vũ trang trước chủ nghĩa phát xít. Những quyết định làm chần chừ xã hội Xô viết không phải bắt đầu vào năm 1933 mà là vào năm 1928, khi nguy cơ về một nước Đức quân sự hóa còn chưa xuất hiện ở chân trời, khi Stalin nghiêm trang nhắc nhở chống: "nguy cơ chiến tranh" từ phía Anh và khi Moskva tiến hành câu kết về chính trị và quân sự với Đức.

Trên thực tế, chậm là vào mùa hè năm 1932, Stalin đã công khai làm yên lòng người Đức, thông qua một cuộc phỏng vấn Emil Ludwig được quảng cáo ầm ĩ và cũng được công bố nổi bật trên báo chí Xô viết, - rằng Liên Xô không sẵn sàng bảo đảm biên giới của Ba Lan chống lại những khát vọng của Đức.

Rõ ràng không có gì quá đáng khi nói rằng chưa bao giờ trước đó phải hy sinh nhiều người đến như thế để có được lợi ích xã hội ít như thế. Như Cyril Black, nhà sử học của trường đại học Princeton đã kết luận trong bài viết của ông ta mang đầu đề: "Xã hội Xô viết, một cách nhìn so sánh". Bài viết đó đã đưa ra một nhận định sáng suốt về quá trình công nghiệp hóa Xô viết: "Trong viễn cảnh của 50 năm, sự so sánh trong việc xếp hạng Liên Xô về những chỉ số kết hợp kinh tế - xã hội tính theo đầu người chắc chắn là không có sự thay đổi đáng kể. Trong chừng mực bằng chứng khá hiển nhiên cho phép đánh giá thì Liên Xô cũng chưa vượt hoặc trội hơn bất cứ nước nào từ năm 1917 tính theo đầu

người... và 19 hoặc 20 nước xếp hạng cao hơn nước Nga ngày nay về mặt này thì cũng đứng trên nước Nga năm 1900 và năm 1919.

Ở phương Tây ngay cả những năm 50 và 60 vẫn còn tồn tại dai dẳng khái niệm rằng chủ nghĩa Stalin về mặt lịch sử là một sự phát triển có mặt nọ, mặt kia trong đó cái tốt nhiều hơn cái xấu.

Không phải chỉ có những đảng cộng sản phương Tây phải mất nhiều thời gian mới nhận thức được thực tế của lịch sử chủ nghĩa Stalin. Về một số mặt, những điều nhận định của họ là có thể hiểu được - Chủ nghĩa Stalin là tiêu biểu cho tấm gương sinh động duy nhất của "chủ nghĩa xã hội" được xây dựng bởi một đảng cộng sản cầm quyền. Hơn nữa, do sự kiểm soát của Liên Xô đối với các đảng đó, họ không có được nhiều lựa chọn về vấn đề này.

Điều biểu lộ rõ hơn sự hấp dẫn của kinh nghiệm Stalin trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở thế kỷ XX là trên thực tế, nhiều người thuộc giới nghiên cứu khoa học ở phương Tây đã chịu ảnh hưởng của quan điểm cho rằng chủ nghĩa Stalin là một hình thái của tất yếu lịch sử được tạo nên do những nhu cầu cấp bách về công nghiệp hóa nhanh chóng và bị áp đặt về mặt chính trị của một xã hội rất cổ xưa. Quan điểm của nhà sử học Isaac Deutschev được nhiều người đọc và trích dẫn phổ biến là một thí dụ.

Những vạch trần được Khrushov ủng hộ đã làm nhiều đế phá tan cái viễn cảnh đó và cái đỉnh cuối cùng đóng vào quan tài truyền thuyết về Stalin được xem như có tác dụng "tích cực về mặt lịch sử" đã được thực hiện bởi Alexandr Solzhenitsyn trong tác phẩm "Các trại tập trung" (Quần đảo Gulag). Ngay cả những đảng cộng sản phương Tây cũng phải nhận rằng chủ nghĩa Stalin đã là một tội ác mà lịch sử không cần thiết và họ thấy nó là tiêu biểu cho trách nhiệm chính trị hiện đại.

Đảng cộng sản Italia đã đi xa nhất trong việc tố cáo giai đoạn đó của lịch sử Liên Xô, nhưng những hiệu quả gây choáng của các sự tiết lộ đó còn được cảm nhận rộng rãi hơn trong những người trí thức phương

Tây có khuynh hướng mác xít. Như vậy là chủ nghĩa Stalin đã được quan niệm như là một sai lầm quái đản của kinh nghiệm cộng sản, một sự lầm lạc đáng tiếc và phải tránh.

Nhưng những nguồn gốc của di sản thảm họa của Stalin là Lenin. Lenin đã để lại hai di sản là đảng giáo điều và bộ máy cảnh sát bí mật khủng bố. Con vật kéch xù quan liêu của đảng tiên phong mà tất cả đều phải phụ thuộc vào. Một khi đảng đó bắt tay xây dựng lại xã hội thì quyền lực của Nhà nước phát triển và hành trưởng. Di sản của chính Stalin là sự tăng bốc lên tận mây xanh bạo lực được Nhà nước đỡ đầu chống lại chính cái xã hội của nhà nước đó, sự hiện lên rõ nét một nhà nước cảnh sát bóp nghẹt sự sáng tạo xã hội, bóp chết từ trong bất cứ biểu hiện nào của đổi mới trí tuệ, thành lập một hệ thống đặc quyền theo đảng cấp, và tất cả đều đặt dưới sự kiểm soát chính trị tập trung. Phần lớn di sản đó kéo gúa dài thời Stalin, tồn tại ngay cả trong những cuộc tấn công dữ dội do Khrushov phát động - Kết quả là không chỉ làm cho mô hình Xô viết mất tín nhiệm trên phạm vi rộng lớn của thế giới mà sau thời Khrushov còn làm cho có thể có được hai mươi năm trị tiếp theo về chính trị và xã hội của thời Brezhnev.

Chương 3

CHỦ NGHĨA STALIN TRỊ TRỆ

Thái độ phân vân của nhiều người dân Xô viết bình thường đối với những cố gắng nhằm phi - Stalin hóa giải thích tại sao thời đại Brezhnev kéo dài đến thế và tại sao nó khoắc những hình thức như đã có.

Mặc dầu nó bắt đầu như là một chế độ hiện đại hóa, tìm cách đưa sự hợp lý vào những cái cách đặt của Khrushov, chế độ Brezhnev không lâu đã trở thành tương đương hoàn toàn với sự khôi phục chế độ Stalin. Những đường lối cơ bản của chế độ Stalin, đặc biệt là những sự kiểm soát tập trung và bóp nghẹt, cơ cấu tôn ty, được ưu đãi của nó (nomenklatura) và quyền uy tuyệt đối của nhà nước quan liêu, tất cả những cái đó đều vẫn tồn tại mãi - nhưng trong sự suy thoái ngày càng phát triển về các mặt xã hội, kinh tế và cả về chính trị.

Cuối cùng, chế độ khủng bố hàng loạt của Stalin chỉ nhường chỗ cho việc sử dụng một sự áp đặt chính trị tuy có phân biệt hơn nhưng vẫn là độc đoán, phần lớn bởi vì giới lãnh đạo cấp cao đã học được qua kinh nghiệm cay đắng rằng bản thân sự khủng bố cũng có tính năng động của nó, có thể thiếu cháy ngay cả những người ủng hộ nó. Như vậy là chủ nghĩa Stalin - nhưng không có sự biến đổi xã hội do Nhà nước đưa ra từ bên trên và không có những biểu hiện của sự khủng bố tràn lan vẫn tiếp tục trong một phần tư thế kỷ nữa. Trên thực tế, chủ nghĩa Stalin là tiêu biểu cho hai phần ba thời đại của cộng sản Liên Xô đồng thời để lại một dấu ấn quyết định cho thấy

chủ nghĩa cộng sản mang ý nghĩa gì về mặt lịch sử. Nhưng hệ thống Stalin kéo dài không phải chỉ vì có lợi cho Brezhnev và những đồng chí thân cận của ông ta và trung thành với nó. Nó tồn tại bởi vì nó đã trở thành một cơ cấu rộng lớn các đặc quyền chồng lên nhau, những quyền kiểm soát, ban thưởng, và lợi ích được ban phát. Nó kéo dài cũng còn vì quần chúng Xô viết đông đảo mới được đô thị hóa không thể quan niệm một kiểu thay đổi khác bởi vì hàng nửa thế kỷ họ đã nhồi nhét khái niệm rằng kinh nghiệm của họ biểu hiện một bước tiến khổng lồ.

Điều quan trọng hơn hết, chủ nghĩa Stalin vừa kéo dài, vừa trị trệ bởi vì nó là một hệ thống chính trị mà không chứa đựng một đời sống chính trị thật sự. Như nhà sử học Leonid Batkin đã viết trong tờ báo *Nedelya* số 26 năm 1988 trong dịp có những cuộc tranh luận công khai nổ ra phản ứng lại di sản của Stalin: "...Hoạt động chính trị đã biến mất khỏi đời sống xã hội chúng ta từ cuối những năm 20... Hoạt động chính trị đã thôi không còn là một lĩnh vực hoạt động hiện đại *đặc biệt* của con người trong đó những sự khác biệt về giai cấp và lợi ích của các nhóm biểu lộ và va chạm nhau, trong đó có sự so sánh trực tiếp, công khai các lập trường và những phương pháp được tìm kiếm để đưa chúng đến một sự thỏa hiệp năng động nào đó. Hoạt động chính trị biến mất và thế là mọi cái đều trở thành "chính trị".

Toàn thể xã hội đã được chính trị hóa nhưng hoạt động chính trị thật sự thì chỉ đóng khung trong giới chóp bu cao nhất. Do đó, hệ thống được bảo vệ trước sự thách thức của thay đổi, và sự trị trệ là cái giá không thể tránh khỏi của một hệ thống tự tồn tại mãi mãi bằng cường bức. Sự trị trệ đó không thể mãi mãi bị bỏ quên. Ngay từ những năm sau cùng của thời đại Brezhnev, một cảm giác bất an đã phát triển trong một bộ phận của tầng lớp Xô viết ưu tú. Một nỗi lo âu về suy thoái, về sự mục nát của hệ tư tưởng, về sự cằn cỗi của văn hóa đã nảy nở. Nó không những bắt đầu thấm vào các giới trí thức mà còn lây sang cả một số thành viên của giới lãnh đạo chính trị - Giới lãnh đạo cấp cao đó ngày

càng lo lắng về khoảng cách đang tăng lên về sự lạc hậu giữa Liên Xô với Mỹ, đối thủ của họ.

Theo lời của nhà sử học Xô viết nêu trên, "trong khi hệ thống Stalin tiêu diệt hàng triệu con người thì những người như Bohr, Wiener, Watson và Crick đang làm việc. Trong khi hệ thống Brezhnev đưa đất nước chúng ta đến một tình trạng kém cỏi, thì thế giới phát triển tia laze, máy tính cá nhân và chứng kiến sự bùng nổ của cuộc cách mạng hậu công nghiệp".

Sự bị quan liêu sử nổi lên trong tầng lớp thượng lưu Xô viết trái ngược sâu sắc với chủ nghĩa lạc quan khoác lác thời Khrushov. Chỉ mới hai thập kỷ trước đây, bắt đầu năm 1958, Bí thư thứ nhất Nikita Khrushov bắt đầu rêu rao công khai là Liên Xô sẽ sớm "chôn" nước Mỹ trong cuộc thi đua kinh tế. Chắc hẳn bị đầu độc bởi thắng lợi đưa một vệ tinh nhân tạo Xpút-nhích lên không gian vũ trụ trước Mỹ và tin vào những thống kê chính thức của Liên Xô về các tỷ lệ tăng trưởng được dự kiến, nhà lãnh đạo Xô viết đã khẳng định trong nhiều dịp là đến đầu những năm 70, "Liên Xô sẽ chiếm vị trí thứ nhất trên thế giới" về sản xuất kinh tế và điều đó "sẽ bảo đảm cho nhân dân chúng ta có những mức sống cao nhất trên thế giới".

Điều làm cho câu chuyện thêm rắc rối là những lời hênh hoang công khai không chỉ đổ tội cho phong cách cá nhân của người lãnh đạo tối cao Liên Xô bởi vì nó được ghi vào cương lĩnh tư tưởng chính thức của đảng cộng sản cầm quyền được thông qua năm 1961.

Nói một cách khác, dự đoán sau đây trở thành một bộ phận hợp thành của học thuyết Mác-Lênin được xem là khoa học và không thể sai lầm: "Trong thập kỷ hiện nay 1961-1970 Liên Xô trong khi xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa cộng sản, sẽ vượt Mỹ, nước tư bản hùng mạnh và giàu có nhất về sản xuất, tính theo đầu người".

Như thế xem ra còn chưa đủ, cương lĩnh của đảng tuyên bố tiếp "trong thập kỷ tiếp theo" một sự dồi dào về của cải vật chất và văn hóa

sẽ được đảm bảo cho toàn thể nhân dân... Và về thực chất một xã hội cộng sản chủ nghĩa sẽ được xây dựng ở Liên Xô". Bước vào giai đoạn của chủ nghĩa cộng sản chân chính sẽ là đánh dấu thắng lợi lịch sử thắng lợi của hệ thống Xô viết. Xã hội Xô viết sẽ giàu hơn xã hội Mỹ, nền kinh tế của nó có hiệu quả hơn, và "tòa lâu đài tráng lệ của chủ nghĩa cộng sản" cho phép thiết lập "nguyên tắc phân phối theo nhu cầu".

Trong thực tế, vào giữa những năm 60, những lời ba hoa đó đã chỉ đơn thuần là bức màn che giấu thực tế đáng buồn của sự trì trệ. Có lẽ trong một lúc nào đó Brezhnev còn cố lý do để ấp ủ một niềm hy vọng mong manh là có thể lấp được cái khoảng ngăn cách - Vào đầu 1970, kinh tế Liên Xô đã đạt tới mức bằng hơn một nửa tầm vóc kinh tế Mỹ, tăng trưởng một cách nhanh hơn và đã có một vị trí dẫn đầu đáng kể so với bất kỳ đối thủ nào. Nó đã đạt tới 15,3 phần trăm giá trị tổng sản phẩm toàn thế giới trong khi phần của Mỹ là 27,7 phần trăm. Nhưng trong những năm 70, tỷ lệ tăng trưởng của kinh tế Liên Xô mất đà và kinh tế teo lại.

Đến năm 1985, tỷ lệ của Liên Xô trong giá trị tổng sản phẩm toàn thế giới tụt xuống 14,7 phần trăm trong khi đó thì phần của Mỹ tăng lên 28,5 phần trăm. Điều tồi tệ hơn là cuối những năm 80, Liên Xô không còn chiếm được vị trí thứ hai chắc chắn trong hệ thống kinh tế thế giới. Cái đất nước tự xem mình sẽ trở thành cường quốc kinh tế thứ nhất trên thế giới đã bị Nhật Bản vượt qua, nền kinh tế của nước này không những là phát triển nhanh hơn Liên Xô mà về kỹ thuật còn tiến xa hơn nhiều. Thật vậy, khoảng cách bị dạt về mặt kỹ thuật ngày càng mở rộng trở thành mối lo âu của những thành viên có nhận thức sâu sắc hơn cả trong giới thượng lưu Xô viết. Giới thượng lưu đó nhận thấy rằng tiến bộ kỹ thuật cao đòi hỏi phải có cách tân khoa học công nghệ và Liên Xô hiện nay hết sức lạc hậu, đặc biệt là trong việc áp dụng công nghệ vào kinh tế xã hội.

Số liệu được biết một cách rộng rãi và nói lên một thực tế bi đát Đất nước tự khoe khoang là mũi nhọn sắc bén của sáng kiến đã lâm vào

cánh khổ khăn trong những giai đoạn giữa của thời đại công nghệ hóa mà không thể vượt qua chúng được. Dưới đây là một số dẫn chứng:

	Mỹ	EEC	Nhật	Liên Xô
Máy tính lớn và trung bình	96.500	23.400	16.900	3.040
(tỷ lệ tính trên 1000 dân năm 1983)	412	135	142	11
Máy tính nhỏ	1.000.000	240.000	70.000	22.000
(tỷ lệ tính trên 1000 dân năm 1983)	4.273	1.387	588	80
Người máy công nghiệp	44.700	51.887	67.435	3.000
(Tỷ lệ tính trên 1000 dân năm 1981)	196	201	571	11

Nền kinh tế Liên Xô không những tụt lại sau trong cuộc chạy đua công nghệ học mà còn lãng phí lạ thường. Không có sự kích thích từ bên trong, chẳng những khu vực công nghiệp của Liên Xô mà cả những bản sao chép ở trung Âu đã trở thành những công trình bất hủ về tình trạng quan liêu vô hiệu quả và sự phung phí quá đáng tài nguyên không đem lại lợi ích gì cho sản xuất. Theo những số liệu được sưu tầm kỹ lưỡng của một nhà kinh tế học Ba Lan, giáo sư Jan Winiecki trong quyển sách "Điều tra kinh tế, Đông và Tây" (London, 1987), những nền kinh tế theo kiểu Liên Xô tiêu thụ năng lượng lớn hơn hai tới ba lần cho một đơn vị sản xuất so với nền kinh tế các nước phương Tây dựa trên thị trường.

Năng lượng tiêu thụ
cho 1000 đôla/tổng
sản phẩm

Thép tiêu thụ
cho 1000 đôla/tổng
sản phẩm

Khối Xô viết

Liên Xô	1490	135
Ba Lan	1515	135
CHDC Đức	1356	88
Hungary	1058	88

Khối Tây Âu

Pháp	502	42
Tây Đức	565	52
Anh	820	38

Sự bất hợp lý về mặt hệ tư tưởng của di sản kinh tế Stalin còn tai hại hơn trong khu vực nông nghiệp.

Vào những năm 70, sự vô hiệu quả kinh niên của hệ thống tập thể hóa cùng với những điều kiện thời tiết khắc nghiệt đã buộc những nhà lãnh đạo Xô viết hàng năm phải bỏ ra hàng tỷ đôla, ngoại tệ mạnh để nhập lương thực.

Kết quả là chính phủ cũng buộc phải trợ cấp cho giá lương thực để ngăn cản không cho những giá cao đối với người tiêu thụ Xô viết dẫn tới rối loạn xã hội. Thêm nữa, cũng vào thời điểm đó mặc dầu canh tác tư nhân trong nông nghiệp chỉ được phép hạn chế ở 4 phần trăm số đất được canh tác cũng đã sản xuất ra 25 phần trăm sản lượng lương thực thực phẩm của Liên Xô, nhờ những sáng kiến cá nhân.

Kết quả lãng phí trong kinh tế cùng với sự lạc hậu trong công nghiệp và công nghệ đã ảnh hưởng bất lợi tới khả năng của Liên Xô tham

qua thương mại trên thế giới. Liên Xô ngày càng trở thành nước xuất khẩu chủ yếu những mặt hàng và khoáng sản như phần lớn các nước thuộc thế giới thứ ba, nhưng không thể cạnh tranh được với những nước xuất khẩu đứng đầu thế giới về các ngành công nghiệp. Theo báo cáo hàng năm của GATT, Liên Xô tụt từ vị trí thứ 11 năm 1973 xuống vị trí thứ 15 năm 1985 trong xuất khẩu hàng công nghiệp và trong những năm giữa hai thời điểm đó đã bị Đài Loan, Nam Triều Tiên, Hồng Kông và Thụy Sĩ vượt qua.

Kết một cách chung hơn, 40 năm sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, xã hội Xô viết vẫn còn phải thi hành một phần sự hạn chế về khẩu phần lương thực thực phẩm và chịu đựng tình trạng thiếu liên tục hàng tiêu dùng. Đứng xếp hàng nhiều giờ hàng ngày là thường lệ đối với đại đa số các bà nội trợ ở các thành phố Liên Xô. Nạn nghiện rượu tiếp tục lan tràn trong khi sự chăm sóc về y tế cho người dân Xô viết bình thường nói chung xuống cấp. Tháng Ba năm 1987, Bộ trưởng Bộ y tế Liên Xô mới được bổ nhiệm tiết lộ là một tỷ lệ lớn các bệnh viện Xô viết không có nước nóng, cống rãnh không có đủ, thiếu điều kiện cải thiện vệ sinh. Không có gì lạ khi tuổi thọ của nam giới giảm rõ rệt từ 56 tuổi xuống 62 tuổi trong những năm Brezhnev cầm quyền so với 71,5 tuổi ở Mỹ, và tỷ lệ chết của trẻ em cao hơn 2,5 lần ở Mỹ, và như vậy là đặt Liên Xô vào vị trí thứ 50 trên thế giới, sau Barbados.

Nhóm duy nhất thực sự được miễn sự chịu đựng gian khổ đó là đám quan liêu của đảng cầm quyền, tầng lớp trên trong giới quân sự và quản lý. Được mua hàng ở những cửa hàng đặc biệt kín đáo, được chữa bệnh ở những bệnh viện tốt và ở những trung tâm nghỉ ngơi đặc biệt, lợi ích của chủ nghĩa xã hội chỉ được dành cho một giai cấp.

Thực tế về một chủ nghĩa xã hội chỉ dành cho một giai cấp không những chỉ mâu thuẫn với huyền thoại chính thức về chủ nghĩa bình quân xã hội, mà còn dần dần gây nên sự công phẫn ngày càng tăng lên trong xã hội. Một cuộc điều tra dư luận xã hội đáng chú ý được đăng trên báo

"*Tin tức Moskva*" ngày 3 tháng Bảy năm 1988 cho thấy gần một nửa công chúng Xô viết không nghĩ rằng họ sống trong "một xã hội công bằng". Nổi bật bình lớn nhất chia về phía những đặc quyền của đám quan liêu bao cấp. Sự bức bối tăng lên theo thứ tự những đặc quyền đó bao gồm "những kiện hàng thực phẩm, những cửa hàng riêng", "tự do có bất cứ sách nào, hoặc dự các buổi biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim" "những căn phòng trong các nhà cao cấp ở những khu sang trọng" và những "biệt thự của nhà nước".

Sự bất bình xã hội đó đã tăng mạnh do chỗ chất lượng sống của quần chúng rõ ràng là không được cải thiện một cách đáng hải lòng và lại còn tồi tệ hơn ở một số mặt quan trọng.

Một thực tế làm cho vấn đề phức tạp thêm là ngày càng có nhiều dân Xô viết, đặc biệt là trong giới thượng lưu biết rằng những điều kiện sống ở các nước ngoài kể cả ở những nước cộng sản Đông Âu là tốt rất nhiều. Trong giới trí thức, sự lo âu về tình trạng lạc hậu của Liên Xô và những năm 70. Đã đến lúc không còn có thể rêu rao và khoe khoang như vào những năm dưới thời Stalin rằng cuộc sống ở Liên Xô tốt hơn ở bất cứ nơi nào khác. Nhiều người dân Liên Xô bị cô lập lâu ngày khỏi thế giới đã từng tin vào tuyên truyền Xô viết cho đến cuối những năm 60.

Năm 1987, một nhân vật lãnh đạo của Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Evgueni Afanasiev, đã giải thích một cách thẳng thắn cho thỉnh giả của đài phát thanh Budapet (Hung) vào ngày 7.11.1987 về cái giá mà trí thức phải trả cho tình trạng nói trên: "Điều chắc chắn là ý thức dân tộc như nó được thể hiện trong tất cả xã hội Xô viết, đã phát triển trong những điều kiện hoàn toàn không bình thường. Nói một cách khác, nó phát triển một chiều, cũng như ý thức xã hội và lịch sử vậy.

"Xã hội Xô viết sống trong một tình trạng cố ý tự cô lập về mặt trí tuệ, điều đó có nghĩa là nó không biết gì về phương Tây. Bản thân chúng ta không quan tâm gì đến Max Weber hoặc Durkheim hay Freud hoặc Toynbee, hoặc Spengler. Đó không phải chỉ là những cái tên, đó là những

cái tên có những thế giới, những hệ thống thế giới đằng sau nó. Nếu một xã hội thiếu sự hiểu biết những thế giới đó, thì điều đơn giản là nó sẽ rơi khỏi thế kỷ XX, nó sẽ tự thấy mình đứng ngoài rìa những phát minh quan trọng nhất của thế kỷ".

Trên phạm vi toàn thế giới rộng lớn cảnh tượng một hệ thống tập trung quan liêu và tự cô lập về mặt hệ tư tưởng khó mà làm thành một tấm gương về tính năng động kinh tế và xã hội.

Để sản xuất ra một mặt hàng tiêu dùng chất lượng bình thường, bộ chính trị phải ra quyết định và trong 70 năm tồn tại của chính phủ Xô viết, không sản xuất ra một mặt hàng nào như thế có thể cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Đó là di sản mà Stalin đã để lại và Brezhnev làm cho nó tồn tại. Trong hệ thống kinh tế đó, nhà nước quan liêu định ra chỉ tiêu và giá cho hàng triệu mặt hàng, trong khi những người quản lý giám sát sản xuất không có bất cứ sự khích lệ nào cho cải tiến. Công nhân sản xuất không có động lực nào để tăng năng suất lao động và cải tiến chất lượng. Hơn nữa cả người quản lý và công nhân đều có lợi trong việc báo cáo lên cấp trên thành tích của họ.

Kết quả là, trong những năm gần đây, những thống kê của nhà nước Xô viết được chính thức thừa nhận là ngày càng không đáng tin cậy và do đó, không giúp gì cho mọi quá trình kế hoạch hóa hợp lý.

Mặc dầu có những lời khoe khoang chính thức, nhưng lâu dài thì sự thật cũng không thể che giấu mãi: cả về hai mặt số lượng và chất lượng, Liên Xô đang ở vào tình trạng trì trệ. Thay vào việc vượt Mỹ, nhiều lắm thì Liên Xô chỉ là nước phát triển nhất trong các nước đang phát triển, và ngay cả trong phạm trù đó, Liên Xô bắt đầu phải đối phó với nguy cơ tiềm tàng có thể bị vượt qua trong một số khu vực cơ bản bởi những nước đang phát triển có tham vọng hơn và năng động hơn, đặc biệt là Trung Quốc. Không nghi ngờ gì nữa, đó là viễn cảnh đáng lo lắng và phiền muộn đối với lớp ưu tú có kiến thức trong giới lãnh đạo

Liên Xô. Bộ chỉ huy quân sự Xô viết đặc biệt lo lắng do nhận thức sâu sắc rằng chiến tranh hiện đại ngày càng phụ thuộc vào khả năng áp dụng nhanh chóng những cải tiến về công nghệ học mới nhất.

Đối với những thành viên của giới thượng lưu Nga hiểu biết hơn về lịch sử thì điều kiện hiện nay của Liên Xô nhắc nhở những điều tương tự không vui với sự suy sụp của nước Nga trong những thập kỷ cuối cùng của thế kỷ trước. Năm 1815, sau khi đóng vai trò trung tâm trong việc đánh bại Napoleon và Sa hoàng Alexander I cười ngửa khải hoàn vào Paris, nước Nga trở thành quốc gia hùng mạnh nhất thế giới về mặt quân sự.

Nền kinh tế của nước Nga tăng trưởng nhanh chóng trong những thập kỷ tiếp theo và có hy vọng diễn ra những thay đổi về chính trị. Nhưng rồi sự trì trệ dần dần diễn ra.

Giữa 1870 và 1890, tổng sản phẩm quốc gia của đất nước giảm xuống, cả hai nước Anh và Đức đều vượt Nga, còn Pháp và đế quốc Hapsburg (tức là đế quốc Áo-Hung. BDT chú thích) thì tiến sát Nga. Hai cuộc chiến tranh tốn kém và không đem lại kết quả cuối cùng, - cuộc chiến tranh Crime và chiến dịch Bulgari và Cócado, - và việc dập tắt cuộc nổi dậy của Ba Lan đã góp phần dẫn đến sự suy sụp mạnh mẽ vị trí quốc tế của nước Nga. Từ lâu trước đó, mầm cách mạng đã nổi lên bề mặt, phản ánh sự bất bình xã hội và chính trị đang tăng lên.

Tất cả những cái đó có điểm giống với thời hiện đại.

Năm 1945, Stalin chiếm Berlin và Hồng quân là lực lượng quân sự lớn nhất thế giới. Vào những năm 60, những người lãnh đạo Liên Xô tin rằng Liên Xô sẽ sớm trở thành cường quốc đứng đầu thế giới về mặt kinh tế. Nhưng rồi kinh tế trì trệ trong những năm 70. Đến năm 1990, Liên Xô sẽ còn tụt hơn nữa, chẳng những đứng sau Mỹ mà cả Tây Âu và Nhật. Cuộc chiến tranh kéo dài 9 năm ở Afghanistan thất bại, tình trạng bất ổn tăng lên ở Đông Âu, và những hậu quả của các khoản chỉ tiêu rất

lớn cho sức mạnh quân sự, tất cả những điều đó đã góp phần tạo nên một tâm trạng bất an xã hội ở trong nước và mất uy tín ở ngoài nước. Bằng chứng ngày càng tăng rằng Liên Xô thua trong cuộc chạy đua kinh tế với Mỹ, mới chỉ là một nửa vấn đề.

Điều quan tâm về chiến lược địa lý của Liên Xô càng làm người ta sợ hãi và lo lắng: Về chiến lược tầm xa của tiểu ban Mỹ vạch ra năm 1988 để đưa ra một dự kiến u ám: Theo kế hoạch đó, đến năm 2010, trong hệ thống kinh tế thế giới, Liên Xô sẽ chỉ đứng vào vị trí thứ 5 - Mỹ sẽ đứng vị trí thứ nhất. Sau đó là Tây Âu (chắc là chưa hoàn toàn thống nhất về mặt chính trị, quân sự), Trung Quốc và Nhật, Liên Xô sẽ đứng sau với tổng sản phẩm quốc gia chỉ bằng hơn một nửa của Mỹ.

Hơn nữa, bốn cường quốc chớp bu chắc chắn là có những mối quan hệ giữa họ với nhau tốt hơn giữa họ với Liên Xô - Kremlin như vậy là phải đối phó với viễn cảnh một sự tạo vẫy về địa lý chính trị bởi những nhà nước mạnh hơn về kinh tế và có tính chất chống đối tiềm tàng. Những án ý chiến lược và về hệ tư tưởng của viễn cảnh đó kiến cho bất cứ nhà lãnh đạo Xô viết nào cũng kinh sợ, đặc biệt là những ai đặt quyền lực trên cơ sở cho rằng hệ tư tưởng cộng sản là cái chìa khóa để mở ra một tương lai không tương.

Chương 4

NGHỊCH LÝ CỦA CÁI CÁCH

Nhận thức về sự cần thiết phải thay đổi cái cách và cải tiến lớn hơn, cuối cùng đã nổi lên với một quy mô chính trị to lớn sau khi Brezhnev chết năm 1982. Nhưng hơn hai thập kỷ đã bị lãng phí. Kết quả là những di sản cần phải vượt qua đã trở thành chồng chất lên nhau và đồ sộ. Hệ thống Xô viết tồn tại lúc này là sản phẩm xơ cứng của ba giai đoạn tạo thành gắn bó chặt chẽ với nhau và gối lên nhau:

1. Dưới thời Lenin, đó là một đảng cực quyền với mục đích xây dựng lại xã hội.
2. Dưới thời Stalin, đó là một nhà nước cực quyền đã hoàn toàn khống chế xã hội.
3. Dưới thời Brezhnev, đó là một nhà nước hoàn toàn trị trị bị thống trị bởi một đảng cực quyền thoái hóa.

Muốn cải tổ chế độ hiện hành thì phải tấn công vào ba người cầm đầu lịch sử. Nhưng mà, làm như vậy sẽ có nguy cơ hủy bỏ những thể chế cơ bản của quyền lực và làm nổi dậy sự chống đối của nhiều bộ phận nhân dân Xô viết về tinh thần còn theo Stalin. Do đó, để thành công, bất cứ cái cách nào cũng phải đi từng bước, phải lay chuyển từ tầng lớp này đến tầng lớp khác, củng cố bước tiến đã đạt được, cẩn thận để không làm cho các lợi ích chủ quan và khách quan đang tồn tại đối lập lại mình. Tấn công vào di sản Brezhnev là dễ hơn và vì nó

cho thấy rõ tình trạng đời bại cá nhân, trì trệ xã hội, lạc hậu rõ về kinh tế ngày càng tăng.

Tất cả cùng về di sản Stalin khó hơn, do những lợi ích quan liêu đã được bao cấp vào do tâm lý trung thành với những người dân Xô viết nhiều tuổi.

Khó hơn cả là di sản của Lenin, di sản này được kết hợp kỷ niệm yêu quý về NEP với sự khẳng định vai trò lịch sử duy nhất của một đảng tiền phong ưu tú, đảng đó tạo ra một giới cầm quyền ưu tú với tinh chính đảng về lịch sử của nó.

Cuộc tiến công đầu tiên đã được phát động bởi Yuri Andropov người kế tục gần nhất Brezhnev, nhưng chỉ trong thời gian rất ngắn. Lúc đó, sự thay đổi đột ngột chống lại sự trì trệ đang thịnh hành và sự mục nát đã mở rộng đến mức là những người còn sùng bái hai người lãnh đạo trước đó của kinh nghiệm Xô viết, Lenin và Stalin, có thể đoàn kết với những người cải cách chống Brezhnev thành lập mặt trận chung. Không may cho những người cải cách, giai đoạn Andropov chấm dứt nhanh chóng với cái chết đột ngột của nhà lãnh đạo muốn cải tổ vào năm 1984.

Trong một thời gian ngắn, cái chế độ hấp hối có được một lúc nghỉ ngơi dưới thời Konstantin Chernenko mà Brezhnev lúc đầu đã muốn là người sẽ kế tục mình. Nhưng lúc đó, những sức ép bị dồn nén bởi một sự đổi mới, mạnh đến mức là cái chết của Chernenko năm 1985 đã đẩy lên hàng đầu một nhân vật mới năng động hơn rõ ràng đồng nhất với những cải cách giữa chừng bị thui chột của Andropov.

Mikhail Gorbachov lên nắm chính quyền với một sức mạnh mơ hồ là làm cho hệ thống Xô viết sống động trở lại. Điều ít rõ ràng hơn là những cải cách cần thiết có thể đi xa tới đâu và cái gì được dùng như là mô hình lịch sử cho những cải cách đó. Cụ thể hơn, phải chăng chủ nghĩa Stalin cũng bị bác bỏ. Và nhân danh cái gì? Và nếu chủ nghĩa Lenin được ca tụng trái với chủ nghĩa Stalin, thì mặt nào là trung tâm trong kinh

nghiệm của Lenin cần được giữ lại? Có phải là chính sách kinh tế mới NEP hay là làm sống lại một đảng chiến đấu được thúc đẩy về hệ tư tưởng? Và, về mặt thực tế, có thể bác bỏ chủ nghĩa Stalin không những về mặt lịch sử và đối chiếu với thực tế hiện nay mà không tấn công theo một cách nào đó vào thực chất và di sản đích thực của chủ nghĩa Lenin?

Tuy nhiên, cần nhận định một cách rõ ràng, và điều này là quan trọng, - rằng sự nổi lên của Gorbachov không phải là một sự kiện ngẫu nhiên. Việc ông ta lên nắm quyền biểu trưng cho một thực tế mới của Liên Xô đang nổi lên bề mặt, về cả hai mặt khách quan và chủ quan.

Nói một cách khác, nếu không phải ông ta thì chắc chắn có nhà cải cách khác của Liên Xô nổi lên như là người lãnh đạo vào giữa những năm 80. Nhân dân Liên Xô, mặc dù bị tước đoạt về mặt vật chất về sự nhồi nhét về hệ tư tưởng kéo dài, vào đầu những năm 50 là một nhân dân tương đối được giáo dục, với nhiều tầng lớp trên am hiểu những điều kiện trên thế giới và ít tin vào những luận điệu tư tưởng lừa bịp. Đặc biệt trong những nhà kinh tế học cấp cao, những chuyên gia về các vấn đề thế giới và những đồng sự của họ trong một vài bộ phận của tôn ty của Đảng hướng về quốc tế, có một nhận thức phổ biến xuất phát từ một cuộc khủng hoảng đang tăng lên yêu cầu những cải cách, mà đến lượt nó có thể trả lời cho những câu hỏi trên đây.

Chiến dịch glasnost (công khai) của Gorbachov được đề xướng chắc chắn là không thể ngay một lúc cung cấp một câu trả lời chiến lược cho toàn bộ những câu hỏi trên. Đúng hơn là chiến dịch glasnost hình như tiến triển thông qua nhiều giai đoạn chiến thuật.

Trước hết, khi được phát động vào năm 1985, nó bao gồm trên một mức độ lớn những bản trình bày về những sự lạm quyền đang diễn ra bên nhà nước quan liêu, kể cả bộ máy cảnh sát cho đến nay vẫn là bất khả xâm phạm, và về sự lãng phí và quản lý tồi trong khu vực kinh tế.

Trước đó khá lâu, phạm vi của glasnost đã mở rộng đến mức bao gồm những bước đầu đánh giá lại quá khứ một cách căn bản, tập trung

vào những sự lạm dụng hiển nhiên nhất của thời Stalin. Tuy nhiên, nó không bao gồm cuộc tiến công toàn diện vào di sản của chế độ trong thời kỳ đen tối đó, bởi vì điều đó có thể dẫn đến những hậu quả không ổn định tiềm tàng đối với toàn thể cơ cấu của hệ thống chính trị. Tuy nhiên, ngay cả phạm vi bước đầu hạn chế của chiến dịch glasnost cũng đã mở ra sự thúc đẩy mạnh mẽ cải cách trong những trung tâm đô thị chủ yếu của Liên Xô.

Điều đó đã cho phép Gorbachov và những cộng sự của ông mở rộng phạm vi của chiến dịch vào năm 1987 đến mức bao gồm một chương trình sửa đổi đầy tham vọng chủ yếu nhằm vào quản lý và kế hoạch hóa nền kinh tế của nhà nước. Dưới nhãn hiệu perestroika, hay là xây dựng lại cơ cấu, chiến dịch tìm cách khai thác xung lực đã được glasnost phát động nhằm tiếp thêm sinh khí và sắp xếp hợp lý hóa nền kinh tế quan liêu, giúp cho nó sống lại và phát triển. Nhưng điều đó cũng dẫn đến câu hỏi liệu cải cách cơ bản nền kinh tế Xô viết có thể thực hiện được không nếu nó không làm đảo lộn một cách quan trọng hệ thống chính trị và không mở cửa một cách rộng hơn cho tự do của trí thức.

Như vậy đâu là giới hạn của cải cách là câu hỏi chủ yếu chưa được giải đáp. Ngay cả Gorbachov chắc chắn là cũng chưa biết được câu trả lời cụ thể, tuy rằng một số bình luận của ông có thể ám chỉ là ông ta còn đi rất xa. Nhưng nhận định không chính thức và bột phát của ông tại các buổi gặp các giới công chúng Xô viết khác nhau có khuynh hướng gây ảnh hưởng sâu rộng hơn là những bài diễn văn được chuẩn bị sẵn để phát biểu với các cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Phát biểu trong một cuộc hội nghị của những người lãnh đạo các phương tiện thông tin đại chúng và các liên hiệp được gọi là sáng tạo vào giữa tháng 7.1987, Gorbachov kêu gọi cho một "nền văn hóa chính trị" mới của Liên Xô, và việc vay mượn hai từ đó của xã hội chính trị phương Tây đã gây ấn tượng thật sâu sắc.

Trong khi thúc đẩy quá trình dân chủ hóa tăng lên, Gorbachov nhận định: "Chúng ta hiện nay phải trở lại trường học về dân chủ. Chúng

ta phải học. Tư duy chính trị của chúng ta không còn thích hợp. Ngay cả khả năng tôn trọng quan điểm của những bạn bè, đồng chí của chúng ta cũng không còn thích hợp". Mục đích làm hình thành tư duy chính trị mới của Gorbachov càng ghê gớm vì những cái ông ta than phiền là "không thích hợp" không phải là di sản của chủ nghĩa Lenin và Stalin. Chúng bắt rễ sâu từ trong lịch sử nước Nga. Trong tác phẩm "Những bức thư từ nước Nga" xuất bản năm 1839, hầu tước Astolphe de Custine, sau một thời gian dài thăm đất nước này đã gợi ý là có một sự liên tục nổi bật giữa chính trị của nước Nga thế kỷ XIX và của Liên Xô hiện nay.

De Custine đã có ấn tượng mạnh mẽ về vai trò rộng khắp của chế độ quan liêu nhà nước được xây dựng "trên cơ sở những sự tể toái, tùy tiện và mục nát" trong đó "bí mật bao trùm lên mọi việc". Ông ta buộc tội là "lĩnh vực duy nhất trong đó chế độ tàn bạo tỏ ra có sáng tạo là về những phương tiện để duy trì vĩnh viễn quyền lực của nó" và "chế độ chuyên chế là tồi tệ nhất khi nó có vẻ như là làm điều tốt bởi vì nó biện minh cho những hành động vô nhân đạo nhất bằng những ý định và điều ác được xem như là thứ thuốc không có giới hạn nào cả".

Sự đánh giá của ông ta về thành tựu của chế độ có thể được vận dụng dễ dàng vào kinh nghiệm Xô viết: "Tôi không nói rằng hệ thống chính trị của họ không tạo ra được cái gì tốt, nhưng chỉ khẳng định rằng những thành tựu đạt được phải trả bằng một giá quá cao".

De Custine cũng có ấn tượng mạnh mẽ về những hạn chế đối với tự do tư tưởng và về sự lạm dụng lịch sử bởi những người nắm quyền. Ông ta nhận định rằng lịch sử là "sở hữu của sa hoàng". Sa hoàng trình bày cho nhân dân những sự thật lịch sử nào phù hợp với hư cấu chủ đạo được lưu hành. Ông ta bình luận có lẽ điều đó có ý nghĩa nhất là: "Hệ thống chính trị của Nga không thể đứng vững được hai mươi năm trong sự giao lưu tự do với Tây Âu".

Không có gì ngạc nhiên nếu sau 50 năm của chủ nghĩa Stalin về nhà nước một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, sau 70 năm chủ nghĩa Lenin

về Đảng, về hình thành một tư duy chính trị mới đòi hỏi một sự nâng cao lớn về chính trị. Gorbachov đã ám chỉ như thế trong một buổi nói chuyện riêng với người lãnh đạo cấp cao đảng Hung vào tháng 5.1987 (người lãnh đạo này hôm sau đã kể lại với tác giả). Gorbachov cho rằng theo quan điểm của ông ta, toàn bộ kinh nghiệm Xô viết từ năm 1929 là sai lầm. Thật vậy, theo nhà lãnh đạo Xô viết cao nhất, không dưới ba phần tư những cách thực hành của Liên Xô đã mất tín nhiệm và sẽ phải bằng cách nào đó bác bỏ hoặc sửa đổi.

Khó tin rằng ngay cả những đồng sự của Gorbachov trong bộ chính trị hoàn toàn đồng ý với ông ta - Chắc chắn phần lớn trong số họ cảm thấy theo bản năng chủ nghĩa Lenin không những là cơ sở cho sự hợp pháp của họ mà cả phần lớn kinh nghiệm của Stalin tạo nên cơ sở cho quyền lực của họ. Sửa đổi qua loa một phần của hệ thống Stalin có thể được chấp nhận và được cho là cần thiết, nhưng họ sợ rằng nếu bác bỏ tất cả thì sẽ làm cho toàn bộ hệ thống Xô viết mất ổn định. Như vậy là sự đồng tình về cải cách tương đối mỏng. Nó tan vỡ trong vấn đề di sản Stalin có thể bị xóa bỏ một cách an toàn đến đâu trong khi truyền thống độc hại leninist vẫn còn là điều thiêng liêng bất khả xâm phạm.

Thực vậy, chủ nghĩa Lenin, chứ không phải cải cách là vấn đề tranh cãi tối cao nhưng được che giấu, giữa những nhà lãnh đạo chớp bu Xô viết. Ví như, nhiều điều đã được nói đến ở phương Tây về cuộc xung đột được xem là đã diễn ra giữa Gorbachov, nhà cải cách và Yegor Ligachev, đối thủ của ông ta được xem là bảo thủ và chống cải cách. Ông này cho đến mùa thu năm 1988 là nhân vật số hai trong bộ chính trị và cũng là bí thư trung ương Đảng.

Thế nhưng cho đến nay, và mặc dầu có glasnost hầu như người ta không được biết gì đến những cuộc tranh luận nội bộ trong lãnh đạo chớp bu - Điều thể hiện rõ là Ligachev đã phát biểu nhân danh những người lãnh đạo Xô viết không chống cải tổ nhưng muốn nó được tiến hành theo

"kiểu của Lenin", từ bên trên và một cách có kỷ luật hơn nhằm không gây nguy hại cho sự kiểm soát của đảng đối với quá trình cải tổ.

Sự khác nhau giữa hai cách tiếp cận đã được khái quát rất tốt bởi Alexandre Gelman, một thành viên tích cực của một tổ chức đảng trong điện ảnh Xô viết; bản thân ông ta là một người nhiệt tình ủng hộ Gorbachov. Alexandre Gelman đã vạch ra sự khác biệt sâu sắc giữa hai khái niệm "dân chủ hóa" và "tự do hóa". Theo những lời lẽ mạnh mẽ của ông ta được trích dẫn trong báo *Sovietskaia Kultura* ngày 9.4.1988:

"Dân chủ hóa chuẩn bị đầy đủ cho sự phân phối lại quyền lực, các quyền tự do, cho việc thành lập một số cơ cấu độc lập về quân lý và thông tin. Còn tự do hóa là sự bảo tồn tất cả những nền tảng của hệ thống cai trị nhưng dưới một hình thức êm dịu hơn. Tự do hóa là một nắm tay mở, nhưng vẫn là bàn tay ấy và bất cứ lúc nào nó cũng có thể khép lại thành một quả dấm. Chỉ về bề ngoài, tự do hóa đôi khi nhắc gọi dân chủ hóa, nhưng trong thực tế hiện nay, nó lại là một sự tiếm quyền căn bản và không thể chấp nhận được."

Cho dù có cường điệu đi nữa thì sự khác nhau giữa một người lãnh đạo "dân chủ hóa" và một người lãnh đạo "tự do hóa" về thực chất đúng là như thế. Để thành công trong việc sửa đổi di sản chủ nghĩa Stalin người lãnh đạo "dân chủ hóa" ủng hộ một sự đoạn tuyệt rõ ràng hơn với quá khứ trong khi người lãnh đạo "tự do hóa" thì có thiên hướng nhấn mạnh hơn đến những yếu tố tiếp tục. Vì vậy, Ligachev, trong một cuộc trả lời phỏng vấn nổi tiếng của tờ báo Pháp hàng ngày - tờ "Thế giới" ngày 4.12.1987 đã nhấn mạnh là "Tôi chủ tọa các cuộc họp của Ban bí thư trung ương Đảng và tổ chức công việc của ban" còn "Gorbachov thì chủ tọa các cuộc họp của Bộ chính trị". Ligachev đã không né tránh như Gorbachov khi đưa ra một nhận định tích cực hơn về quá khứ của Liên Xô. Trong khi luôn luôn nhấn mạnh đến sự cần thiết của cải cách và hoàn toàn ủng hộ chương trình của perestroika, Ligachev đã công khai nhận xét rằng đối với ông ta, ngay cả thời Brezhnev cũng có những thành tựu gây ấn tượng sâu sắc.

Theo báo Sự thật 27.8.1987, ông ta đã nói: "đó là một thời kỳ không thể quên được, đó thực sự là một cuộc sống sinh động trên mọi mặt... Đó là một thời kỳ những người cộng sản thật sự được rèn luyện trong những điều kiện khó khăn". Ông ta cũng nhấn mạnh rằng "Chúng ta sẽ không bao giờ xa rời con đường của Lênin" mà ông ta đã cố ý gắn với toàn bộ "70 năm lịch sử quang vinh của chính quyền Xô viết".

Sự đồng tình về yêu cầu của cuộc cải cách như vậy là tiêu biểu cho một sự thỏa hiệp đối với hiện tại, trong khi che đậy một sự bất đồng quan trọng đối với phần lớn quá khứ. Sự thỏa hiệp đó có hai tác dụng. Một mặt nó cho phép những sự phê phán thời đại Stalin được bộc lộ và phổ biến. Kinh nghiệm Xô viết và mô hình Xô viết do đó sau này đã bị mất tín nhiệm trên phạm vi toàn thế giới. Một mặt khác, bằng cách duy trì mãi mãi tính chất căn bản cực quyền của hệ thống thông qua việc duy trì không những đảng cực quyền mà Lênin cho là sự nhận thức sâu sắc duy nhất của những quy luật của lịch sử mà còn cả những thể chế chủ yếu của nhà nước quái dị kiểu Stalin với sự phụ thuộc nặng nề của xã hội vào nhà nước, phạm vi những tiềm năng của cải cách đã bị thu hẹp một cách nghiêm ngặt. Liên Xô do đó đã phải trả một cái giá gấp bội. Nó tiếp tục mất đi sự hấp dẫn về mặt hệ tư tưởng và ở trong nước kể đến bù lại cũng không giành được tự do, trên một phạm vi rộng lớn thông qua một sự cải cách căn bản có hệ thống.

Sự chậm trễ được xem như là điều kiện của hệ thống, sự thúc đẩy tình trạng tụt lại đằng sau thế giới phương Tây, đó là viễn cảnh rõ rệt nhất đối với Liên Xô bất chấp những cố gắng của Gorbachov và sự nổi tiếng của ông ta trên trường quốc tế.

Để tránh cái viễn cảnh ác nghiệt đó, không những cần phải có một cuộc cách mạng trong tư duy chính trị mà còn cả một sự bác bỏ thật sự cơ bản và đi xa về mặt thể chế đối với hai nguồn gốc của tình trạng tụt lùi thoái lương nan hiện nay của Liên Xô: chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa Lênin. Trừ phi chủ nghĩa Stalin bị xóa bỏ và chủ nghĩa Lênin bị làm phai

nhạt đi một cách mạnh mẽ, còn không thì nhà nước Xô viết vẫn còn tồn tại như một quái vật không có nội dung xã hội xây dựng và không có lý tưởng hoặc cách nhìn lịch sử. Như vậy, nó sẽ tiếp tục xung đột với khuynh hướng trên thế giới đề cao những quyền của cá nhân và sẽ tiếp tục thiếu những điều kiện tiên quyết cần thiết cho sự sáng tạo thực sự về xã hội và về công nghệ học.

Tuy vậy, thực tế chính trị là sự phá bỏ chủ nghĩa Stalin và làm phai nhạt chủ nghĩa Lênin chỉ có thể được tiếp tục một cách tốt nhất theo từng giai đoạn, nhất là đối với truyền thống của chủ nghĩa Lênin, thì phải hết sức thận trọng. Sự phá bỏ thực sự chủ nghĩa Stalin đòi hỏi trước hết, phải đoạn tuyệt với nhà nước quan liêu toàn quyền trong cả hai lĩnh vực kinh tế và xã hội và một sự phi tập thể hóa nào đó có ý nghĩa trong nông nghiệp.

Đó là nhiệm vụ cực kỳ to lớn, do chỗ vấp phải các quyền lợi được bao cấp của giới thượng lưu cầm quyền, chưa nói đến truyền thống kéo dài ở nước Nga trong đó quyền lực tối thượng của nhà nước trùm lên toàn xã hội.

Hơn nữa, tính chất nhiều dân tộc của nhà nước Xô viết cũng đặt ra một tình huống phức tạp, bởi vì bất cứ một sự phi Stalin hóa thực sự nào cũng làm nổi lên các bóng ma những khát vọng dân tộc tự quyết ngày càng tăng lên của những dân tộc không phải Nga, điều đó đe dọa ngay sự sống còn của Liên Xô.

Việc xử lý chủ nghĩa Lênin càng khó khăn hơn. Trước hết, cuộc tiến công đi vào di sản Stalin là dễ dàng hơn khi nó được đặt một cách công khai trên cơ sở chủ nghĩa Lênin. Việc viện dẫn đến ông "Lênin đúng" cung cấp tính hợp pháp cần thiết về hệ tư tưởng cho việc bác bỏ Stalin. Thời đại Stalin càng bị tố cáo thì thời đại Lênin càng được đề cao. Như vậy là, ngay cả những lý do chiến thuật tốt, sự tiến công chủ nghĩa Stalin cũng phải được tách khỏi bất cứ cố gắng nào để xét lại hoặc làm phai nhạt di sản chủ nghĩa Lênin. Di sản đó, dấu sao cũng

cung cấp một cái cầu nhảy thuận lợi nhất để biện minh cho những cải cách chống Stalin và để chống lại cuộc tiến công cho rằng những hành động đó là biểu hiện cho một sự đi chệch có tính xét lại. Tuy nhiên, tác dụng là củng cố uy tín chủ nghĩa Lenin trong chính trị của Liên Xô.

Chủ nghĩa Lenin như vậy là cốt tử đối với nhận thức của giới thượng lưu cầm quyền về tính chính đáng lịch sử nhằm hợp lý hóa yêu cầu của họ về quyền lực. Bất cứ sự bác bỏ nào đều sẽ có giá trị như một sự tự sát tâm lý tập thể. Sau bấy nhiêu "thập kỷ", giới thượng lưu cộng sản Liên Xô không thể đột nhiên tự xác định lại mình như là một biến thể nào đó của nền xã hội - dân chủ phương Tây, một biến thể được làm sống lại của những người mensévich trước đây (mà Lenin đã đập tan). Đó không phải là một nhiệm vụ dễ dàng như kinh nghiệm của một số người cộng sản Tây Âu cho thấy. Ví như, cho đến nay, những người cộng sản Pháp có nhiều lý do chính trị để làm như vậy, đã không thể thực hiện sự biến đổi đó, mặc dù họ hoạt động trong một môi trường ở đó truyền thống dân chủ chiếm ưu thế.

Do đó, để công bằng với Gorbachov, phải nói rằng ông ta không có gì nhiều để chọn lọc trong vấn đề đó. Ngay cả với sự bác bỏ một phần chủ nghĩa Stalin, chủ nghĩa Lenin là tất cả những cái đã được giữ lại trong kinh nghiệm cộng sản của Liên Xô. Từ bỏ cả chủ nghĩa Stalin lẫn chủ nghĩa Lenin có nghĩa là bác bỏ toàn bộ thời đại cộng sản.

Gorbachov khó có thể hy vọng xây dựng tính hợp pháp của ông ta trên cơ sở lịch sử tiền bôn-sê-vích, hoặc với một cái gì đó của xã hội dân chủ trước kia. Như vậy, ông ta không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc khẳng định rằng perestroika được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Lenin, rằng nó bắt nguồn từ chủ nghĩa Lenin và biểu trưng cho sự hồi sinh cơ bản của chủ nghĩa Lenin. Nhưng, khi làm như vậy, Gorbachov cũng lại tiếp thêm sức mạnh cho khuynh hướng của giới thượng lưu nắm quyền thực hiện một sự đơn giản hóa giáo điều to lớn vốn có trong luận điểm cộng sản cho rằng nó là sự nắm bắt duy nhất mọi chân lý và sự tìm toàn

quyền về quyền lực. Sau hết, đó là thực chất của chủ nghĩa Lenin và thực chất đó làm cho chủ nghĩa Stalin không thể khác được.

Những cản trở chính trị cho một perestroika thật sự như vậy không những là ghê gớm mà chắc chắn còn là không thể vượt qua. Một sự đoạn tuyệt với di sản Lenin đòi hỏi không có gì khác là một sự xác định lại cơ bản bản chất của đảng cầm quyền; vai trò lịch sử của nó, và tính hợp pháp của nó. Trong thực tế một sự đoạn tuyệt thật sự đòi hỏi một sự bác bỏ cái tiền đề từ trung tâm bị đơn giản hóa đến cao độ, cụ thể là một hệ thống xã hội hoàn thiện có thể hình thành bởi một sắc lệnh chính trị qua đó xã hội bị phụ thuộc vào nhà nước tối cao đóng vai trò một tác nhân biết đủ mọi điều của lịch sử.

Nó cũng đòi hỏi phải chấp nhận các khái niệm là phần lớn biến đổi xã hội có tính ngẫu nhiên, mơ hồ và nhiều khi tự phát, và kết quả là sự phức tạp xã hội không thể nhồi vào cái áo chèn ý thức hệ.

Để đoạn tuyệt thật sự với quá khứ và để mở ra sự sáng tạo xã hội, di sản Lenin ở một vài điểm nào đó cần phải được kiểm tra bằng thực tế. Một số người ủng hộ Gorbachov muốn đi xa hơn - như vậy trong không khí nóng bỏng của glasnost vào giữa năm 1988, tờ tạp chí được kính trọng *Noviy Mir* (Thế giới mới) tháng 5 đăng một bài trong đó tác giả là V. Selyunin, không úp mở lên án Lenin đã bắt đầu những cuộc đàn áp quần chúng, xem đó như là giải pháp có thể có để giải quyết trước hết là những vấn đề chính trị và sau đó là những vấn đề kinh tế. Một xuất bản phẩm khác của Liên Xô, tờ *Nash Sovremennik* (Người cùng thời của chúng ta) còn đi xa hơn khẳng định vào tháng 4.1988 rằng dưới thời Lenin số người bị giết còn nhiều hơn dưới thời Stalin.

Tuy nhiên, đó còn là những quan điểm lẻ loi. Những người lãnh đạo chớp bu, kể cả Gorbachov, nhận thức rõ ràng bác bỏ hoàn toàn và công khai chủ nghĩa Lenin sẽ có nghĩa là làm mất đi tính chính thống của bản thân chế độ Xô viết. Những nhà cải cách Xô viết như vậy là phải đương đầu với cái vòng luẩn quẩn vì phải tấn công chủ nghĩa Stalin trên cơ sở chủ nghĩa

Lênin được tiếp thêm sức sống, họ cũng đồng thời làm mạnh mẽ trở lại, hợp pháp hóa trở lại và như vậy là làm cho tồn tại mãi mãi những lực lượng thật sự về hệ tư tưởng - chính trị đã trực tiếp dẫn đến chủ nghĩa Stalin.

Con đường thực tế hơn là một ngày nào đó một nhà lãnh đạo Xô viết xét lại đứng cảm đi theo sẽ là xác định lại ý nghĩa của chủ nghĩa Lênin cho đến mức là nó bắt đầu giống xã hội dân chủ hơn là chủ nghĩa bôn-sê-vich.

Một số nhận định của Gorbachov gắn Lênin với nền dân chủ chỉ ra rằng ông ta thiên về hướng đó, và một số người nhiệt tình ủng hộ hơn cả hình như dọn đường cho việc tranh luận công khai là nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin hiện đại ở Liên Xô đã bị làm biến dạng bởi thời đại Stalin. Fedor Burlatsky trong tờ *Literaturnaia Gazeta* (Báo Văn học) ngày 20.4.1988 chỉ rõ:

"... điều rất quan trọng là phải nghiên cứu những khái niệm của Stalin đã biến mình cho sự biến dạng của chủ nghĩa xã hội. Những tư tưởng của chúng ta về chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lênin, về bản thân chủ nghĩa xã hội đã được chính bản thân Stalin truyền lại cho chúng ta. Vào đầu những năm 30, hệ thống giảng dạy và giáo dục là dựa trên cơ sở những sách của Stalin: "Những vấn đề về chủ nghĩa Lênin", "Tóm tắt lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô" (bôn-sê-vich) do ông ta làm chủ biên và quyển "Những vấn đề kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô". Bằng cách này hay cách khác, tất cả những sách giáo khoa hiện tại về lịch sử đảng, chính trị kinh tế, chủ nghĩa cộng sản khoa học và triết học, cũng như phần lớn các công trình nghiên cứu lý luận trong khoa học xã hội đều quay trở lại những nguồn đó.

Nhưng một sự xếp hàng cơ bản trở lại về mặt trí thức và xác định lại Lênin như một người xã hội dân chủ chứa đựng những nguy cơ biến thiên đối với độc quyền của đảng cầm quyền. Giới quan liêu như vậy

chắc chắn là chống lại bất cứ sự xác định lại nào gốc rễ của nó. Điều đó, đến lượt nó, có nghĩa là Liên Xô vẫn sẽ tiếp tục là đối tượng thống trị của một tổ chức giáo điều và ngột ngạt về mặt xã hội, tổ chức đó kháng kháng đòi độc quyền về quyền lực chính trị trong một thời đại mà sự sáng tạo và chủ nghĩa đa nguyên đã trở thành phụ thuộc lẫn nhau. Nó vẫn ở trong một phạm vi của một Đảng bị ràng buộc vào khái niệm leninist cho rằng chỉ có đảng mới nhận thức được chân lý và nó có quyền và có sức mạnh để áp đặt nhận thức đó lên xã hội. Về thực chất, giới lãnh đạo Xô viết phải đối phó với một nghịch lý lịch sử bướng bỉnh: để khôi phục uy tín trên thế giới của chủ nghĩa cộng sản, Liên Xô phải bác bỏ phần lớn quá khứ cộng sản của mình về cả hai mặt học thuyết và thực hành. Vào những năm 20, đối với phần lớn thế giới, kinh nghiệm cộng sản của Liên Xô hình như hứa hẹn cho tương lai. Nhưng đến những năm cuối cùng của thế kỷ này, Liên Xô bị xem như một tấm gương không có gì hấp dẫn về mặt hệ tư tưởng và đỉnh đốn trong sự phát triển xã hội và kinh tế. Đối với toàn thế giới, kinh nghiệm của Liên Xô không còn là thần tượng nữa, do đó không nên bắt chước mà còn phải tránh. Kết quả là, chủ nghĩa cộng sản không lâu la gì đã không phải là một mô hình thực tế để các nơi khác noi theo.

Phần II

SỰ CHIA RẼ LIÊN XÔ

"Perestroika là cơ may cuối cùng của chúng ta", một Mikhail Gorbachov quyết tâm đã nói như vậy ngày 8 tháng 1 năm 1988. "Nếu chúng ta dừng lại, chúng ta sẽ chết".

Những lời cảnh cáo của Gorbachov trong một cuộc gặp những người lãnh đạo các phương tiện thông tin đại chúng lúc đó đã được lan truyền, được tờ *Tin tức Moskva* đặc biệt nhấn mạnh và được trích dẫn rộng rãi trong giới thượng lưu Xô viết. Thật trái ngược biết bao đối với chủ nghĩa lạc quan bông bột của Nikita Khrushov, người tiền nhiệm của ông ta ba mươi năm trước đây khi đề cập đến tương lai của Liên Xô.

Lần này, lượt khác Khrushov đã phóng ra cái viễn cảnh về một Liên Xô xã hội chủ nghĩa thắng lợi đang bước vào ngưỡng cửa của chủ nghĩa cộng sản như là cường quốc kinh tế số một của thế giới: "Trong một thời kỳ, hãy nói là 5 năm. Kể từ sau 1965, chúng ta sẽ đuổi kịp và sau đó vượt qua mức độ sản xuất của Mỹ tính theo đầu người. Như vậy và lúc đó, cùng có thể sớm hơn, Liên Xô sẽ chiếm vị trí số một trên thế giới về cả hai mặt: Khối lượng sản phẩm tuyệt đối và tính theo đầu người, và sẽ bảo đảm có mức sống cao nhất trên thế giới".

Đó là lời tuyên bố huênh hoang của Khrushov ngày 14 - 11 - 1958 trong buổi lễ tốt nghiệp của các sĩ quan tại Viện hàn lâm khoa học quân sự.

Đó không phải là một lời khoác lác vu vơ hoặc lỡ lời một lần. Lời tuyên bố ăm ỉ luôn luôn được nhắc đi nhắc lại qua việc nói đến "Chương trình đồ sộ xây dựng kinh tế" sẽ bảo đảm cho Liên Xô nắm vai trò lãnh đạo nền kinh tế thế giới trong một tương lai không xa.

Thật vậy, như trên đã nhận xét, dự báo đó đã trở thành một bộ phận trong cương lĩnh chính thức của Đảng cộng sản Liên Xô được thông qua năm 1961 trong đó hứa hẹn là thế hệ người dân Liên Xô hiện nay sẽ sống trong giai đoạn thiêng liêng của chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn.

Ba mươi năm sau, nỗi lo âu lịch sử chi phối cách nhìn của vị tổng bí thư mới và những người cộng sự gần gũi của ông ta. Họ không thể lẫn tránh được cái thực tế đáng buồn là khoảng cách với đối thủ lớn nhất (tức là Mỹ. ND chú thích) chẳng những đã rộng thêm theo hướng không có lợi cho Liên Xô mà ngay cả một số cường quốc khác cũng sẽ vượt qua Liên Xô trong hai hoặc ba thập kỷ sắp đến.

Nhật Bản đã thực hiện được điều đó.

Điều bất lợi cho uy tín của Liên Xô là toàn thế giới đều biết đến điều đó. Không có gì lạ là Gorbachov đã gợi lên điều lo ngại ám ảnh về cái chết của chủ nghĩa cộng sản nhằm thúc đẩy giới thượng lưu Xô viết đổi mới liệu lĩnh hệ thống của họ.

Trái với dự đoán phổ biến của phương Tây là Bộ chính trị của Liên Xô sẽ bị phân hóa giữa "những người cải cách" ủng hộ sự thay đổi và "những người phản động" muốn giữ nguyên tình trạng cũ, phần lớn những người lãnh đạo chớp bu ở Liên Xô vào giữa những năm 80 đã chấp nhận sự cần thiết cải cách, chấp nhận một perestroika cho hệ thống Xô viết như là một tất yếu. Sự chống đối chủ yếu tập trung vào số các bí

đầu tiên nhất ở các nước cộng hòa và các địa phương cố bám lấy những đặc quyền lãnh địa của họ và không có được tầm nhìn rộng rãi và toàn thế giới như những người lãnh đạo trong điện Kremlin.

Ở cấp cao nhất, những cuộc tranh luận xoay vào vấn đề làm thế nào để cuộc cải cách có hiệu quả, xác định phạm vi của nó đến đâu và làm sao huy động sự tham gia trực tiếp của nhân dân Xô viết vào quá trình cải tổ thông qua những chiến dịch thận trọng của báo chí.

Một số nhà lãnh đạo Xô viết cấp cao ủng hộ rõ rệt một quá trình cải tổ được quản lý chặt chẽ, được chi phối từ bên trên trong đó sự kiểm soát về đối mới kinh tế - xã hội được đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của đảng cầm quyền. Nhưng họ cũng thừa nhận rằng những sự thay đổi mạnh mẽ là cần thiết để tránh một sự suy sụp thảm hại những viễn cảnh ở Liên Xô. Để dùng thuật ngữ đã được nói đến trong chương trên đây, họ là "những người tự do" chứ không phải là "những người dân chủ".

Gorbachev chủ trương một chiến thuật khác, công khai hướng mũi nhọn cuộc tiến công vào cải tổ, và bằng cách đó tìm cách cẩn thận tạo ra những áp lực xã hội từ bên dưới nhân danh cải tổ. Đó là ý nghĩa chiến thuật của chiến dịch glasnost nhằm khuyến khích không có gì khác ngoài cuộc tranh luận trên phạm vi toàn quốc về hiện tại và quá khứ của Liên Xô. Trong quá trình tranh luận đó, những điều trước đây được xem là bất khả xâm phạm nay được công khai báng bổ; những vấn đề trước đây được giữ kín nay được công khai trình bày; sự nhất trí giả vờ của đất nước bị tiêu tan; và đối với một số người, ngay cả tương lai của hệ thống cũng bị nghi ngờ.

Nhiều người tham gia cuộc tranh luận đó - mà đỉnh cao là Hội nghị đặc biệt lần thứ 19 toàn quốc của đảng tháng 6 năm 1988, bắt đầu nói với những lời lẽ mà chỉ trước đó ít năm thôi, sẽ bị kết tội là xét lại, một sự xúc phạm về hệ tư tưởng có tầm quan trọng to lớn trong một đảng mà suốt bề dài cuộc sống của nó bị chi phối bởi tính chính thống cứng nhắc.

Sự đồng tình bề ngoài của đất nước bị chia tách bởi sự oán hờn công khai đối với một số lớn vấn đề đan xen vào nhau, và toàn bộ sự căm tức ấy đe dọa leo thang đến mức trở thành một cuộc xung đột chính trị nghiêm trọng.

Kết quả là, một Liên Xô cực quyền nhanh chóng trở thành một Liên Xô mất đoàn kết và dễ bốc hơi.

Chương 5

TỪ ẢO TƯỢNG ĐẾN CHỦ NGHĨA XÉT LẠI

Không có gì chứng minh bị dốt hơn thực tế mới và năng động đó bằng sự kiện làm sững sốt trong quá trình này, nhà lãnh đạo mới của Liên Xô, Mikhail Gorbachov trở thành người chuyển sang chủ nghĩa xét lại. Trong một thời gian ngắn ba năm, tài hùng biện và thái độ của ông ta đã thay đổi từ chỗ bảo chữa cho sự cải cách làm sống lại nền kinh tế, đến chỗ truyền bá những điều xét lại cơ bản, không những trong cơ cấu kinh tế, mà cả trong những nền tảng tư tưởng của hệ thống, và mở rộng đến một mức độ nào đó sang cả những quá trình chính trị.

Sự thay đổi đó xác nhận sự đánh giá của ông về chiều sâu cuộc khủng hoảng và sự cần cỗi về mặt trí tuệ ở Liên Xô.

Nhưng nó cũng báo hiệu khả năng một cuộc xung đột chính trị kéo dài và thật sự chia rẽ trong sự quản lý của Đảng cộng sản đối với tương lai của Liên Xô. Thậm chí nó đặt ra một khả năng một ngày nào đó, sự kiểm soát độc quyền xã hội có thể tuột khỏi quyền lực của đảng.

Khái niệm "chủ nghĩa xét lại" đã có một lịch sử lâu dài và đáng buồn trong phong trào mácxít - leninít ở Liên Xô. Trong từ vựng chính trị của Liên Xô, từ đó đã mang một ý nghĩa đặc biệt xấu. Nó đã được áp dụng trong nhiều năm cho những người bị xem như đi chệch khỏi những nền tảng về học thuyết của đảng, nhất là theo hướng của quan điểm xã hội - dân chủ hiếm độc mà Lenin đã rất căm ghét và Stalin đã hoạt động

không đến thế để trừ diệt. Di sản của Lenin đã tỏ ra đặc biệt thù địch với những khái niệm của xã hội dân chủ vẫn đặc biệt nhấn mạnh đến dân chủ căn bản, công khai, sự tham gia của nhân dân vào việc quyết định các chính sách, sự khoan dung đối với các quan điểm chống đối, và ngay cả một sự đua tranh chính thức để giành quyền lực ngay trong bản thân phong trào xã hội dân chủ.

Lenin và những môn đồ của ông bác bỏ những khái niệm đó, xem chúng là biểu hiện của khuynh hướng "tiểu tư sản" không có gì liên quan đến sự cần thiết của giai cấp vô sản đối với một đảng có kỷ luật của những người cách mạng chuyên nghiệp.

Sau năm 1917, đảng đó không những trở thành chuyên nghiệp mà còn là những người lãnh đạo vĩnh cửu của giai cấp vô sản này.

Chủ nghĩa bôn-sê-vích của Lenin đã được nuôi dưỡng trong cuộc chiến đấu chống xã hội dân chủ của mensévich, và những người mensévich này đã lập tức bị thù tiêu về mặt thể xác sau khi phái bôn-sê-vích giành được chính quyền.

Stalin tiếp tục cuộc chiến đấu, dán nhãn hiệu cho một đối thủ chính giành quyền lực với mình là những phần tử xã hội dân chủ xét lại và dùng cách rút phép thông công về mặt học thuyết để biện minh cho việc thù tiêu họ về mặt thể xác.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, với phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô mở rộng ra Đông Âu, Stalin bêu xấu xã hội dân chủ, xem nó chẳng qua là công cụ có ý thức của chủ nghĩa đế quốc phương Tây và đã lấy nó làm đối tượng cho sự trả thù đặc biệt của mình.

Thật vậy, qua lịch sử Xô viết, sự thách thức từ phía cánh tả xã hội dân chủ được xem xét với một tính chất nghiêm trọng đặc biệt, không những chỉ vì thói quen mácxít, có khuynh hướng thiên vị coi những bất đồng như là tà đạo, mà còn vì những người lãnh đạo Xô viết lo ngại rằng lập trường của xã hội dân chủ nói một ngôn ngữ và sử dụng biểu tượng có sức hấp dẫn to lớn đối với quần chúng bị đặt dưới sự kiểm soát chính

ại của cộng sản. Sự thù địch của Liên Xô đặc biệt mạnh mẽ đối với bất cứ biểu hiện nào của chủ nghĩa xét lại trong hàng ngũ lãnh đạo của những đảng cộng sản cầm quyền.

Sự rời bỏ của Nam Tư, và đặc biệt là kinh nghiệm của Tito về những biến thức khác nhau của các hội đồng công nhân được xem như là biểu hiện đặc biệt thù địch của chủ nghĩa xét lại, xa lạ với tinh thần chủ nghĩa Mác-Lênin. Sự kết tội đó đã hấp tấp dẫn đến vào cuối những năm 40 và đầu những năm 50 một số vụ xử tội ở Đông Âu trong đó những nạn nhân có bị buộc tội là xét lại, phản bội và gián điệp của phương Tây.

Sau đó, trong những cuộc nổi dậy có tính chất dân tộc và chống Stalin năm 1956 ở Hungary và Ba Lan, Moskva chia lời buộc tội xét lại vào Imre Nagy, nhà lãnh đạo Hungary bị xử tử năm 1958 vì đã mưu toan lập nên một nước Hungary trung lập và căn bản là xã hội dân chủ, và đồng thời cũng buộc tội Wladyslaw Gomulka, nhà lãnh đạo cộng sản Ba Lan có khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa. Kremlin đặc biệt nghi ngờ Gomulka, bởi vì, để củng cố một chế độ cộng sản Ba Lan có tính chất tự trị nào đó, Gomulka đã chuẩn bị để thỏa hiệp với nhà thờ Thiên Chúa giáo, do đó mà làm phai mờ sự kiểm soát của đảng trong việc nhồi nhét hệ tư tưởng.

Mặc dầu cuối cùng, Kremlin cũng thỏa thuận với Gomulka và tăng cường sự ủng hộ chế độ của ông ta, nhưng vẫn theo dõi với sự lo âu to lớn sự phát triển nội tại của Ba Lan. Cuối những năm 50, báo chí Xô viết mở một chiến dịch chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa xét lại ở Ba Lan, và thấy ở đó một tiềm năng sống lại nguy hiểm của chủ nghĩa xã hội dân chủ đáng căm ghét.

Sự ám ảnh của Liên Xô về chủ nghĩa xét lại đạt tới đỉnh cao trong mùa xuân Praha năm 1968. Những tư tưởng được biện hộ bởi giới lãnh đạo mới của Đảng cộng sản Tiệp Khắc, đặc biệt là bởi bí thư thứ nhất Alexander Dubcek và được trình bày trong "*Cương lĩnh hành động*", một văn kiện lịch sử quan trọng của đảng, đã bị phê phán mạnh

mẽ bởi giới lãnh đạo Xô viết. Lời kêu gọi của Cương lĩnh về dân chủ hóa đời sống chính trị ở Tiệp Khắc, về phi tập trung hóa nền kinh tế, về sự khoáng đạt trong hệ tư tưởng, cũng như về việc đưa ra toàn bộ những tội ác của Stalin đã bị Moskva lên án là "chủ nghĩa xét lại hữu khuynh", mở đường cho "chủ nghĩa tư bản quay trở lại và là một sự tách khỏi hiệp ước Warszawa".

Sự can thiệp quân sự của Brezhnev đã gạt Dubcek và những người cộng sự với ông ta ra khỏi quyền lực và là sự kết thúc logic.

Dù sao thì những sự so sánh giữa những quan điểm của Gorbachov vào những năm 80 và những quan điểm của những người xét lại đã bị lên án bởi những người tiên nhiệm của ông ta trong điện Kremlin là nổi bật. Rõ ràng là những quan điểm đó không phải nổi lên cùng một lúc. Năm quyền lực vào lúc ông ta và các đồng sự trong bộ chính trị cùng chia sẻ nhận thức là những cải cách trong hệ thống Xô viết là quá muộn. Gorbachov đầu tiên tập trung sự chú trọng vào việc hợp lý hóa và hiện đại hóa nền kinh tế Xô viết. Hoặc vì thiếu thận trọng, hoặc có lẽ vì nghĩ rằng thành tựu kinh tế có thể nâng lên một cách rộng lớn bằng sự cải tiến trong quản lý và kế hoạch hóa kinh tế, ông ta hướng sự đẩy mạnh trước hết vào việc loại trừ những vấn đề lãng phí, quản lý tồi, kiểm soát chất lượng không thích hợp, kỷ luật lao động lỏng lẻo, nạn nghiện rượu và sự lạm thuộm nói chung. Người ta có cảm tưởng là đầu tiên ông ta chọn cho Liên Xô mô hình Đông Đức, nơi mà hệ thống cộng sản tỏ ra có hiệu quả, có kỷ luật và phát triển về mặt công nghệ học.

Không nghi ngờ gì, ông ta buồn rầu nhận thấy rằng người Nga không phải là người Phổ, rằng ảo tưởng ông ta xem Liên Xô như là Đông Đức rõ ràng không đúng.

Ông ta phải đối diện với thực tế là những vấn đề mà ông ta phải đương đầu có nguồn gốc sâu xa về mặt văn hóa và hệ thống. Thật thế, trong thời gian tương đối ngắn hai năm, quá trình hiểu biết của Gorbachov dẫn ông ta đến chỗ nhận thức được rằng bất cứ cải cách nào

ở Liên Xô muốn có hiệu quả đều đòi hỏi phải có những thay đổi sâu sắc trong cách nhìn công khai, "Tư duy chính trị" về xã hội, thậm chí cả về tính chất của bản thân hệ thống chính trị.

Bước ngoặt đã diễn ra vào tháng 6/1988 tại Hội nghị Đảng toàn quốc đặc biệt lần thứ 19. Trong bài phát biểu khai mạc, Gorbachov đã nêu cải cách chính trị có tầm quan trọng hơn sự xây dựng lại cơ cấu kinh tế: "Chúng ta đang phải đương đầu với nhiều vấn đề phức tạp. Nhưng vấn đề nào là cốt yếu hơn cả? Như ban chấp hành trung ương Đảng đã nhận xét, vấn đề cốt yếu nhất là cải cách hệ thống chính trị của chúng ta". Chỉ sau khi cải cách chính trị thì những cải cách kinh tế mới có thể "thành công" theo nghĩa là về căn bản. Liên Xô có thể hy vọng đạt tới một mức sống có thể so sánh với những xã hội phát triển hơn trên thế giới, đạt tới một trình độ về công nghệ học cho phép Liên Xô tranh đua về chính trị và quân sự với phương Tây, và đạt tới một chất lượng sống có thể biện minh cho những luận điệu tư tưởng được nêu lên om sòm trong nhiều năm nhân danh "chủ nghĩa xã hội" Xô viết. Người ta có cảm tưởng rằng vào giữa năm 1988, Gorbachov hướng về phía cách làm của Hungary.

Bằng cách chuyển sự nhấn mạnh từ kinh tế sang chính trị, Gorbachov vào năm 1987 đã đi theo sự tiếp cận trong đó cải cách toàn diện từ bên trên, perestroika, phải được tăng cường, thậm chí phải được tấn công mạnh bằng những sức ép xã hội được cố ý giải phóng từ bên dưới, - cái được gọi là glasnost nổi tiếng.

Glasnost, đến lượt nó, lại được sử dụng để kích thích một sự dân chủ hóa rộng lớn hơn, - cái được gọi là democratijasia, - dân chủ hóa toàn bộ hệ thống Xôviết.

Điều quan trọng cần ghi nhận là bắt đầu sự nhấn mạnh đến truyền thống leninít về sự kiểm soát từ bên trên, Glasnost và Democratijasia có nhiệm vụ xúc tiến công cuộc xây dựng lại, trong quá trình này đã biến đổi thực chất của bản thân hệ thống.

Như trong bài phát biểu tại Hội nghị toàn quốc đặc biệt của Đảng, Gorbachov đã phê phán những người chờ đợi những cải cách từ bên trên và khích lệ những người phát động việc gây áp lực từ cơ sở: "Ở nhiều địa phương khác nhau, có những người đã nói và viết rằng perestroika đã không đến được với họ; họ hỏi rằng đến bao giờ thì nó sẽ đến. Nhưng perestroika không phải là từ trên trời rơi xuống, đáng lẽ không phải chờ đợi nó từ đâu đưa đến mà phải tự nhân dân ở các thành phố, làng mạc, công việc tập thể đem đến cho mình". Nói một cách khác, thật ra không phải là "tự do hóa" hệ thống mà là "dân chủ hóa" được xem như cần thiết để đẩy mạnh cuộc cải cách.

Làm như thế, chắc chắn là Gorbachov tự xem mình như là một người leninít chính cống, khi đưa đảng của ông ta trở lại những nền tảng học thuyết thật sự và giải phóng nó khỏi những truyền thống độc hại của thời Stalin. Nhưng hiển nhiên là Gorbachov đã bị đẩy tới cuộc vận dụng và truyền bá một cách tiếp cận có nhiều hoài bão, toàn diện và năng động về mặt xã hội do chỗ ngày càng nhận thức rằng không thể làm khác. Ông ta phải nhận thấy rằng tiếp tục dựa vào giáo lý truyền thống của Lenin, rằng chỉ thực hiện kiểm soát từ bên trên sẽ làm cho biến đổi xã hội không xứng đáng, sẽ đưa ông ta đến thất bại do những cơ cấu về quyền lực và đặc quyền thời Stalin vẫn còn sức hồi phục mạnh mẽ. Tất cả những cái đó đã dẫn ông ta đến chỗ đi theo cách tiếp cận mà trong cách nhìn chính thống của Liên Xô có thể dán nhãn cho ông ta là một người xét lại.

Điều đáng chú ý là những giọng điệu xét lại được thể hiện rõ nét hơn trong những lời phát biểu ngẫu hứng so với những bài diễn văn chính thức chắc chắn là được Bộ chính trị duyệt một cách tập thể. Điều đó gợi cho ta suy nghĩ về những dòng mạch tư tưởng riêng của Gorbachov về vấn đề đó. Dù sao những chủ đề mà Gorbachov nhấn mạnh một cách ngẫu hứng hay chính thức và một số ý nghĩ nào đó làm cho nhớ lại những điều đã được Dubcek nói đến trong những năm trước

không kể đến những điểm xét lại học thuyết một cách thận trọng hơn của Gomulka hoặc Tito.

Những lời phát biểu đó thể hiện sự thất vọng, còn xa mới khớp với chủ nghĩa lạc quan chính thức về thắng lợi "tất yếu" của chủ nghĩa xã hội.

Hơn một lần, Gorbachov đã phát biểu với những lời lẽ hết sức mạnh mẽ: Ông ta báo trước ban chấp hành trung ương ngày 18-2-1988: "các đồng chí, điều chủ yếu là dân chủ hóa... Trong giai đoạn mới của công cuộc xây dựng lại cơ cấu, đảng chỉ có thể bảo đảm vai trò lãnh đạo, tiên phong; và cảm hóa quần chúng bằng việc sử dụng các phương pháp dân chủ... Mọi không cường điệu, ngày nay tất cả đều xoay quanh vấn đề đó".

Cái nốt về sự cấp bách cũng trở thành một điệp khúc thường xuyên. Hết dịp này đến dịp khác, Gorbachov nhắc nhở những người nghe ông ta rằng thời gian đang trôi đi, rằng sự thay đổi phải diễn ra, và nó phải toàn diện.

Tháng 10-1987, nói chuyện với nhân dân trên đường phố Leningrát, Gorbachov kêu gọi: "từ hai năm nay, chúng tôi đã cùng với các đồng chí bàn bạc, nói chuyện, tranh luận và suy nghĩ về cách làm thế nào tìm ra câu trả lời đúng đắn cho những vấn đề mà bản thân cuộc sống đã đặt ra. Cần phải làm gì?"

Nay chúng ta cần phải hoàn thành con đường đó. Nay toàn thể xã hội phải chuyển sang các nguyên tắc sau này dân chủ trong sự điều hành nền kinh tế, và trong toàn bộ không khí đạo đức của đời sống xã hội chúng ta. Tất cả mọi cái đều phải thay đổi".

Đối với Ban chấp hành trung ương, ông ta than phiền rằng: "trong thực tế thường gặp phải một phản ứng tiêu cực đối với sáng kiến, một sự bác bỏ sáng kiến. Hơn nữa, trong nhiều trường hợp, không có sự cố gắng nào để hiểu điều gì đã được đề nghị và người ta đã tìm ra những cớ để làm cụt vôi tác giả của sáng kiến. Điều đó đã trở thành một hiện tượng phổ biến". Và với một thái độ khó chịu, ông ta cảnh cáo: "Chúng

ta không thể dung thứ lâu hơn nữa tình trạng này, làm khác đi, công cuộc xây dựng lại sẽ thất bại".

Cũng ở Leningrát, một thành phố với một vẻ huyền bí bônscóvich, Gorbachov kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân đối với giai đoạn thứ hai nhiều tham vọng hơn của perestroika, giai đoạn chính trị sẽ bao gồm cả một sự dân chủ hóa về mặt thể chế. Ông ta nói với thánh giá rằng "giai đoạn thứ hai là cần thiết, giai đoạn quyết định, do đó chúng ta không được sa lầy vào những lời nói và quyết định. Đó là điều đã xảy ra, đó là điều đã xảy ra trong quá khứ, các đồng chí ạ. Đó là một bài học, một bài học cay đắng từ quá khứ. Chúng ta đã bắt đầu một cách đúng đắn. Nhưng rồi tình hình chững lại. Nếu nay nó chững lại, những mất mát của đất nước sẽ rất to lớn. Chúng ta sẽ không cho phép xảy ra điều đó và chúng ta không muốn như thế, tôi tin như vậy. Đó là tâm trạng hiện nay của nhân dân. Chúng ta không đùa trong công cuộc xây dựng lại. Vận mệnh của đất nước và đời sống của nhân dân ở đảng sau công cuộc xây dựng lại ...". Nhưng hồi âm của những lời nói đó có phần pha trộn. Nhiệt tình của những người ủng hộ ông ta, nhất là trong các Viện nghiên cứu và trong giới trí thức ở Moskva đã bị bù đắp ngược lại bởi một sự lạnh nhạt nổi bật trong đám quan liêu và số chức sắc trong đảng.

Biểu hiện của sự hoài nghi phổ biến trong đám quan liêu gần buồng là hiện tượng Gorbachov phải trích dẫn và tấn công trực diện vào lý lẽ truyền thống của giới thượng lưu: "Chúng ta hãy hy vọng là dân chủ không dẫn tới hỗn loạn". Ông ta chống lại sự phê bình đó với luận điệu ám chỉ rằng những quan chức trong đảng bày tỏ sự lo sợ đó "vì cương quyết lo cho những quyền lợi ích kỷ của họ".

Một điều có ý nghĩa hơn nữa, như tờ *Pravda* ngày 19/2/1988 đã nêu lên là trong cuộc tranh luận về những điều chỉ trích của ông ta, Gorbachov đã phải thừa nhận rằng cương lĩnh của ông ta đã xúi giục tấn công vào cái tử tội, đó không có gì khác là chủ nghĩa xét lại được chính bản thân Tổng bí thư đang truyền bá!

Lời bác bỏ của ông ta cho thấy đó không phải là một sự kết tội thứ yếu: "Chúng ta có thể thấy rằng một số người đã nhầm lẫn, họ ngạc nhiên không biết có phải chúng ta đã trượt khỏi những lập trường xã hội chủ nghĩa, ... và không biết có phải chúng ta *xét lại* chủ nghĩa Mác - Lênin. Không có gì đáng ngạc nhiên là "những người bảo vệ" chủ nghĩa Mác - Lênin đã xuất hiện, những người khóc thương chủ nghĩa xã hội, họ tin rằng cả chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội đều *dang lâm nguy*" (do tác giả nhấn mạnh).

Nỗi lo sợ dân chủ theo bản năng trong đám quan liêu của đảng tăng lên bởi những sự nghi kỵ lan tràn là Gorbachov trong những chiến dịch để giành sự ủng hộ của quần chúng đối với việc mở rộng perestroika, đã hữu ý hay vô tình khuyến khích những tình cảm chống quan liêu trong quần chúng. Trong một chừng mực nào đó, lời buộc tội đó là đúng. Để vượt qua sự chống đối cải cách, nhà lãnh đạo Xô viết không có sự lựa chọn nào khác là biện luận rằng sự trì trệ về mặt thể chế và thái độ miễn cưỡng đối với cuộc thí nghiệm đã cản trở quá trình của công cuộc xây dựng lại.

Hơn nữa, để truyền bá những giá trị của dân chủ hóa một cách chân thật, Gorbachov đã phải gọi lên những khẩu hiệu dân túy, nhấn mạnh sự cần thiết nhân dân phải đảm nhận trách nhiệm đối với phúc lợi xã hội của chính mình, phải trở thành những người tham gia tích cực hơn trong đời sống xã hội và chính trị của đất nước. Tất cả những cái đó tất yếu làm nổi lên nỗi lo sợ ám ảnh là đồng chí Tổng bí thư kích động quần chúng chống lại chính những cán bộ đảng của ông ta!

Gorbachov cũng tỏ ra nhạy cảm với những lo sợ đó, do đó mà cũng xác nhận về sự tồn tại của chúng. Hơn một lần, ông ta đã cố gắng làm yên lòng, gạt bỏ cái bóng ma kinh khủng của một cái gì đó giống như một phiên bản Xô viết của cách mạng văn hóa Trung Quốc đã giết chết các cán bộ đảng với sự thủ mưu của chính cấp lãnh đạo chớp bu. Ví như, ngày 13-10-1987, ông ta nói: "quá trình xây dựng lại cơ cấu và phát triển chủ

nghĩa xã hội đòi hỏi có những cán bộ tài năng, đạo đức cao, hoàn toàn nắm vững được tinh thần cách mạng của đổi mới xã hội và gần gũi nhân dân... Khi tôi đặt vấn đề như thế, tôi hoàn toàn không muốn nó được hiểu như là một lời kêu gọi bán vào các viên chức, như trường hợp đã xảy ra một lần trong những năm của *cuộc cách mạng văn hóa Trung Quốc*. Không, không phải, các đồng chí ạ".

Một lần khác, khi nói về sự cần thiết phải thay các quan chức thờ ơ, Gorbachov vội vàng nói thêm: "Một cách tiếp cận vấn đề như thế hoàn toàn không có nghĩa là thiếu tôn trọng đối với cán bộ, bởi vì cán bộ của chúng ta, giới trí thức của chúng ta là những người có tài năng và cần được nuông chiều".

Mặc dầu có những lời nói làm yên tâm đó, điều đáng chú ý là Gorbachov thường gắn việc ca tụng các cán bộ đảng với những lời nhắc nhở rằng họ sẽ bị đào thải nếu không chịu thay đổi theo tinh thần của thời đại mới. Trong hầu hết mọi cơ hội, sự ca tụng của ông ta về vai trò đặc biệt và gần như duy nhất của "những cán bộ leninít" đều gắn với những lời cảnh cáo rằng sự thụ động và thiếu đổi mới sẽ không được tha thứ. Tại một cuộc gặp gỡ nhân dân trên đường phố, ông ta đã đưa ra nhận xét: "ở đất nước chúng ta có một số người hoặc phải thay đổi thái độ đối với những vấn đề quan trọng và đối với nhân dân, hoặc là đứng sang một bên nhường chỗ cho những người khác".

Trong khi Gorbachov tìm cách tự giấu mình dưới cái áo khoác của chủ nghĩa Lenin, ông ta quả thực đã bị đặt vào một vị trí gắn liền với việc gây lo lắng cho những người chính thống. Những lời kêu gọi của ông ta cho một cuộc tranh luận công khai khó có thể làm yên tâm đám quan liêu trong đảng, đã ngấm sâu quan điểm của Lenin xem đảng là người bảo vệ duy nhất - chân lý của học thuyết. Những mệnh lệnh kỷ cương của ông ta đúng là gây lộn xộn, tuy rằng về mặt học thuyết ít thể hiện rõ ràng là xét lại. Quyển sách của ông ta, Perestroika, có thể là do những người cùng tư tưởng với ông ta chuẩn bị, nhưng cũng rõ ràng là có phần tham gia nghiêm chỉnh của Gorbachov, đã đưa ra không có gì

khác hơn là sự lên án thực tế Xô viết hiện tại và đã qua. Mặc dù Gorbachov đã thận trọng nhắc lại những tiêu chuẩn giáo lý của Lê nin, trường hợp của ông ta thường làm nhớ lại những luận điểm được đưa ra trước đây bởi một số nhà lãnh đạo và lý luận của nhiều nhà lãnh đạo cộng sản Đông Âu và sau đó đã bị Kremlin kết tội là xét lại.

Những người lãnh đạo Xô viết chính thống hơn đã đặc biệt bối rối bởi một sự gặp gỡ nào đó giữa quyển sách của Gorbachov và "*Cương lĩnh hành động*" năm 1968 của Dubcek ở Tiệp Khắc. Chắc chắn là nhà lãnh đạo Xô viết đã bảo vệ những luận điểm tư tưởng của ông ta bằng cách nhấn mạnh rằng ý định của ông ta là trở lại những nguyên tắc đích thực của chủ nghĩa Lênin và không phải ông ta chuẩn bị mở đường bằng bất cứ cách nào cho việc làm giảm sút vai trò lãnh đạo của đảng hoặc nguyên tắc gắn với vai trò đó là dân chủ tập trung.

Những sự khác nhau giữa các cương lĩnh của Gorbachov và Dubcek đặc biệt nổi bật khi xác định dân chủ nghĩa là gì trong thực tế: Dubcek thì sẵn sàng chấp nhận hòm phiếu còn Gorbachov thì chủ yếu chỉ đóng khung ở việc chấp nhận một hòm đề nghị.

Dân chủ hóa của Dubcek bao gồm cả việc xóa bỏ độc quyền của cộng sản về quyền lực chính trị, trong khi Gorbachov kêu gọi đảng phải có trách nhiệm hơn đối với nguyện vọng của nhân dân. Tuy nhiên, cả hai vẫn kiên đều tố cáo một cách cơ bản những cách thực hành kiểu Stalin, và những ưu tiên về kinh tế bao gồm cả việc nhấn mạnh quá đáng đến phát triển theo chiều rộng - Cả hai đều chỉ trích sự trì trệ về xã hội và suy đồi về đạo đức. Cả hai cũng kêu gọi đổi mới xã hội thông qua dân chủ hóa rộng lớn hơn và tranh luận công khai hơn.

Không nói điều đó một cách trực tiếp, cũng như những người xét lại Đông Âu trước đây, trên thực tế, Gorbachov đã thách thức khái niệm đích thực về tính không thể sai lầm trong học thuyết của Đảng. Khái niệm những chính sách đúng đắn phải bắt nguồn từ cả tranh luận và thực tiễn, và tranh luận phải mở rộng ra chứ không chỉ riêng cho đảng

viên, khái niệm đó trực tiếp đụng chạm đến luận điểm là học thuyết, như đã được định nghĩa ở trên, là người hướng dẫn chủ yếu cho hành động. Khái niệm demokratizatsia, dù cho nó còn kém xa khái niệm lựa chọn chính trị đích thực của dân chủ phương Tây, cũng đe dọa một cách tương tự lâu dài quyền lực mácxít - leninít. Cần nhắc lại rằng, trong bất cứ trường hợp nào, Gorbachov đều không tán thành hoặc ngay cả ám chỉ chấp nhận dân chủ kiểu phương Tây.

Nhưng cái khoảng cách giữa thực tế Xô viết với nền dân chủ như thế đã trở thành rộng lớn đến mức ngay cả những bước đi rụt rè theo hướng của nền dân chủ này - còn rụt rè hơn cả những bước đi của những người xét lại Đông Âu chủ trương - đã trở thành biểu tượng cho một sự đi chệch đường to lớn khỏi những thực tiễn Xô viết đã được xác lập.

Sự chuyển dần của Gorbachov sang chủ nghĩa xét lại cũng dính líu đến một số vấn đề cơ bản khác nhau của học thuyết Xô viết đã được xác lập. Vì lợi ích của hiệu quả và năng suất, ông ta muốn tấn công vào khái niệm thiêng liêng của chủ nghĩa bình quân. Như ông ta đã nói tháng 2-1988: "về cơ bản, mức lương đã có tác động xấu không những đối với nền kinh tế mà cả đối với đạo đức của nhân dân và toàn bộ tư tưởng và hành động của họ - Nó làm giảm uy tín của lao động cố lương tâm và sáng tạo, làm suy yếu kỷ luật, phá hủy lợi ích trong việc cải tiến kỹ năng, và gây thiệt hại cho tinh thần thi đua trong công việc - Chúng ta phải nói thẳng thắn rằng san bằng mức lương là sự phản ánh những quan điểm tiêu tư sản rất xa lạ với chủ nghĩa Mác - Lênin hay chủ nghĩa xã hội khoa học".

Trên thực tế, Gorbachov đã nói rằng từ nay về sau những sự khác biệt về lương phải được đặt trên cơ sở năng suất, đó là sự biểu hiện thật sự của bình đẳng, một nguyên tắc mà nhiều nhà công nghiệp Mỹ của thời kỳ tiền công đoàn đã nồng nhiệt thi hành.

Điều cuối cùng nhưng không kém quan trọng việc ông ta gắn liền trực tiếp những cải cách kinh tế về thể chế từ bên trên với dân chủ hóa

chính trị nhằm tạo ra những sức ép xã hội từ bên dưới đã đặt ra nguy cơ không thể tránh được về sự giảm sút độc quyền lãnh đạo của đảng trong việc quản lý sự thay đổi của xã hội. Sự cố gắng tạo nên tư duy chính trị mới ở Liên Xô trong đó nhân dân giúp đảng cai trị hữu hiệu hơn tối thiểu nhất đã mở cửa cho những cuộc tranh luận công khai, như đã được đưa lên vô tuyến truyền hình tường thuật Hội nghị Đảng đặc biệt tháng 6-1988, những cuộc thảo luận trái với những tiêu chuẩn của đời sống xã hội cộng đồng Xô viết, đã dẫn đến ngay cả một số biểu hiện nào đó của sự bất đồng chính trị công khai và có thể cả rối loạn xã hội không được dự kiến. Và tất cả những cái đó, để sử dụng thuật ngữ mácxít, là chủ nghĩa xét lại "khách quan".

Những quan điểm của một đồng chí Tổng bí thư xét lại ở điện Kremlin là hết sức trọng yếu. Nó chằng những gán chặt với cuộc tranh luận rộng rãi trong hầu hết mọi lĩnh vực của đời sống xã hội Xô viết mà còn gán chặt với việc làm sống lại và mở rộng chủ nghĩa xét lại ở Đông Âu, trong khi đó thì lại tước mất của điện Kremlin vai trò chỉ đạo tư tưởng để rút phép thông công của những người dị giáo.

Nó đặt ra nguy cơ đặc biệt nghiêm trọng làm tan biến hạt nhân chung của những giáo lý Mác - Lênin trong thế giới cộng sản. Nói tóm lại, ngay chỉ một chủ nghĩa xét lại khiêm nhường cũng đẩy nhanh sự tan rã về chính trị và sự lu mờ về học thuyết của chủ nghĩa cộng sản được xem như là một hiện tượng lịch sử đặc biệt.

Chương 6

MƯỜI ĐIỂM NẮNG ĐÔNG CỦA SỰ MẤT ĐOÀN KẾT

Không chắc là Gorbachov đã bao giờ đọc "Những bức thư từ nước Nga" đặc biệt nhạy cảm của hầu tước De Custine miêu tả chuyến đi thăm đất nước đó năm 1839, trước đây một thế kỷ rưỡi. Nếu ông ta có đọc thì ông ta phải suy nghĩ nhiều về sự sắc sảo của người Pháp này khi De Custine nhận xét: "Khi dân tộc Nga bị bịt miệng này cuối cùng khôi phục được quyền tự do phát biểu ý kiến, người ta sẽ nghe được nhiều tranh cãi tới mức thế giới sùng sốt sẽ nghĩ rằng thời cái tháp Baben đang quay trở lại".

Thật vậy, Liên Xô vào cuối những năm 80 bắt đầu vang lên như cái tháp huyền thoại. Về hầu hết các vấn đề lớn, và ở nhiều nơi trong nước, những cuộc tranh luận qui mô rộng lớn và mang cả tiềm năng bùng nổ đang tiến triển. Một số cuộc tranh luận diễn ra trên những phương tiện thông tin đại chúng do chính quyền kiểm soát; một số nổi lên bề mặt từ những cơ quan gần như bí mật có tư tưởng bất đồng mới xuất hiện và gần như còn rất hạn chế; và một số đã xuất hiện đúng là trên đường phố, thông qua những cuộc gặp gỡ công chúng sinh động hoặc thậm chí những cuộc biểu tình phản đối gay gắt.

Phạm vi và thực chất của những cuộc tranh luận trong nội bộ Liên Xô mở ra nhằm tìm kiếm *Perestroika* và bao gồm 10 vấn đề lớn và cài vào nhau. Xét một cách tổng thể những vấn đề đó đã làm rạn nứt sự thống nhất bề ngoài đã được xác lập từ lâu ở Liên Xô. Trong cuộc

tranh luận, mỗi vấn đề lớn có khuynh hướng gợi lên các vấn đề khác, do đó càng mở rộng phạm vi và tăng cường sự mãnh liệt của cuộc tranh luận trong những nhóm cố ý thức chính trị và xã hội trong xã hội Xô viết. Mười lĩnh vực trung tâm của cuộc tranh luận trong công chúng bao gồm các vấn đề sau đây: (1). cải cách kinh tế; (2). Những ưu tiên về xã hội; (3). Dân chủ hóa chính trị; (4). Vai trò của đảng; (5). Hệ tư tưởng, tôn giáo và văn hóa; (6). Lịch sử (hoặc chủ nghĩa Stalin); (7). Những vấn đề dân tộc trong nước; (8). Những lo âu trong nước về cuộc chiến tranh ở Afghanistan; (9). Chính sách đối ngoại và quốc phòng; (10). Khối Xô viết và phong trào cộng sản thế giới.

(1). *Cải cách kinh tế*: Mặc dầu những hoạt động mạnh mẽ nhất của *perestroika* được thực hiện trong lĩnh vực kinh tế, những cố gắng đó hiện nay càng tăng thêm cuộc tranh luận về tương lai của nền kinh tế trên toàn bộ đất nước. Trong quá trình đó, những vấn đề mới và những vết thương cũ đã được phơi bày ra trong một cuộc tranh luận ngày càng lan rộng.

Tháng Giêng 1988, khoảng 60 phần trăm các xí nghiệp công nghiệp Liên Xô đã được phép thay đổi theo hệ thống mới đề cao trách nhiệm cho phép họ được tự đề ra kế hoạch sản xuất, tự tìm khách hàng và trong một chừng mực nhất định, được tự đặt ra giá cả và giữ lại một phần lợi nhuận. Những hợp tác xã quy mô nhỏ bây giờ cũng được phép hoạt động, đặc biệt là trong khu vực dịch vụ. Vào giữa năm 1988, người ta nói đã có tới 13.000 hợp tác xã như thế sử dụng 300.000 người. Nông dân tập thể cũng được phép thuê đất để canh tác cá thể nhằm tăng thêm việc cung cấp những sản phẩm của nông nghiệp cho các thành phố. Gorbachov cũng còn có những kế hoạch có tham vọng hơn về những cải cách cơ cấu xa hơn nữa, về sự xóa bỏ nạn quan liêu rườm rà và những công việc vô tích sự. Số lượng những công việc này theo sự ước lượng của Abel Aganbegyan, nhà kinh tế học được Gorbachov sủng ái, lên tới 16 triệu.

Do quy mô nền kinh tế tập trung của Liên Xô, những bước đã được thực hiện giới lắm cũng chỉ mới là một sự bắt đầu khiêm tốn.

Những cải cách của ông Gorbachov ít nhất là trong thời gian hiện nay đã không đụng chạm gì về cơ bản đến hệ thống nông nghiệp được tập thể hóa là khu vực đen tối nhất trong nền kinh tế Liên Xô. Điều đó, tự bản thân nó có khuynh hướng kéo dài những viễn cảnh nặng nề của nền kinh tế đất nước. Hơn thế nữa, hiện nay những cải cách bước đầu đã gây nên những sự trục trặc như báo *Pravda* đã nêu lên trong số ra ngày 29 tháng Mười 1987, mà những điều chứng minh là sự hốt hoảng lao vào đi mua hàng, sợ rằng giá sẽ lên cao và đổ tội cho những "người thiếu thiện chí về tư tưởng" đã đưa ra những cải cách gây nên lo sợ trong quần chúng. Bóng ma của tình trạng thất nghiệp cũng làm tăng thêm cảm tưởng bất an, trong khi đó thì sự phi tập trung hóa đột ngột bộ máy ngoại thương Xô viết đã gây nên hỗn loạn và nhiều nhà kinh tế đối ngoại than phiền về sự lộn xộn trong việc đưa ra các quyết định. Sau một sự cố gắng ngăn ngừa tăng trưởng nền kinh tế, theo những lời kêu gọi cải cách đầu tiên của Gorbachov, nền kinh tế lại đi xuống và năng suất lao động cũng tụt xuống trong các năm 1987 và 1988.

Theo những lời nói thành thực của một nhà kinh tế Xô viết, L.I. Albakin, Viện trưởng Viện kinh tế thuộc Viện hàn lâm khoa học Liên Xô, tại Hội nghị đặc biệt của Đảng ngày 30 tháng Sáu 1988, "Điều quan trọng cần làm cho thật rõ là chưa có sự chuyển biến cơ bản của nền kinh tế và nó chưa thoát khỏi tình trạng trì trệ. Trong hai năm qua, thu nhập quốc dân đã tăng với một tỷ lệ còn thấp hơn cả trong những năm trì trệ (của thời Brezhnev).

Sự lo lắng hiển nhiên của quần chúng về kết quả không chắc chắn của cải cách đã diễn ra song song với cuộc tranh luận rộng rãi về hướng đi và phạm vi của nó. Việc nghiên cứu và những nhà kinh tế học kinh viện ủng hộ Gorbachov lập luận rằng những bước đi đầu tiên cần phải được tiếp theo bởi một sự phá bỏ toàn diện hơn bộ máy kế hoạch hóa tập trung mà theo họ nhiệm vụ đó quá nặng nề vì phải định ra những chỉ tiêu hàng năm cho hơn 24 triệu mặt hàng. Họ lập

luận rằng kế hoạch hóa tập trung cần phải được thay thế bằng một cơ chế thị trường sửa đổi, điều đó đòi hỏi một sự tự nguyện chấp nhận thực tế của một tình trạng nhất định thiếu việc làm và đương đầu trực tiếp với sự thất bại to lớn của tập thể hóa nông nghiệp do hệ tư tưởng gây nên. Như Nikolai Shmelyov, một cố vấn kinh tế khác của Gorbachov đã viết trên tờ *Novy Mir* (Thế giới mới) tháng Sáu năm 1987: "Có một lúc, chúng ta hô khẩu hiệu "thủ tiêu bọn kulác", nhưng cuối cùng, chúng ta chủ yếu loại bỏ giai cấp nông dân... Chúng ta phải gọi sự vật bằng chính cái tên của nó: sự ngu xuẩn là sự ngu xuẩn, sự bất tài là sự bất tài, chủ nghĩa Stalin trong hành động là chủ nghĩa Stalin trong hành động... Có thể chúng ta sẽ mất đi sự tinh khiết của hệ tư tưởng, nhưng hiện nay nó chỉ tồn tại trong những bài xã luận rất hay trên báo chí. Có nhiều sự ăn cắp và hối lộ hơn bao giờ hết dưới sự tinh khiết đó".

Vì thế, không ngạc nhiên khi những người quản lý quan liêu đương chức không chia xẻ nhiệt tình đối với cải cách. Một số đã cảnh cáo công khai trên báo *Pravda* ngày 16 tháng Mười Một 1987 là những sự thay đổi đó xem ra sẽ gây nên "mọi sự tùy tiện, vô chính phủ và hỗn loạn" và bác bỏ "trò chơi dân chủ" như thế. Không quen với trách nhiệm cá nhân, họ ưa chuộng sự yên ổn của một hệ thống tập trung cao với những phần thưởng được biết trước dành cho những thành tựu chắc chắn nhưng tầm thường. Bộ máy quan liêu đồ sộ của Liên Xô cũng chần chẫn là bực bội về những lời khẳng định của những người ủng hộ Gorbachov rằng bộ máy đó đã phình lên quá mức và phải thu hẹp nó lại một cách kiên quyết. Như báo *Izvestia* (Tin tức) trong số ra ngày 2 tháng Mười Một 1987: đã nhận xét một cách đe dọa "Bộ máy quản lý của chúng ta thật sự là to lớn: khoảng 18 triệu người! Họ chiếm tới 15 phần trăm lực lượng lao động trong cả nước. Như vậy là cứ 6 hoặc 7 người dân thì có một người quản lý".

Tại Hội nghị đặc biệt của Đảng tháng Sáu 1988, Gorbachov nhận xét về đám quan liêu chống đối những cải cách kinh tế của ông ta: "Chúng

ta đã rơi vào những mưu toan không cần che giấu nhằm làm hỏng bản chất của cải tổ bằng cách dùng những hình thức quản lý mới để chứa đựng nội dung cũ. Nhiều khi, các bộ và các ban xa rời lời văn và tinh thần đạo luật về các xí nghiệp với kết quả là nó đã không được thực hiện đầy đủ, như nhiều nhà kinh tế đã thừa nhận". Ông ta cũng nhận xét rằng thông qua những mệnh lệnh của Nhà nước, các xí nghiệp bị ép buộc phải sản xuất những hàng không cần đến "với lý do đơn giản là họ cần đạt được" những chỉ tiêu tổng thu nhập" nổi bật" - một sự biến dạng của cải tổ mà Gorbachov lên án như là một "ngõ cụt".

Như vậy là trong chương trình cho tương lai, còn tồn tại những vấn đề khó khăn như: có thực hiện không, - và nếu đúng như vậy, - thì làm thế nào - để phá bỏ những nông trường của tập thể và của nhà nước, làm thế nào để đương đầu với vấn đề có thể gây đổ vỡ là thất nghiệp về mặt cơ cấu, và làm thế nào để khắc phục sự chống đối về mặt thể chế của đám quan liêu trước bất cứ sự tiến xa hơn nào của việc phi tập trung hóa. Mỗi vấn đề này đều thật sự đặt ra khó khăn kinh tế nan giải đầy đau đớn. Tính nghiêm trọng của các vấn đề đó bao hàm cả sự nhạy cảm về mặt hệ tư tưởng. Trên cái nền đó còn ẩn náu vấn đề thực tế khó khăn hơn là làm sao để thay thế hệ thống hiện tại về giá cả giả tạo và độc đoán được xây dựng trên cơ sở những phương pháp thống kê về căn bản không đáng tin cậy bằng một cơ chế thị trường tự điều chỉnh. Những vấn đề này, tự bản thân là hết sức phức tạp cũng gây chia rẽ về chính trị và tư tưởng. Trước mắt không có cách giải quyết nào nhanh chóng.

(2). *Những ưu tiên về xã hội.* Cuộc tranh luận về tương lai nền kinh tế mặc nhiên dẫn đến sự đụng chạm tới các vấn đề ưu tiên xã hội. Trong nhiều năm, khu vực công nghiệp nặng là đứa con cưng của hệ thống Xô viết. Chỉ số cơ bản của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự tăng trưởng của sản xuất công nghiệp nặng. Sự đầu tư không qua việc tước đi mặt phúc lợi xã hội được biện minh rằng đây là một sự hy sinh cần thiết để đạt tới chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn. Sự bao vây của chủ nghĩa tư bản đối với Liên Xô cũng được nêu lên để chứng minh cho

sự sử dụng đồ sộ tài nguyên quốc gia, ít nhất là 20 phần trăm giá trị tổng sản phẩm quốc gia suốt thời kỳ sau chiến tranh, vào việc xây dựng lực lượng vũ trang và mở rộng quyền lực Xô viết ra ngoài biên giới.

Cuộc tranh luận về kinh tế dĩ nhiên gợi lên vấn đề liệu các ưu tiên của Liên Xô có sẽ thay đổi không? Hơn nữa, vào giữa những năm 1980, có quá nhiều thành viên ở xã hội Xô viết hiểu biết đúng đắn điều kiện sinh sống ở phương Tây khiến cho đảng cầm quyền không thể tiếp tục rêu rao là đời sống ở Liên Xô căn bản tốt hơn ở bất cứ nơi nào khác. Cần phải nhấn mạnh hơn đến việc cải thiện cấp bách mức sống của Liên Xô và do đó, đến vấn đề tiêu thụ hơn là nhấn mạnh đến vấn đề đầu tư vào công nghiệp nặng hoặc ngay cả vào cải tiến kỹ thuật. Ngay cả những quan chức cao cấp cũng công khai thừa nhận trên tờ *Trud* (Lao động) ngày 13 tháng Ba 1988 rằng "nhu cầu về hàng tiêu dùng ngày càng tăng lên nhanh chóng, và ngày nay chúng ta không có khả năng đáp ứng hoàn toàn", vấn đề trở nên gay gắt là do "khoảng 15 phần trăm số hàng tiêu dùng không bán được vì chất lượng tồi".

Giới lãnh đạo Xô viết bị kẹt trong vấn đề này. Những đòi hỏi của nhân dân không thể bị phớt lờ mãi được. Tuy nhiên, những người lãnh đạo Xô viết sợ rằng việc thay đổi ưu tiên đầu tư nhằm thỏa mãn những nhu cầu tiêu dùng đặt ra mối nguy là Liên Xô có thể rơi vào chỗ đứng sau Mỹ, Tây Âu và Nhật về sự tăng trưởng toàn diện kinh tế, với những hậu quả nghiêm trọng về mặt quốc tế và tư tưởng đối với Kremlin. Giải pháp mà Moskva ưa thích là có được tín dụng của phương Tây để tài trợ cho việc mua công nghệ học của phương Tây và để cải thiện trong tiêu thụ, trong khi đó thì tập trung các nguồn tài nguyên trong nước vào những ưu tiên có tính chất truyền thống phần nào đang xuống dốc. Tuy nhiên, để có được những tín dụng đó, không những cần phải có những sự thỏa hiệp trong chính sách đối ngoại mà cả những sự điều chỉnh và những cách điều chỉnh kinh tế trong nước đối với những đầu tư của nước ngoài, đối với quyền sở hữu của nước ngoài và quyền của tư bản nước ngoài được chuyển lợi nhuận về nước. Nhưng

vấn đề đó lập tức làm nảy sinh những lo ngại có tính chất học thuyết, đặc biệt là vì trong quá khứ, bất cứ những bước đi nào theo hướng đó của các nước Đông Âu đều bị Moskva lên án là chủ nghĩa xét lại dẫn đến "sự khôi phục chủ nghĩa tư bản".

Thêm hai nhân tố nữa hòa lẫn vào tình trạng khó xử của học thuyết. Nhân tố thứ nhất là những yêu cầu nổi lên ở Liên Xô đòi hỏi một sự phân phối các dịch vụ thật sự công bằng hơn và loại bỏ những đặc quyền đã được đặt ra. Những điều đó dẫn đến những va chạm được công khai hóa ở mức độ cao trong đảng bộ Moskva về hệ thống hiện hành các đặc quyền của giới có chức quyền cao trong đảng, từ các cửa hàng riêng đến những nơi nghỉ mát đặc biệt, thực phẩm không phải trả tiền, trường học riêng biệt, xe ôtô có người lái, các biệt thự riêng và các bệnh viện đặc biệt. Sự đột ngột rời khỏi chức vụ chính trị bí thư thứ nhất thành ủy Moskva của Boris Yeltsin vào cuối 1987, một thời được Gorbachov che chở, là sản phẩm ở một mức độ rộng lớn của sự thịnh nộ của *bộ máy công chức* đảng chống lại việc ông ta dám công khai nêu ra khả năng chấm dứt những đặc quyền đó nhân danh chủ nghĩa công bằng xã hội.

Nhân tố thứ hai là sự thừa nhận rộng rãi nhu cầu cấp bách về việc phải có sáng kiến và năng suất cao hơn. Mặc dù mới có một quy mô khiêm tốn đưa sáng kiến tư nhân vào khu vực dịch vụ, đã nổi lên những lời buộc tội ghen ghét về sự làm giàu quá đáng. Như một người đã than phiền chua chát trên báo *Pravda* ngày 7 tháng Ba 1988: "Không ai có thể tưởng tượng được rằng "những nhà triệu phú" Xô viết lại có thể xuất hiện trong xã hội chúng ta đang xây dựng chủ nghĩa cộng sản ... một số cá nhân đã xoay sở để tích lũy được những của cải đồ sộ, họ sống trong sự xa hoa". Thật vậy, lĩnh vực duy nhất trong đó sự nhồi nhét lâu dài về hệ tư tưởng trong quần chúng hình như có đạt được một thành tựu nào đó là sự truyền bá chủ nghĩa bình quân với kết quả là điều đó hiện nay làm cản trở những cố gắng thường công cho sáng kiến cá nhân rất cần thiết cho sự thành công của *perestroika*.

Những cuộc tranh luận nổi lên về chính sách kinh tế và những ưu tiên xã hội có thể không chỉ thu hẹp trong phạm vi kinh tế và xã hội. Cuối cùng, những cuộc tranh luận đó nêu lên những vấn đề chính trị căn bản liên quan đến vai trò đích thực của nhà nước đối với các vấn đề kinh tế và xã hội. Như thế là nó liên quan trực tiếp đến vấn đề tranh luận nảy sinh rất nhanh ở Liên Xô về những hình thức đáng ao ước của bản thân cơ cấu tổ chức chính trị.

(3). *Dân chủ hóa chính trị.* Một hệ thống kinh tế tự điều chỉnh tốt hơn và bớt tập trung hơn, nhấn mạnh hơn đến sự thỏa mãn những nguyện vọng về vật chất của xã hội, và một xã hội thấm nhuần những giá trị đối mới xác đáng, cả hai đều không thực hiện được trong hệ thống chính trị stalinist kéo dài khắp nơi. Hệ thống đó được tạo ra trong quá trình xác định một tổ chức xã hội hoàn toàn theo kiểu trại lính đã không phù hợp với những sự thay đổi này và với những ước vọng đang tăng lên đối với những sự cải tổ muốn đi xa hơn trong các lĩnh vực kinh tế và xã hội. Đó là nguyên nhân vì sao Hội nghị đặc biệt của đảng giữa năm 1988 đã phải thừa nhận nhu cầu cấp bách cải cách chính trị.

Do đó, ở vào điểm trung tâm của cuộc tranh luận về chính trị là những vấn đề: thật sự ông Gorbachov muốn nói gì khi ông gọi ra từ "*demokratizatsia*" và đến mức độ nào quá trình "dân chủ hóa" có thể cho phép sự tự phát thật sự về chính trị từ bên dưới. Thật thế, dân chủ hóa có thể xác thực được không nếu nó chỉ hạn chế trong những sáng kiến được ban ơn từ trên, mặc dầu nó có thể là rộng mở về chính trị đến đâu đi nữa? Như vậy là, hai vấn đề trung tâm nổi lên từ cuộc đối thoại chính trị là gắn liền với những hình thức và phạm vi của cuộc cải cách thể chế do giới lãnh đạo chính trị hiện tại khởi xướng và với mức độ mà sự đổi mới trong đời sống chính trị tự quản ngày nay sẽ chấp nhận cho dù với những biểu hiện khiêm nhường (điều mà Stalin đã làm cho tắt ngấm).

Những tư tưởng về một nền dân chủ thực sự hơn thấm vào xã hội Xô viết đã được phản ánh qua một số thư của bạn đọc trên báo chí Xô

viết. Ví như, tờ *Izvestia* (Tin tức) ngày 14 tháng Năm 1988, than phiền về công việc của Xô viết tối cao, quốc hội trên danh nghĩa của Liên Xô, và "hiện tượng hầu như nhất trí trong khi bỏ phiếu, một điều không được biết đến ở các nước khác", và về thực tế là "các cơ quan lập pháp của chúng ta đã trở thành những cơ quan chuẩn y các đạo luật, chuẩn y một cách đơn giản mọi điều mà họ được chỉ thị làm như thế". Những bạn đọc khác phê phán tính chất máy móc và không đại diện của những cuộc thảo luận do tổ chức đảng lãnh đạo.

Những vấn đề đó gây nên những tình trạng khó xử làm đau đầu giới quan chức cao cấp cầm quyền từ lâu đã quen với việc thiết lập sự kiểm soát hoàn toàn đời sống chính trị của đất nước. Ngay cả một sự dân chủ hóa hạn chế từ bên trên cũng có nghĩa là những sự nhượng bộ đáng ghét đối với một giới thượng lưu cầm quyền đã vùi đầu vào những khái niệm Mác-Lênin tự mãn rằng chỉ có nó mới là nơi chứa đựng sự thật lịch sử và do đó là nguồn gốc duy nhất của sự khôn ngoan về chính trị. Tuy nhiên, những hậu quả thực tiễn của *glasnost* là làm giảm sự kiểm duyệt chính trị đối với các phương tiện thông tin đại chúng và văn học, từ đó mở cửa cho chủ nghĩa đa nguyên tư tưởng. Sự nhấn mạnh về pháp chế tự động thu hẹp quyền lực độc đoán của KGB (cơ quan an ninh quốc gia) và làm giảm khả năng đe dọa về chính trị của nó. Nói đến quyền lớn hơn của nhân dân trong quá trình bổ nhiệm vào các chức vụ ở chính quyền địa phương, bao gồm cả khả năng cho phép tranh cử thật sự, tự nó đã làm giảm sự kiểm soát chính trị của các đảng bộ địa phương hoặc khu vực.

Do đó, không có gì đáng ngạc nhiên khi những người mà quyền lợi được ban phát gắn với nguyên trạng chính trị thấy những đề nghị đó là đáng ghét. Ngày 16 tháng Mười Một 1987, báo Pravda, cơ quan chính thức của đảng bày tỏ quan điểm của nhiều quan chức trong đảng khi nó tỏ thái độ nổi giận đối với những người tìm cách "ngăn cản các cơ quan của đảng tham gia việc lựa chọn những người lãnh đạo", tố cáo những người đề xướng không rõ tên như vậy là những người sùng

bán dân chủ như "một sức mạnh thiên đường mù quáng". Từ báo nhắc nhở một cách mạnh mẽ các bạn đọc rằng đảng vẫn là "một đảng cầm quyền" và với tư cách đó vẫn sẽ tiếp tục thực hiện sự kiểm soát trực tiếp quá trình lựa chọn những người có thể tham gia vào chính quyền địa phương hoặc toàn quốc.

Người cầm đầu KGB lúc đó là Viktor M. Chebrikov, một ủy viên Bộ chính trị, và do đó, hẳn có tham dự vào các cuộc bàn luận ở cấp cao nhất về phạm vi cho phép của dân chủ hóa, chắc chắn là bực mình trước những bản kê khai không ngừng tăng lên trong báo chí về tình trạng hành động không hợp pháp và thổi nát trong bộ máy an ninh, tất cả những cái đó không nghi ngờ gì, là do *glasnost* tạo ra. Theo tờ *Komsomolskaia Pravda* (Sự thật thanh niên) ngày 24 tháng Bảy 1988, giữa 1985 và 1987, không dưới 40.000 quan chức an ninh đã bị cách chức do đã có những hành động phạm pháp khác nhau bao gồm cả việc bịa đặt ra các vụ tố tụng và thông đồng tham nhũng. Đài phát thanh Moskva ngày 20 tháng Một 1988 đưa ra một ví dụ: một quan chức biến chất ở một nước cộng hòa đã được giúp đỡ để duy trì "nhà tù bí mật của ông ta, nơi nhốt những người chống đối".

Những bản kê khai đó kết hợp với những lời kêu gọi của báo chí hợp pháp Xô viết về quyền tối cao của pháp luật đối với những hành động độc đoán của công an có khuynh hướng làm mất tín nhiệm và giảm bớt quyền uy của công an, với những hậu quả rõ ràng có ý nghĩa về mặt chính trị. Ngày 11 tháng Chín 1987, nhân dịp kỷ niệm Felix Dzerzhinsky người sáng lập công an bí mật Liên Xô và là người đầu tiên thiết lập sự khủng bố Xô viết, Chebrikov đã tuyên bố công khai đòi hỏi rằng không nên thu hẹp việc tuân thủ nghiêm ngặt hơn pháp chế xã hội chủ nghĩa vào một sự giải thích "làm hẹp lại và nghèo nàn bản chất sâu sắc của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa" mà trên thực tế, ông ta xác định là một sự phục tùng hoàn toàn. Chia mũi nhọn vào trong nước, ông ta cảnh cáo rằng: "... chúng ta có những người có tư tưởng và quan điểm xa lạ, thậm chí thật sự chống lại chủ nghĩa xã hội. Một số người trong

bọn họ đi theo con đường hành động chống nhà nước và chống xã hội. Trong số họ có những người theo đuổi những quyền lợi ích kỷ và hy vọng kiếm chác vốn liếng chính trị thông qua những lời nói mỉa dân và ve vãn những người phản động phương Tây ...

Tất cả các tầng lớp nhân dân của đất nước ta đều là mục tiêu của những cơ quan đặc vụ của đế quốc. Nhận thức được điều đó, những kẻ chống đối chúng ta tìm cách đẩy những đại biểu riêng lẻ của giới trí thức nghệ thuật vào những lập trường bối rối, mỉa dân, hư vô chủ nghĩa, bôi nhọ một số giai đoạn phát triển lịch sử của xã hội chúng ta và rời bỏ mục đích chủ yếu của văn hóa xã hội chủ nghĩa là đề cao con người lao động".

Lời cảnh cáo của ông ta rõ ràng, dứt khoát. Người cầm đầu công an Xô viết đã mặc nhận là những lời kêu gọi cần *glasnost* nhiều hơn nữa và cần tăng cường pháp chế có thể là một sự khiêu khích chính trị do các nguồn chống đối ở nước ngoài gây nên. Như vậy là sự cảnh giác xã hội chủ nghĩa truyền thống đã được đưa vào đúng quy tắc. Nó càng cần thiết, ít nhất là theo con mắt bộ máy an ninh Xô viết, bởi vì lời nói về dân chủ hóa từ bên trên làm nảy sinh sự tự phát dân chủ hóa từ bên dưới, và sự dân chủ hóa từ bên dưới này không phụ thuộc vào sự kiểm soát của trung ương.

Biểu hiện đáng chú ý nhất của dân chủ hóa từ bên dưới là sự nở rộ một số lớn nhóm tự tổ chức không chính thức, nhằm nêu lên các nguyên nhân đặc biệt hoặc bàn luận về những vấn đề khác nhau hiện nay. Sự nổi lên của các nhóm đó đã thách thức truyền thống đã được xác lập là sáng kiến xã hội từ đảng mà ra và do đảng kiểm soát. Sự xuất hiện của chúng báo hiệu những sự bất đầu, - nhưng cho đến bây giờ chỉ là những sự bất đầu, - của một cái gì đó có thể trở thành một sự tham gia chính trị xác thực và tự quản, do đó mà thách thức độc quyền lãnh đạo của đảng về mọi hình thức tổ chức xã hội và hoạt động chính trị.

Trong một bản kê khai trên báo *Pravda* ngày 1 tháng Hai 1988, có khoảng 30.000 "nhóm không chính thức", không phải do nhà nước lập ra, thậm chí cũng không phải được nhà nước cho phép, đã lan tràn trên khắp Liên Xô. Những nhóm đó thể hiện sự đáp ứng xã hội đối với sự quan tâm muốn màu mỡ về, từ vấn đề sinh thái, đổi mới đô thị, hoạt động xã hội, những nhóm âm nhạc của thanh niên, bảo tồn những công trình lịch sử và tôn giáo, đến những vấn đề nhạy cảm hơn về chính trị như tranh luận về lịch sử, những vấn đề gắn liền với pháp chế, triết học, ngôn ngữ dân tộc, hoạt động tôn giáo, ghi chép những vụ bất bớ về chính trị, và bất đồng về chính trị, tư tưởng. Tuy rằng số lớn nhất của những nhóm đó tập trung ở Moskva, Leningrát và thủ đô các nước cộng hòa Xô viết, ở các thành phố nhỏ hơn cũng có những biểu hiện của sự tự phát xã hội, mặc dầu có sự kiểm soát chính trị chặt chẽ hơn.

Đảng cầm quyền phản ứng một cách mâu thuẫn trước sự phát triển lạ thường đó. Những người hưởng ứng nhiều nhất đối với khái niệm xây dựng lại của Gorbachov bao gồm cả sự nhấn mạnh của ông ta về sự giải phóng những sức ép xã hội tự động từ bên dưới, có khuynh hướng tích cực và thậm chí ủng hộ. Ví như, trong chương trình "ưu tiên cao nhất" của đài phát thanh Moskva ngày 13 tháng Hai 1988, những nhà bình luận chủ chốt Xô viết xác nhận sự xuất hiện các nhóm đó như là một sự dân chủ hóa hiển nhiên đời sống xã hội Xô viết và như là một sự phản ứng tự nhiên đối với sự trì trệ vô hiệu lực của thời Brezhnev. Một sự xác nhận thậm chí mạnh mẽ hơn xuất hiện trên cơ quan chính thức của thanh niên Xô viết, tờ *Komsomolskaia Pravda* ngày 11 tháng Mười Hai 1987. Trong một bản phân tích thống kê chi tiết, bài báo chỉ ra rằng phần lớn những sáng kiến đó là có tính xây dựng, nhằm vào việc đẩy mạnh đời sống Xô viết và phản ánh một sự phản ứng tích cực của thế hệ trẻ đối với sự suy yếu và quan liêu hóa của tổ chức chính thức và độc quyền về thanh niên, đoàn Komsomol. Một số bản thống kê được trích dẫn thậm chí còn gây sững sốt hơn vì gây ấn tượng rằng những nhóm mới này đủ tư cách để tham gia tương đối bền vững và rộng rãi.

Nhưng theo quan điểm của đảng cầm quyền, không phải tất cả những nhóm mới không chính thức đều là vô hại. Một số nhóm tập trung vào những đề tài chính trị trực tiếp và do đó, đã bắt đầu đặt ra một sự thách thức về chính trị và tư tưởng. Hơn nữa, một số nhóm tiến hành việc xuất bản những báo chí gần như bí mật nhằm nêu lên những quyền con người đặc biệt hoặc những mục tiêu tôn giáo và dân tộc. Điều đó thậm chí xung đột một cách trực tiếp hơn với quan niệm leninít của đảng về độc quyền chính trị đối với tất cả các phương tiện thông tin đại chúng.

Thêm vào sự thách thức về chính trị và hệ tư tưởng từ phía cái có thể được gọi là cánh tả dân chủ, lại có thêm sự thách thức đối với đảng nổi lên từ cánh hữu dân tộc chủ nghĩa. Một nhóm mới và cực kỳ tích cực, nhóm *Pamyat* (tưởng niệm) ra mắt nói đến sự khôi phục lịch sử đích thực của nước Nga, cầm đầu mặt trận đó. Với những thành viên trẻ mặc sơ-mi đen (!) đeo huy hiệu cái chuông của Kremlin lịch sử, nhóm này sắp xếp các cuộc biểu tình công khai, tổ chức các buổi thuyết trình và thường tuyên bố rằng lịch sử nước Nga đã bị làm cho chệch hướng đi bởi những ảnh hưởng "tam điểm - giônít" đã thấm sâu vào chủ nghĩa Mác. Theo quan điểm của đảng, với việc viển đấn hệ tư tưởng chính thống đang suy tàn, nhóm *Pamyat* phục vụ một cách trực tiếp và nguy hiểm cho việc làm nổi dậy những tình cảm dân tộc chủ nghĩa của đám quần chúng đại Nga.

Trong bối cảnh đó, Gorbachov và giới lãnh đạo Xô viết phải đối phó với tình thế khó khăn là tìm ra con đường lợi dụng sự tăng cường hoạt động xã hội nhằm đẩy mạnh công cuộc *perestroika* mà không gây nguy hại đến sự kiểm soát chính trị có hiệu quả của họ. Điều đó đòi hỏi một số thủ thuật về công tác tư tưởng cũng như sự thỏa hiệp về chính trị. Một Viện sĩ Liên Xô tìm cách giải quyết vấn đề đầu tiên trên báo *Pravda* ngày 3 tháng Ba 1988. Ông ta viết rằng: "trước đây không lâu, sự thống nhất về chính trị xã hội và tư tưởng của xã hội chúng ta được

lý một cách quá đơn giản. Đã có sự nhận định rằng sự thống nhất, thậm chí là đồng nhất nữa của các lợi ích sẽ diễn ra hầu như là tự động bằng cách xóa bỏ tư hữu tài sản và bóc lột. Nhưng trong thực tế, sự việc phức tạp hơn nhiều... Những mâu thuẫn và khác biệt về lợi ích không mất đi - Các giai cấp, nhóm xã hội và tầng lớp, và cả các dân tộc, các nhóm dân tộc với những truyền thống riêng của họ cũng có những lợi ích riêng biệt". Ông ta thực chất đã đưa ra luận điểm là đảng phải chấp nhận sự tham gia của những nhóm không đối kháng, xem đó là chuyện bình thường, thậm chí còn là điều đáng mong muốn.

Tăng cường sự tham gia chính trị của những người dân thường, chứ không phải là sự tự do lựa chọn cơ bản, đó là giải pháp mà Gorbachov đã đưa ra ở Hội nghị toàn quốc đặc biệt của Đảng. Như vậy là ông ta đề nghị vai trò của những Xô viết địa phương nặng về hình thức phải được nâng cao. Những Xô viết đó với mục đích là đại biểu cho nhân dân Liên Xô trong hệ thống chính trị, nhưng trong thực tế hiện nay lại đóng vai bộ mặt của sự lãnh đạo của Đảng. Ông lập luận rằng "Không một vấn đề nào liên quan đến nhà nước, nền kinh tế và cơ cấu xã hội có thể được quyết định nếu bỏ qua các Xô viết". Ông ta cũng đề nghị thành lập một cơ cấu chính phủ mới, đại hội đại biểu nhân dân Liên Xô, bao gồm những người được bầu từ các vùng lãnh thổ và từ các tổ chức dân sự. Đại hội này mỗi năm họp một lần và sẽ bầu bằng phiếu kín một Quốc hội gồm hai viện. Quốc hội này, đến lượt nó bầu ra tổng thống và đoàn chủ tịch của Liên bang Xô viết, những cơ quan này được giao thực quyền quản lý kinh tế, chính sách đối ngoại và an ninh quốc gia của đất nước. Cùng lúc, Gorbachov nhấn mạnh sự cần thiết tăng cường vai trò của pháp luật trong hệ thống Xô viết và hạn chế việc chuyên quyền, độc đoán.

Tuy nhiên, vấn đề đầu là ranh giới giữa sự tự phát xã hội có thể chấp nhận được với sự chống đối chính trị không thể tha thứ được vẫn còn là vấn đề chưa được giải quyết. Nếu xác định quá chặt chẽ sự chống đối chính trị sẽ bóp nghẹt sự tự phát xã hội và do đó làm tổn

hại đến công cuộc cải tổ; còn nếu quá rộng lượng với việc tự phát xã hội thì sẽ khuyến khích sự chống đối, gây khó khăn cho sự thực hiện độc quyền lãnh đạo của đảng. Như vậy là, xét đến cùng, vấn đề chính trị cơ bản và trung tâm trong quá trình *dân chủ hóa* chính là vai trò của bản thân đảng.

(4). *Vai trò của đảng*: Về điểm này, có hai vấn đề chủ yếu. Vấn đề thứ nhất là bản thân đảng có thể dân chủ hóa đến mức nào? Vấn đề thứ hai là, việc dân chủ hóa xã hội có thể ảnh hưởng đến mức độ nào tới sự thực hiện quyền lực trực tiếp của đảng? Gắn liền với vấn đề đó, nhưng không phải lúc nào cũng được công khai nêu lên không chỉ là vấn đề đảng đi xa tới đâu trong quá trình phi Stalin hóa và cả vấn đề nhạy cảm sâu sắc hơn là khái niệm của Lenin về sự tổ chức nghiêm ngặt trong nội bộ đảng và sự hoàn toàn lệ thuộc của nhà nước vào đảng phải được xem xét lại đến mức độ nào?

Về vấn đề sau, Gorbachov tỏ ra rất mềm dẻo. Như ông ta nói: "Nhiều khi chủ nghĩa xã hội được hiểu như là một sơ đồ lý thuyết *tiền nghiệm* chia xã hội ra thành những người ra chỉ thị và những người thực hiện các chỉ thị ấy. Tôi ghê sợ cách hiểu quá đơn giản và máy móc như thế về chủ nghĩa xã hội". Ở Hội nghị đặc biệt của đảng, Gorbachov nhận định rằng "phải có một giới tuyến nghiêm ngặt giữa những chức năng của đảng và của các cơ quan nhà nước, theo đúng quan điểm của Lenin xem đảng cộng sản là đội tiên phong chính trị của xã hội và vai trò của nhà nước Xô viết là công cụ nắm chính quyền của nhân dân". Tuy nhiên, điều đáng nghi ngờ là những nhà lãnh đạo chớp bu khác của đảng cũng sẵn sàng đi xa đến thế trong nhận thức và đặc biệt là Ligachev đã nhấn mạnh đến việc tái khẳng định nguyên tắc về vai trò lãnh đạo và trung tâm của Đảng.

Tuy nhiên, khi bắt đầu quá trình cải tổ, hình như có một sự đồng tình trong giới lãnh đạo về sự cần thiết phải làm sống lại sáng kiến lớn hơn trong tổ chức đảng và khuyến khích tăng cường thi đua thông qua

quá trình được kiểm soát kỹ càng về những cuộc tranh cử vào các chức vụ ở cấp dưới. Điều đó dẫn đến việc bắt đầu thực hiện một số cuộc tranh luận hạn chế trong bầu cử, thậm chí bằng cả bỏ phiếu kín cho những vị trí các bí thư của đảng ở cấp thấp, và nhấn mạnh hơn đến sự thay thế thường xuyên hơn các cán bộ trong bộ máy quan liêu của đảng. Ở Hội nghị đặc biệt của Đảng, theo đề nghị của Gorbachov được chấp nhận, việc nắm giữ quyền lực ở cấp cao nhất bị hạn chế ở một số năm nhất định và vai trò của đảng và của Nhà nước phải được phân biệt rõ ràng. Làm như thế, những người Xô viết cũng làm theo những người Trung Quốc đã hành động như vậy một năm trước đó.

Thể hiện một tinh thần cấp tiến và gây ra tranh cãi nhiều hơn là sự xuất hiện thoáng qua của việc tranh luận giữa một vài viện sĩ hàn lâm Liên Xô về khả năng nên xây dựng một số tổ chức chính trị mới nhằm tạo ra một sự đại diện lớn hơn cho xã hội. Trong bối cảnh đó, họ đặc biệt dựa vào những kinh nghiệm của các nước cộng sản Đông Âu, nơi mà những cái gọi là mặt trận dân tộc hoặc mặt trận nhân dân được sử dụng như một liên minh do cộng sản thống trị, nhưng về danh nghĩa, có các đảng không cộng sản đại biểu cho lợi ích của nông dân và trí thức tham gia. Trong một cuộc họp báo dành cho các nhà báo nước ngoài về lịch sử cầm quyền một đảng ở Liên Xô do Bộ ngoại giao Liên Xô tổ chức ngày 25 tháng Hai 1988, thật lạ lùng là hai viện sĩ hàn lâm Liên Xô đã không phản đối ý kiến muốn thí nghiệm một cái gì đó giống với các mặt trận dân tộc này. Một trong hai giáo sư đó nhận xét (theo Tass) rằng ở Liên Xô "điều đó có thể thực hiện về mặt lý thuyết, tuy chỉ với điều kiện là các đảng khác sẽ có những lập trường khác thể hiện lợi ích của những bộ phận khác nhau trong xã hội Xô viết".

Bản thân sự kiện các tổ chức chính trị mới được nêu lên tự nó là đáng được chú ý. Nó phản ánh thực tế là những cố gắng nhằm truyền một nguồn sống nào đó vào những cơ cấu ốm o của hệ thống chính trị

Xô viết, về bản chất là năng động và có nguy cơ tác động đến vị trí và vai trò của chính bản thân đảng. Những lời kêu gọi dân chủ hóa chính trị đã dẫn đến những lời kêu gọi mở rộng hơn sự hòa lẫn đảng viên và không đảng viên trong những cuộc mít tinh chung và trong những cuộc hội thảo về các vấn đề của đất nước. Đặc quyền chính trị vốn có ở các đảng viên do đó mà bị phá vỡ. Đối với các quan chức kháng kháng bám lấy cơ cấu tôn ty của đảng, nếu làm mờ nhạt đường ranh giới giữa đảng viên và không đảng viên, cũng như mở cửa cho những hình thức mới của sự tham gia chính trị thì thế nào cũng gây nên nguy cơ tái xác định cơ tính chất xét lại về vị trí thật sự đặc biệt trong đời sống Xô viết mà đảng đã chủ trương từ năm 1917.

(5). *Hệ tư tưởng, tôn giáo và văn hóa.* Sự lúng túng của đảng rõ rệt nhất trong lĩnh vực các tín niệm. Cái gì cần áp đặt từ trên và đến mức độ nào các giá trị của con người, thẩm mỹ và lòng tin là thuộc về lĩnh vực riêng tư, không bị đảng kiểm soát? Những vấn đề đó có vẻ như đã được Lenin và Stalin giải quyết một lần là xong, nay lại khuấy động cộng đồng những người trí thức và làm cho những nhà tư tưởng bối rối.

Lâu đài tư tưởng của chế độ do đó ở vào tình trạng rối loạn sâu sắc. Chẳng những các sự phát triển thực tế về kinh tế, xã hội, và chính trị khác xa với những chân lý lâu nay vẫn được khẳng định mà ngay cả sự kiểm soát của đảng về mặt tư tưởng đối với hệ thống giá trị của xã hội cũng bị đe dọa. Chế độ chuyên chính vô sản được thực hiện bởi một đảng độc quyền trong một xã hội nhất dạng về mặt học thuyết, với một hệ thống kế hoạch hóa tập trung cao độ dựa trên ưu tiên cao nhất dành cho công nghiệp nặng và với một nền nông nghiệp tập thể hóa, đang bị lay động bởi những cuộc tranh luận công khai luôn luôn đi chệch khỏi những thói quen đã được thiết lập và được thần thánh hóa về mặt hệ tư tưởng. Để làm cho vấn đề thêm phức tạp, lĩnh vực văn hóa của đất nước đã công khai chống lại cái học thuyết đã được thiết lập và ngay cả tôn giáo cũng đang đe dọa quay trở lại.

Chất men mạnh mẽ ủng hộ *glasnost* nhanh chóng nổi lên trong lĩnh vực văn hóa, tạo nên sự gay gắt dữ dội và đến cả những sự thử thách chính trị trong các tổ chức văn học và văn hóa khác nhau làm nòng cốt cho đời sống tinh thần Xô viết. Những cuộc thi công khai để giành lấy sự thống trị trong các ban biên tập các tờ báo, trong các ban chấp hành hội nhà văn, điện ảnh và các nhà hát lớn đã bùng nổ vào đầu năm 1987, trong những giai đoạn đầu công cuộc cải tổ của Gorbachov. Những tác phẩm bị cấm đoán từ lâu nay được hoan hô và được phép tái bản, mặc dầu tờ *Văn hóa Xô viết* ngày 22 tháng Ba 1988 tiết lộ rằng có tới khoảng 6000 tên tác phẩm Xô viết còn ở trong danh sách bị cấm. Thêm vào đó, những lời kết tội về mặt học thuyết trước đây bị bác bỏ, những nhân vật văn hóa có tên tuổi tha hương ở nước ngoài được mời về Tổ quốc.

Trong sự bùng nổ đầu tiên của nhiệt tình, những người đề xướng một sự *glasnost* thực sự rộng rãi, và về cơ bản không bị cấm đoán đã thành công trong việc giành được một số báo chí văn hóa chính và một vị trí trọng yếu trong nghệ thuật sân khấu. Từ những lợi thế đó, họ đã có thể mở ra những chiến dịch và sản xuất tác phẩm (ví như bộ phim *Bám hối* rất được hoan nghênh) làm mất uy tín chủ nghĩa Stalin và động viên sự ủng hộ đối với những sự thay đổi về xã hội và chính trị được mong muốn. Họ đã ít thành công hơn ở Hội nhà văn Liên Xô, một tổ chức quan trọng từ lâu đã là đối tượng được các nhà tư tưởng của đảng quan tâm. Ở hội nhà văn, giới lãnh đạo được thành lập đã thành công (với sự khuyến khích của bộ máy đảng ở trung ương) trong việc từ chối không đưa vào danh sách những người ủng hộ có tư tưởng cải tổ. Nhưng ngay cả ở đây, sự thật là một cuộc thi như thế cũng có thể gây nên những bùng nổ về bày tỏ ý kiến tự do chế trách thực tế Xô viết qua những lời phê bình.

Giới trí thức sáng tạo chắc chắn là nguồn ủng hộ nhiệt tình nhất đối với cải cách của Gorbachov và đi theo ông ta như một người của chính họ. Điều đó cũng cho thấy vì sao những nhà lãnh đạo đảng dè dặt

hơn trong công cuộc cải tổ từ rất sớm đã cố gắng ngăn chặn chất men hệ tư tưởng trong cộng đồng trí thức. Họ ủng hộ cái được xem như là một cuộc phản công trên thực tế, trong đó người phó của Gorbachov, Yegor Ligachov, lúc đó là Bí thư trung ương đảng trực tiếp phụ trách các vấn đề tư tưởng - văn hóa nắm vai trò lãnh đạo. Ligachev nhấn mạnh rằng cộng đồng sáng tạo dự kiến một "chủ nghĩa lạc quan xã hội" lớn hơn và đã bao lần yêu cầu với lời lẽ thân mật rằng họ dự kiến không phải "sự thật một phía" mà là "toàn bộ sự thật" về những thành tựu của chủ nghĩa xã hội. Những người ủng hộ ông ta còn đi xa hơn, so sánh cuộc tấn công của *glasnost* vào chính thống với cuộc xâm lược của Đức (quốc xã) năm 1941 và lên án trên tờ báo *Văn học Nga* ngày 17 tháng Ba 1987 rằng "Những kẻ đầu cơ, những kẻ tâm thương và những người có hành động ám muội" đứng đằng sau cuộc tấn công đó.

Một khía cạnh quan trọng của những cuộc tranh luận đó là những lỗ thủng trong sự nhất dạng về thể chế của hệ thống Xô viết. Khi chiến dịch cải tổ có đà, một số cơ quan báo chí Xô viết trở thành những người ủng hộ tích cực, tuyên truyền và thực hiện *glasnost* đến nơi đến chốn, trong khi những cơ quan khác phản ứng một cách lạnh nhạt. Những tạp chí như *Thế giới mới* và *Ngọn lửa nhỏ*, những tờ báo như *Tin tức Moskva*, ngay cả *Sự thật* và *Văn học* trở thành những tiếng nói thẳng thắn ủng hộ mở rộng sự thay đổi, trong khi những tờ báo khác như tờ báo hàng ngày *Nước Nga Xô viết* của Moskva và tờ *Sao đỏ* của quân đội biểu lộ sự lạnh nhạt, thậm chí bảo vệ ở một mức độ nào đó quá khứ stalinít. Một lỗ hổng đặc biệt đáng kể và rất rõ ràng trong sự thống nhất thông thường của phương tiện thông tin đại chúng Xô viết đã diễn ra đầu năm 1988 khi tờ *Nước Nga Xô viết* ngày 13 tháng Ba 1988 đăng một bài theo tinh thần bảo vệ chủ nghĩa Stalin và tờ *Sự thật* tố cáo tờ truyền đơn ngày 5 tháng Tư như là bản tuyên ngôn chống cải tổ. Sự khác biệt đó về mặt thể chế gây choáng chò những người Xô viết theo truyền thống và bản thân nó là một sự phát triển mới và một sự cắt đứt sâu sắc với những tiêu chuẩn của chế độ cực quyền.

Sự khác biệt mới đó gây nên những phản ứng cay đắng trong những quan chức của đảng vẫn suy nghĩ theo truyền thống. Ligachev thể hiện những suy nghĩ của họ trong một bài phát biểu bột phát công khai khác thường khi ông ta tố cáo một tờ báo có tiếng ở Moskva về những sự bóp méo được dẫn ra. Làm dấy lên sự vô tay bột phát của các quan chức có mặt, ông ta thét lên: "Chúng ta được báo chí cung cấp những món ăn phế phẩm, một tờ báo có tiếng mà tôi gọi chệch là *Tin tức Moskva*."

Chất men to lớn trong các nghệ thuật sáng tạo và các phương tiện thông tin đại chúng phản ánh rõ hơn bản thân cuộc khủng hoảng cơ bản của hệ tư tưởng chính thống. Hệ tư tưởng đó không thể đối phó được với những phức tạp của đời sống hiện đại cũng như không cung cấp được một nền tảng cho sự sáng tạo đáp ứng những điều kiện xã hội hiện nay và những sự khao khát mới của xã hội. Điều gây khó khăn cho những người bảo vệ chân lý chính thống là những cuộc tranh luận đó đã làm bộc lộ sự trống rỗng về tinh thần của Liên Xô hiện nay. Sự nhấn mạnh chính thức về các giá trị vật chất mà chế độ hiện nay không thể đáp ứng được, nhưng lại được rêu rao là đã thỏa mãn đầy đủ, đã góp phần tạo nên sự trống rỗng đó và sự hoài nghi nhao bóng tràn lan. Cảnh tượng tinh thần của đất nước, như một số nhà văn Xô viết ngày nay nói thẳng, là bệnh quan quyền, địa vị cũng như sự tàn nhẫn của cảnh sát và chính trị, một điều kiện sa đọa về mặt tinh thần.

Đó là một lời buộc tội đặc biệt nghiêm trọng nếu ta biết đảng trong nhiều năm đã nhận định rằng sự giáo dục mácxít - leninít đối với xã hội đã thành công trong việc sản sinh ra con người mới Xô viết với đặc trưng là đạt những tiêu chuẩn cao nhất về đạo đức xã hội chủ nghĩa. Trên báo *Sự thật* ngày 14 tháng Hai 1987, xuất hiện một bài đặc biệt sắc nhọn của Chingij Aimatov, tác giả của quyển truyện được tranh luận rất nhiều mang đầu đề "*Thốt kẻ chặt đầu của tên đao phủ*". Quyển truyện đó được những người trung thành với lý thuyết chính thống của đảng kết án là "đi tìm chúa" hoặc mang ý thức tôn giáo quá mức. Aimatov nhận định

thẳng thừng rằng 70 năm của chính quyền Xô viết trên thực tế đã thành công trong việc nhỏ đến tận rễ những giá trị của Thiên chúa giáo, nhưng đã thất bại trong việc thay thế nó bằng những gì có ý nghĩa tích cực. Ông ta lên án xã hội Xô viết đã không có khái niệm "nhân ái" và bị thống trị bởi quan điểm cho rằng "để thành công trong cuộc đời, có thể nhờ tàn nhẫn, lừa đảo, những thủ đoạn không minh bạch trong buôn bán, dịch vụ và cao hơn hết là trong công tác đối ngoại. Những quan niệm công bằng xã hội của chúng ta đã suy thoái theo cách đó".

Một nhà văn Xô viết có tên tuổi khác, Daniil Granin cũng tập trung vào những đề tài đó trong tờ báo *Văn học* ngày 18 tháng Ba 1988. Ông ta chú ý tới tính tàn nhẫn của xã hội Xô viết, sự thiếu bất cứ lòng nhân từ nào trong hệ thống giá trị của xã hội đó, và vạch ra nguồn gốc dẫn tới sự đặc biệt tàn bạo đối với đồng bào nông dân Liên Xô trong công cuộc tập thể hóa. Ông ta viết: "Thiếu lòng nhân ái không phải là ngẫu nhiên". Trong những năm khó khăn của các cuộc đàn áp rộng lớn, nhân dân không được phép giúp đỡ người đồng loại, người láng giềng, gia đình của những người bị đối xử tàn tệ. Con cái những người bị buộc tội và bị tù đầy không được che chở. Nhân dân buộc phải ca tụng công khai những bản luận tội khất khe. Ngay cả cảm tình đối với những người bị giam cầm cũng bị cấm đoán. Những tình cảm náu với lòng thương được xem như là khả nghi, thậm chí là tội ác ... Lòng thương dễ dẫn tới sự không tuân theo luật pháp và tàn bạo, với sự giam cầm, tố giác, vi phạm pháp luật, đánh đập, thù tiêu. Trong những năm của các thập kỷ 30 và 40, khái niệm lòng thương biến mất khỏi từ vựng của chúng ta, và do đó cũng không còn được sử dụng nữa".

Những người bảo vệ các giáo điều của đảng bao gồm những người giáo điều chuyên nghiệp trong ban chấp hành trung ương, những cán bộ lão thành của tổ chức an ninh NKVD-KGB đã về hưu và những quan chức trong tôn ty nhân sự của đảng chắc hẳn phải kinh hoàng khi đọc những lời nói đó. Đối với tất cả những người đó, mọi cuộc tranh luận về sự thất bại tinh thần của chủ nghĩa cộng sản sẽ đặt ra không những một

sự thách thức về hệ tư tưởng mà còn đưa tới nguy cơ tiềm tàng đối với cơ cấu quyền lực hiện hành. Và về điểm này, những nỗi lo âu của họ chắc chắn là có cơ sở bởi vì bắt đầu nhận thức mới và hiểu thêm về trạng thái xói mòn tinh thần sẽ mở cửa cho tôn giáo sống lại.

Sự thiếu hăng về đạo đức hiện nay và sự thức tỉnh mới về lịch sử dân tộc trong những người đại Nga góp phần nhen nhóm lại lợi ích của họ trong nhà thờ chính giáo Nga và vai trò của nó trong đời sống của dân tộc. Đó là một sự phát triển quan trọng do nhà thờ Nga chính giáo lúc đầu tỏ ra dễ bị những người lãnh đạo Xô viết trấn áp mà nguyên nhân chính là vì truyền thống nhà thờ phục tùng quyền lực của Nhà nước. Kết quả là, chủ nghĩa vô thần chính thức hình như đã có những tiến bộ quan trọng, đặc biệt là ở các trung tâm đô thị Nga, ở đó tôn giáo được tổ chức hạn chế ở một số nhà thờ còn tồn tại và phổ biến là chuyển về sự tôn thờ ở các gia đình. Trái lại, những sự thực hành tôn giáo vẫn tiếp tục kéo dài ở những người Thiên chúa giáo Liên Xô ít đông dân hơn, tập trung chủ yếu ở Litwania và miền tây Ukraina và ở những người theo đạo Hồi ở vùng Trung Á Liên Xô. Đối với những người này, những sự thực hành tôn giáo đó vượt quá vai trò một khía cạnh của đời sống tinh thần, là một hình thức phản kháng dân tộc chống lại người Nga cũng như chống lại sự thống trị của Xô viết.

Ở giai đoạn này, hãy còn quá sớm để nói đến một sự nổi dậy lớn của lòng tin của phái chính giáo Nga và cũng không đúng nếu nghĩ rằng nhà thờ của phái đó đã đặt ra một sự thách thức đối với đảng (như điều đã xảy ra một cách đầy kịch tính đối với nhà thờ Thiên chúa giáo Rôma ở nước láng giềng Ba Lan do cộng sản thống trị). Nhà thờ chính giáo với tư cách là một thể chế vẫn nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của đảng, chịu sự thâm nhập các hoạt động chính trị và ngay cả công an mật vào trong hàng ngũ giáo đồ. Những chính giáo Nga với tính cách là lòng tin cơ đốc giáo phổ biến đã bắt đầu có một sự trở lại đáng ghi với tư cách như là nguồn tạo ra cảm hứng đạo đức và là sự thể hiện đích thực của

dân tộc trong việc bảo lưu những giá trị văn hóa. Theo nghĩa đó, nó biểu hiện một sự phản ứng có nguồn gốc sâu xa đối với tình trạng trống rỗng về tinh thần và văn hóa như chủ nghĩa cộng sản Xô viết hiện nay.

Năm 1988 kỷ niệm 1000 năm nước Nga cũ - về mặt địa lý tương đương với Ukraina ngày nay - chuyển theo Thiên chúa giáo. Sự kiện này đã làm tăng thêm sức mạnh cho xu hướng đó. Lễ kỷ niệm đã làm thức tỉnh lại sự quan tâm của công chúng đối với tôn giáo và vai trò của nó trong lịch sử nước Nga. Trong giới trí thức, ngày nay trở thành hợp thời việc chưng các biểu tượng tôn giáo và tham gia vào việc trùng tu các nhà thờ lâu nay bị bỏ và mất thiêng. Đối với số trí thức Nga ngày càng đông hơn, thì tôn giáo trở thành yếu tố "bên trong", còn hệ tư tưởng ngày nay là yếu tố "bên ngoài".

Không phải chỉ có những thành viên của giới trí thức Nga mới không chống nổi sức đẩy của tôn giáo. Tiêu biểu cho sự đổi mới tinh thần đang lan tràn là sự quy phục theo đức tin của nhà thờ Nga chính giáo của Georgui Malenkov, điều này ít được quan tâm ở nước ngoài nhưng được tranh luận sôi nổi ở Moskva. Malenkov là một trong những tay sai trung thành nhất của Stalin trong những năm đẫm máu của các cuộc thanh trừng lớn. Trong những năm cuối đời, ông ta tham gia nhiệt tình vào một đội đồng ca tôn giáo và cố nài được chôn cất theo nghi lễ thiên chúa giáo khi ông ta qua đời năm 1987. Dù cho những kẻ thù của chủ nghĩa Stalin có thể nghĩ thế nào về Malenkov đi nữa, thì hành động của con người được chọn để kế tục Stalin bản thân nó cũng đã thể hiện đầy kịch tính sự thất bại về việc tuyên truyền chủ nghĩa vô thần của đảng.

Ở Hội nghị đặc biệt năm 1988, Gorbachov thừa nhận và hình như chấp nhận sự phục hồi của tôn giáo ở Liên Xô. Ông ta nói: "Chúng ta không giấu giếm thái độ của chúng ta về quan điểm đối với tôn giáo mà chúng ta cho rằng không duy vật và không khoa học. Nhưng đó không phải là lý do để có thái độ không tôn trọng tinh thần đức tin

của những tín đồ, lại càng không có lý do gì để áp dụng sức ép hành chính nhằm thực hiện những quan điểm duy vật". Như vậy là Gorbachov mặc nhiên phát tín hiệu về sự thất bại của cuộc tiến công của chủ nghĩa vô thần (một tôn giáo của đảng) và công nhận một cương vị đáng trọng hơn đối với tôn giáo.

(6). *Lịch sử (hay là chủ nghĩa Stalin)*

Ở vào trung tâm của bất cứ vấn đề nào gây chia rẽ cao độ là vấn đề chủ nghĩa Stalin. Hầu hết mọi cuộc tranh luận cuối cùng đều dẫn đến những vấn đề nhạy cảm về chính trị cơ quan hệ tới sự thích hợp hiện nay của chế độ Stalin, đến những cuộc tranh luận cay đắng về những chuyện của quá khứ phải được đưa ra rộng rãi đến mức độ nào, và vấn đề gây lúng túng hơn nữa về tội trạng cá nhân đối với những tội ác tội tệ nhất của chủ nghĩa Stalin (và không phải chỉ của Stalin).

Những vấn đề chủ nghĩa Stalin tạo nên một sự khó xử nghiêm trọng đối với giới lãnh đạo và sự thống trị của họ. Một mặt, để duy trì mạnh mẽ cái tổ thì cần thiết phải vượt qua không những sự trì trệ quan liêu mà cả sự chống đối của những thể chế và truyền thống stalinít. Cái tổ đòi hỏi phải gạt bỏ những cách làm đã được thiết lập lâu đời và nhiều cách làm đó đã được thể chế hóa trong một phần tư thế kỷ dưới sự thống trị của Stalin trong việc xây dựng lại một cách tàn bạo xã hội Xô viết. Một mặt khác, một sự vứt bỏ hoàn toàn phần lớn của quá khứ đe dọa mở rộng cửa cho những xúc cảm bị dồn nén và những hồi ký bị cấm đoán lâu ngày và do đó, làm xói mòn những nền tảng làm chỗ dựa cho sự lãnh đạo của đảng.

Không có gì đáng ngạc nhiên là giới lãnh đạo cố trì hoãn và dằn vặt đau đớn. Trong sự đánh giá chính thức về chủ nghĩa Stalin được Bộ chính trị đầy quyền uy đưa ra nhân dịp kỷ niệm 70 năm cách mạng bôn-sê-vich, Gorbachov đã lên án Stalin và chủ nghĩa Stalin với những lời lẽ không chút mơ hồ và sắc cạnh, nhưng đã tránh đi vào bất cứ vấn đề cụ thể đầy kịch tính nào mà chỉ nói chung chung đến "hàng ngàn" nạn

nhân của Stalin. Tại Hội nghị đặc biệt của đảng, Gorbachov tiếp tục cách tiếp cận hạn chế đó. Ông ta chỉ nhận xét rằng "có một thực tế, và ngày nay, chúng ta phải thừa nhận điều đó, là ở một giai đoạn nhất định, hệ thống chính trị được thiết lập do kết quả của Cách mạng tháng Mười đã bị biến dạng nghiêm trọng". Những người lãnh đạo chớp bu khác, đặc biệt là Ligachey đòi sự đánh giá cân bằng quá khứ, trong đó khi trình bày cái xấu không được xóa sạch những thành tựu đã đạt được. Nhưng một khi cánh cửa đòi bác bỏ thời đại này đã được mở thì không thể ngăn chặn sự tràn lên những nỗi đau buồn, cơn thác của những hồi ký, những sự nhớ lại các hành động tàn bạo không kể xiết, và điều nguy hại hơn cả là những lời kêu gọi phải bồi thường, thậm chí cả trừng phạt.

Báo chí Xô viết đầy rẫy những bản khai báo nỗi đau khổ của cá nhân và tập thể. Một số đã bi kịch hóa rằng những khủng bố hàng loạt của Stalin đã giáng xuống những con người bình thường và ở tầng lớp dưới. Một số khác cung cấp tình hình về trường hợp của những người một thời vĩ đại nay bị hạ bệ, nhiều người trong số đó biến đi không để lại dấu vết, đẩy gia đình họ đến chỗ không biết là họ đã bị đi đâu hay đã chết. Ví như, cả vợ và con của nguyên soái Toukhachevsky đã bị bán cũng đều bị giết chết. Còn những người khác thì nhắc đến những quy mô và hậu quả lớn của sự tàn bạo của Stalin, ví như sự tiêu diệt hàng triệu nông dân Ukraina hoặc phần lớn sĩ quan Xô viết (do đó mà đã làm cho Liên Xô ban đầu thua trận khi Đức quốc xã xâm lược năm 1941).

Kỳ lạ thay, một số vấn đề vẫn còn là cấm kỵ. Báo chí chính thức Liên Xô né tránh bất cứ cuộc tranh luận kỹ càng nào về sự hủy diệt của Stalin đối với các dân tộc không phải Nga. Sự đập tan những nguyện vọng dân tộc của Ukraina và Lithuania sau chiến tranh thế giới thứ hai cũng như đưa đi đầy hàng loạt người khỏi các nước cộng hòa vùng Ban tích (sau khi sát nhập năm 1940 và sau đó khi chiếm lại năm 1944 - 1945), chỉ được thảo luận một cách chung chung. Điều đó cũng đúng với

việc trục xuất và bắt buộc định cư ở Xibia của khoảng 1,5 triệu người Ba Lan một cách cực kỳ tàn bạo đến chết vào mùa đông 1940 từ nửa phần đất Ba Lan do Liên Xô chiếm được sau hiệp ước Hitle-Stalin năm 1939. Phương tiện thông tin Xô viết cũng im lặng về 15.000 sĩ quan Ba Lan bị bắt làm tù binh năm 1939 và bị giết từng người một hoàn toàn bí mật ở khu rừng Katyn và đầu đó mùa xuân năm 1940. Như vậy là chủ nghĩa Stalin với tư cách sự khẳng định chủ nghĩa đế quốc đại Nga vẫn còn được hưởng ứng một sự khoan dung nào đó.

Tuy nhiên, sự phơi trần những tội ác của Stalin ở trong nước không tránh khỏi dẫn đến ba vấn đề, mỗi vấn đề đều hoàn toàn gây chia rẽ. Vấn đề thứ nhất đã được đặt ra công khai và ngày càng gay gắt; vấn đề thứ hai được tranh luận chủ yếu đằng sau các cánh cửa đóng kín, bên trong chốn thâm nghiêm của đảng, và vấn đề thứ ba không bao giờ được đưa ra công khai, nhưng nó lại vốn có trong việc đi tìm sự thật lịch sử.

Vấn đề thứ nhất gắn liền với tội trạng cá nhân. Phải chăng chỉ có một mình Stalin chịu trách nhiệm về những tội ác của ông ta? Có thể tin được điều đó không, khi mà những tội ác đó chưa từng thấy trong lịch sử có quy mô to lớn như vậy? Nếu không thì nói gì về những kẻ tòng phạm và tay sai của ông ta? Chắc chắn là những người cộng sự gần gũi nhất với ông ta đã chết cả, nhưng nhiều người thi hành, những người tra tấn, những người hỏi cung, những người bảo vệ các trại tập trung và ngay cả những người chỉ huy chắc chắn cũng còn sống. Một thiếu tá Bộ dân ủy nội vụ (NKVD) trẻ có thể là mới 25 tuổi khi anh ta tra khảo tù binh trong thời đại khủng bố cuối những năm 30, và đến nay mới có 75 tuổi; những sĩ quan và nhân viên thù tiêu các sĩ quan Ba Lan ở khu rừng Katyn đến nay cũng mới chỉ 60 tuổi, hoặc bắt đầu ở tuổi 70. Những người của Bộ nội vụ (MVD) hành hạ các nạn nhân bị bắt trong các cuộc thanh trừng Do Thái cũng như ở các mạng lưới khủng bố rộng lớn hơn những năm 40 đến nay cũng chỉ độ tuổi trên 60.

Không thể phát hiện những tội ác của Stalin mà không thấy vấn đề rộng lớn hơn về tội phạm có thể nổi lên từ đó. Năm 1987, điều đó đã diễn ra. Một số tác giả Xô viết đã nêu lên rõ ràng vấn đề những người

tòng phạm của Stalin. L.C.Ionin, trong bài đăng trên tạp chí *Nghiên cứu xã hội học Xô viết* (*Soslogicheskie Issledovania*) (số 3 - 1978) không những đã sử dụng khái niệm chế độ cực quyền của phương Tây để phân tích bản chất hiện tượng Stalin, ngoài ra còn chủ tâm so sánh với chủ nghĩa nazi bằng cách sử dụng từ Đức *Schuldfrage* (có nghĩa là vấn đề tội phạm) để đặt vấn đề tội phạm của những người khác. Vấn đề cũng được nêu lên trên báo chí đại chúng. Ngày 26 tháng Mười Hai 1987, báo *Izvestia* dẫn lời của một bạn đọc viết rằng "nhiều kẻ khủng bố phải là còn sống. Tôi không thể nghĩ rằng chúng có thể cười trước những sự công bố của các đồng chí".

Dài truyền hình Xô viết cũng đề cập đến vấn đề đó. Trong chương trình phát ngày 22 tháng Sáu 1988 về những tội ác của Stalin, dài nhận xét là một số kẻ hành hạ trước đây tự thấy là làm "một công việc tốt". Dài nói thêm: Và như vậy, một vấn đề logic nổi lên: tìm ở đâu ra có một đạo luật thời hiệu cho những tội ác ghê gớm đó, giống như cho bất cứ ai ăn cắp một cái ví hoặc đánh người láng giềng trong một cuộc cãi lộn khi quá chén? Không có một đạo luật thời hiệu cho những tội nhân chiến tranh, hoặc cho sự phản bội cao nhất, vậy thì tạo sao lại có đạo luật thời hiệu cho những tên phản bội đã bán chính nhân dân của chúng, đã hành hạ những người Xô viết lương thiện? Tại sao lại có thể áp dụng đạo luật thời hiệu đó cho chúng? Phải chăng chúng không phải là những tên phản bội lại tổ quốc?

Trong một mưu toan rõ ràng nhằm thực hiện cân bằng đối với vấn đề nhạy cảm đó, tờ tuần báo *Nedelya* có số phát hành rất lớn đã cho đăng vào đầu tháng Hai 1988 một bài dài của một nhà nghiên cứu Xô viết có tên tuổi tập trung vào vấn đề tội phạm. Ông ta giải tội cho "nhiều phần tử Chekist"⁽¹⁾, xem họ như là "những người cộng sản leninít trung thực không chê trách được". Ông ta nhận xét rằng "một số người đồng

(1) Chekist là nhân viên Ủy ban đặc biệt chống phản cách mạng ở Nga thời kỳ 1918-1922.

hơn đã phục vụ trong các đơn vị và phân đội của NKVD - MGB tuyệt đối không có dính líu trực tiếp với các cuộc đàn áp", trái ngược với những kẻ điều tra cá nhân, những kẻ hỏi cung, bảo vệ và là kẻ tố giác có phần trách nhiệm tinh thần đối với chủ nghĩa Stalin, Nhưng ông ta không sẵn sàng đi xa hơn thế, và chắc chắn là để lại cho những nạn nhân còn sống sót một cảm giác thất vọng.

Trong khi vấn đề vẫn được để ngỏ, thì điều không chắc chắn là nó sẽ được tiếp tục. Sở dĩ thế không những vì giới lãnh đạo chính trị không muốn làm trầm trọng thêm những sự chia rẽ mà cuộc tranh luận về chủ nghĩa Stalin làm nổi lên và vì một số lượng đáng kể các quan chức và công dân Xô viết còn sùng bái Stalin, mà còn vì xã hội nói chung hoang mang trước những sự kiện hiện nay và có thái độ lưỡng lự. Người ta có thể giả thiết rằng thanh niên Liên Xô có khuynh hướng phê phán Stalin mạnh hơn cả. Nhưng một cuộc điều tra của Liên Xô tiến hành trong sinh viên ở các trường đại học và trường đảng cấp cao cho thấy (theo Tass ngày 24 tháng Giêng 1988) là chỉ có 8% nghĩ rằng họ có hiểu biết khá đầy đủ về quá khứ, trong khi đó thì 72% có nhận xét lẫn lộn về con người Stalin, 3% tán thành Stalin, và 18% lên án các chính sách của ông ta.

Sự lưỡng lự về mặt xã hội, và không chỉ sự dè dặt chính thức, điều đó chỉ rõ là vấn đề chủ nghĩa Stalin sẽ tiếp tục ăn mòn lương tâm Xô viết nhưng không đi tới được một nghị quyết dứt khoát và một sự bác bỏ hoàn toàn. Điều đó đến lượt nó nhất định không những làm phức tạp quá trình cải tổ mà còn ngăn chặn chủ nghĩa xã hội tẩy rửa khỏi bản thân mình vết nhơ tinh thần của chủ nghĩa Stalin.

Vấn đề nhạy cảm chính trị và tư tưởng thứ hai là gắn liền với những hệ lụy của việc minh oan cho những nạn nhân bônsevích kiệt xuất nhất của Stalin. Những cuộc thanh trừng từ năm 1936 đến năm 1938 đã đưa đến kết quả là hành hình toàn bộ số cán bộ lãnh đạo leninít còn sót lại, phần lớn trong số đó không được Stalin tin cậy và một số có những tư

tưởng bất đồng với Stalin. Việc những gương mặt lãnh đạo đó bị giết một cách bất công và bất hợp pháp không phải tranh cãi lâu. Sự minh oan họ về mặt pháp luật và phục hồi về mặt lịch sử đã diễn ra trong một nghi lễ kinh khủng và rùng rợn mà ta có thể gọi là sự luân chuyển kỳ lạ sau khi chết của giới ưu tú Liên Xô. Nhưng sự minh oan những quan điểm của họ rõ ràng gây lúng túng cho những người lãnh đạo của đảng vì rằng nó có thể phá vỡ sự nhất trí gương ép về tư tưởng của đảng. Do đó, Kremlin cố gắng vạch ranh giới giữa phục hồi hoàn toàn về pháp lý và phục hồi một phần về học thuyết. Theo cách ấy, người ta đã tiếp tục vô hiệu hóa những cố gắng nhằm phi Stalin hóa hoàn toàn và gây nên những sự oán giận công khai của những người thân các nạn nhân còn sống sót.

Vấn đề thứ ba đối với chủ nghĩa Stalin không được nói ra cũng sẽ đưa đến những hệ lụy xa hơn, đó là mối liên quan giữa chủ nghĩa Lenin và chủ nghĩa Stalin. Tác phẩm "Quần đảo các trại tập trung" (*Quần đảo Gulag*) của Solzhenitsyn đã kết luận rằng nguồn gốc của khủng bố thời Stalin nằm trong chủ nghĩa Lenin và đặc biệt trong cách tiếp cận của Lenin đối với vấn đề xây dựng lại xã hội bằng vũ lực. Nhưng, để vẫn giữ về chính đáng, hợp pháp của lịch sử, ban lãnh đạo Xô viết đã vạch ra một đường ranh giới sắc nét giữa Stalin xấu xa và Lenin vô tội. Trong khi vấn đề trách nhiệm tội lỗi của Lenin về chủ nghĩa Stalin được nêu lên một cách rất nhỏ nhẹ trong báo chí Xô viết trước Hội nghị đặc biệt của đảng, điều rõ ràng là bất cứ sự khảo sát chính thức nào về chủ nghĩa Stalin cũng phải dừng lại trước khi sự bác bỏ hoàn toàn những tội ác của Stalin đi đến một sự khảo sát đầy đủ về những nguyên nhân thật sự của chính tội ác đó. Do đó, điều này chắc chắn sẽ làm cho bóng ma của chủ nghĩa Stalin tiếp tục gây rối cho tương lai của Liên Xô.

(7). Những vấn đề dân tộc trong nước

Stalin dường như đã giải quyết xong một lần vĩnh viễn vấn đề dân tộc-chủ yếu bằng cách tiêu diệt tất cả những người lãnh đạo không phải gốc Nga có tư tưởng độc lập. Nhưng ngay cả một sự bác bỏ từng phần chủ nghĩa Stalin cũng đã bộc lộ rằng vấn đề đó trong

tiềm năng vẫn gây rối loạn nhiều nhất trong những vấn đề chính trị khó xử ở Liên Xô. Sau khi đập tan những biểu hiện đòi độc lập, hoặc ngay cả nguyện vọng chính đáng muốn được tự trị của những người Xô viết không phải Nga. Stalin tạo ra một cái vẻ bề ngoài hòa hợp dân tộc trong đó nổi lên những lời tuyên bố đầy nghi thức về sự kính trọng và yêu mến "người anh cả" Nga. Ngay cả phần lớn những người quan sát Liên Xô ở phương Tây cũng thiên về việc chấp nhận quan niệm cho rằng vấn đề "dân tộc" đã được giải quyết. Tiêu biểu cho khuynh hướng đó là sự chấp nhận không có ý thức của phương Tây đối với thuật ngữ Xô viết theo đó chỉ có những người đại Nga mới được miêu tả như là một "dân tộc" (*nation*), trong khi đó thì tất cả những người không phải Nga hiện nay chiếm tới khoảng 50 phần trăm dân số lại chỉ được xem là các "bộ tộc" (*"nationalities"*).

Bộ mặt đoàn kết dân tộc của Liên Xô nhanh chóng tan vỡ một khi *glasnost* mở rộng đến bản thân vấn đề chủ nghĩa Stalin. Những khát vọng dân tộc bị xóa bỏ và những mâu thuẫn đối kháng dân tộc nổi lên nhanh chóng trong nhiều dân tộc thật sự có quá trình lịch sử ở Liên Xô, do đó dễ làm người ta lầm với luận điệu cho rằng những "bộ tộc" đó đã bị chìm ngập trong ý thức rộng hơn về chủ nghĩa dân tộc Xô viết. Từ tháng Giêng 1987 đến giữa năm 1988, khoảng 300 vụ lộn xộn về vấn đề dân tộc, trong đó có một số vụ với quy mô lớn, đã xảy ra ở chín trong số mười lăm nước cộng hòa không phải Nga. Những vụ đó đi từ chỗ mít tinh quần chúng gồm hàng chục ngàn, thậm chí hàng trăm ngàn người tham gia, đến các vụ đổ máu giữa các cộng đồng dân tộc với kết quả là nhiều cái chết bất hạnh.

Những người bất bình của các dân tộc không phải Nga biểu hiện theo hai hướng lớn: (1). hướng dọc, chống lại sự thống trị tập trung của những người đại Nga ở Moskva, và (2). hướng ngang, thông qua sự thể hiện công khai hơn những cuộc xung đột về quyền lợi giữa các dân tộc không phải Nga. Một số trong những người bức bối về sự kiểm soát của người đại Nga chủ yếu tìm cách sửa sai sự thiếu công bằng trong quá khứ,

ví như trường hợp của những người Tatar ở Crimea đã bị Stalin buộc phải di cư bằng vũ lực trong những năm 1944 - 1945, từ vùng bán đảo ấm áp ở Biển Đen đến vùng Trung Á và Sibiri xa xôi. Một số khác, như những người trí thức Ucraina và Bielorussia nổi thẳng ý kiến chống lại việc Nga hóa ngôn ngữ và văn hóa của họ. Một số khác nữa, như những người Hồi giáo ở Trung Á lại có thái độ quả quyết hơn trong việc đòi có sự tự trị về văn hóa và tôn giáo. Một số ít khác còn đi xa hơn, như trường hợp của những người Litwania, Latvia, Estonia sau bốn thập kỷ bị xóa bỏ, ngày nay nổ ra những cuộc biểu tình khốc liệt trên đường phố chống lại sự sát nhập họ bằng vũ lực vào Liên Xô năm 1940.

Tình cảm yêu nước lan tràn đặc biệt có tính chất bùng nổ ở các nước vùng biển Baltic. Đường như bị chủ nghĩa Stalin đè bẹp, những người Litwania, Latvia, Estonia không bao giờ mất ý thức về bản sắc riêng của họ, bản sắc riêng này có tính chất chung với vùng Scandinavia dân chủ hơn là với nước Nga Xô viết. *Glasnost* của Gorbachov đã cởi mở cho những tình cảm đó và trước hết chúng được thể hiện trong những cuộc biểu tình to lớn của quần chúng trong đó người ta chung lên những lá cờ dân tộc lâu ngày đã bị lãng quên, hát những bài quốc ca đã bị cấm đoán và trong một số cuộc biểu tình có cả những chiến sĩ du kích trước kia chống Xô viết ngày nay xuất hiện như là những diễn giả chính. Một số quan chức chóp bu trong đảng ở các nước vùng Baltic cũng hứng khởi trong sự say sưa ở đó, biện luận công khai cho một chế độ chính trị mới cho những nước "cộng hòa Xô viết" đó và thay thế nền kinh tế của họ bị Moskva kiểm soát thành những "khu vực kinh tế tự do" (một ý kiến cũng được Abel Aganbegyan, nhà kinh tế cố vấn của Gorbachov ủng hộ) rất giống những vùng duyên hải đặc biệt của Trung Quốc được thành lập nhằm thực hiện kinh doanh tự do và thu hút đầu tư của nước ngoài. Những mặt trận nhân dân tự phát nổi lên ở vùng Baltic đã khởi thảo những kế hoạch đầy tham vọng cho nền tự trị thật sự và gần như chủ quyền của nước họ. Điều đó cũng biểu lộ sự bất đầu của một cơ cấu chính

trị có thể trở thành đối thủ đối với đảng cộng sản cầm quyền. Những yêu cầu chính thức về chủ quyền quốc gia thật sự chỉ còn là vấn đề thời gian nếu *glasnost* được tiếp tục.

Trong lúc ấy, những sự tố cáo công khai chủ nghĩa Stalin được sử dụng như là một bức màn che cho những tình cảm chống Nga hãy còn quá nguy hiểm để có thể bộc lộ công khai. Trên báo *Văn học Ukraina* ngày 18 tháng Hai 1988, một nhà văn Ukraina, Oleksa Musiyenko có thể công khai tố cáo Stalin như "một quái vật" vì đã giết hại giới ưu tú về trí thức và chính trị Ukraina trong những cuộc thanh trừng và đã cố ý gây ra nạn đói đối với nông dân Ukraina, những nhà văn đó không chỉ ngón tay trực tiếp về phía những người đại Nga. Những người dân vùng Baltic đã có thể tập hợp trong mùa thu 1987 và mùa xuân 1988 để tỏ lòng tôn kính những nạn nhân của Stalin bị dày ải và để thúc ép phải có nhiều quyền hơn, nhưng họ không tố cáo trực tiếp sự đàn áp của người đại Nga. Những người Tatar có thể biểu tình đòi quyền trở lại quê hương của họ, xem đó như là một cách thể hiện sự bác bỏ của họ đối với việc dùng vũ lực buộc họ phải di dời. Những người Hồi giáo Trung Á có thể tổ chức những cuộc hành hương có vẻ tôn giáo đến những ngôi mộ các tu sĩ Hồi giáo đã bị giết chết trong khi chống lại Stalin và những người Hồi giáo đã bị bắn vì không chịu phục vụ trong hồng quân trong chiến tranh thế giới thứ hai. Một số khác có thể nắm lấy việc Gorbachov thay đổi người lãnh đạo địa phương không phải Nga của họ bằng một người đại Nga như một lý do để biểu tình chống lại sự kiểm soát của trung ương, như điều đã xảy ra một cách dữ dội trong nhiều ngày vào cuối năm 1986 ở Alma Ata, thủ đô nước cộng hòa Kazakhstan. Tất cả các cuộc biểu tình dân tộc chủ nghĩa đó đều mang một nguyện vọng chung đòi nói lòng, thậm chí cuối cùng là chặt đứt những xiềng xích áp đặt cho họ từ bên trên bởi những người đại Nga ở Moskva.

Tôn giáo với tư cách là cơ sở của dân tộc tự quyết đặc biệt quan trọng trong trường hợp của Trung Á, với số dân từ 45 đến 50 triệu người Hồi giáo. Sau những năm tuyên bố rằng tình trạng "mê tín" đã bị xóa

bỏ, báo chí Xô viết thú nhận năm 1987 và năm 1988 rằng Hồi giáo đang ở vào giai đoạn hồi sinh có ý nghĩa, rằng những hoạt động tôn giáo bí mật đang có chiều khởi sắc và cuộc chiến tranh ở Afghanistan đã kích thích một ý thức về bản sắc của Hồi giáo. Ngay cả những quan chức cộng sản ở các nước vùng Hồi giáo nghe nói cũng tham gia các lễ nghi tôn giáo và ngày càng hòa nhập vào những phong tục và truyền thống địa phương. Trong báo *Văn học* ngày 20 tháng Năm 1989, một nhà văn than phiền rằng "ở một trung tâm thông tin đặc biệt của nước cộng hòa, nơi mà những người tương đối có kiến thức làm việc, những văn bản "la lùng" bắt đầu xuất hiện hàng ngày trên các bảng thông báo mời mọc các đồng sự đến dự các sự kiện về tôn giáo" và bí thư đoàn thanh niên cộng sản ở địa phương mời mọi người "đến dự một cuộc mít tinh tưởng niệm với một lễ cầu nguyện đọc kinh Koran".

Những cuộc xung đột dân tộc theo chiều ngang cũng đặt ra nguy cơ nghiêm trọng cho sự tan vỡ. Không hề có thiện cảm gì với nhau trong số những dân tộc không phải Nga, đặc biệt là ở vùng Caucasus. Những người Georgia, Armenia, Azerbaijan cổ xưa về mặt lịch sử và nhiều dân tộc khác nhỏ hơn đã mang mối hận thù trong nhiều thế kỷ về những cuộc xung đột tôn giáo và lãnh thổ. Trong một khu vực trộn ghép các tôn giáo và giáo phái Thiên chúa và Hồi giáo lại bị sự pha trộn các dân tộc làm cho phức tạp thêm, sự chống đối dữ dội vẫn ở vào trạng thái tiềm tàng trong những năm nhất thế hóa của thời kỳ Stalin. Nó nổ ra dữ dội và làm chết người trong cuộc đấu tranh giữa Armenia và Azeri đầu năm 1988 khi vùng Nagorno-Karabakh gồm toàn người Armenia lại được giao cho Azerbaijan, báo trước những cuộc xung đột dân tộc và tôn giáo còn rộng lớn hơn trong tương lai. Nhiều người bị giết, thành phố Erevan, thủ đô của Armenia, trong nhiều ngày bị tràn ngập bởi những cuộc nổi dậy của hàng chục vạn người, và Kremlin, đã buộc phải đóng vai trò tề nạt là đứng làm trung gian hòa giải những tình cảm dân tộc mạnh mẽ nổi lên của người Armenia và người Azerbaijan.

Chính những chính sách của Gorbachov cho phép những vấn đề đó nổi lên. Nguyên nhân của tình hình đó rất đơn giản. Không thể thuyết giáo và thậm chí thực hiện một cách khiêm tốn *glasnost* và *dân chủ hóa* mà không thể hiện công khai những nổi bất bình dân tộc. Di sản quá khứ của Stalin quá cay đắng, và những sự hồi tưởng về sự lạm quyền của người đại Nga còn quá mới mẻ đối với những người trí thức và sinh viên không phải Nga để cho họ không khai thác những thuận lợi mà *glasnost* đã đem lại hiện nay. Chính bản thân Gorbachov cũng thừa nhận rằng ngay cả những cuộc xung đột theo chiều ngang cũng có khuynh hướng trở thành những sự bác bỏ theo chiều dọc sự nắm quyền của đại Nga. Ngày 19 tháng Bảy 1988, Gorbachov nhận xét rằng trong sự va chạm giữa Armenia và Azerbaijan "những tình cảm mạnh phát triển đến một mức độ nào đó đã vượt ra khỏi sự kiểm soát. Đã xuất hiện những khẩu hiệu chống chủ nghĩa xã hội, chống Liên Xô, và có tính chất chống Nga". Hơn nữa, ngay cả một sự giải tập trung khiêm tốn nền kinh tế cũng phục vụ cho việc tăng mạnh những sức ép của địa phương đòi kiểm soát trực tiếp hơn, do đó cũng làm cho việc tìm kiếm cải cách kinh tế thêm phức tạp vì hòa lẫn với vấn đề bùng nổ dân tộc còn đáng sợ hơn nhiều.

Ngay cả những người lãnh đạo có thiện chí và ôn hòa ở điện Kremlin cũng ngạc nhiên về những sự phát triển đó. Xem xét từ việc phân tích vấn đề dân tộc được công bố ở Moskva sau những cuộc bùng nổ dân tộc chủ nghĩa này, trung ương hình như bị bịt mắt bởi chính sự tuyên truyền của mình và thật sự tin rằng vấn đề dân tộc không còn tồn tại lâu nữa. Những sự phản ứng đi từ những lời tố cáo đầy xúc phạm trên tờ *Izvestia* ngày 9 tháng Hai 1988 về "những kẻ phá hoại tư tưởng" ở Litwania mà người ta nói là đã xem những người cộng sản như là "những kẻ phản bội quyền lợi dân tộc" đến sự phân tích phức tạp hơn của chính Gorbachov được đưa ra trong cuộc náo động về bạo

lực ở Alma Ata. Trong bản phân tích đó, Gorbachov nhấn mạnh là không nên xem xét vấn đề dân tộc một cách đơn giản như kiểu "nhớ lại những thời kỳ nâng cốc chúc tụng lẫn nhau hơn là tiến hành những công trình nghiên cứu khoa học". Vấn đề dân tộc, chìm lắng đi về mặt chính trị từ những năm 30 nay lại nổi lên - lần này vừa là hậu quả lớn của sự tìm kiếm của *perestroika* vừa chứa đựng tiềm năng sự thách thức nghiêm trọng nhất đối với cải tổ.

Ba nguồn gốc năng động của sự mất đoàn kết trong nước gắn liền với các vấn đề đối ngoại. Chúng có khuynh hướng liên quan đến một giới nhỏ hơn những người tranh luận, chủ yếu trong số chớp bu về chính sách của Liên Xô. Tuy nhiên, một cuộc tranh luận về những vấn đề chính sách đối ngoại cũng là điều mới giật gân trong chế độ Xô viết, nó là sự thử nghiệm hoặc là sự lan tràn đáng kể về *dân chủ hóa*, hoặc là, chắc chắn hơn, sự mất dần dần quyền kiểm soát tập trung của bộ máy quan liêu của đảng.

(8). Cuộc chiến tranh ở Afghanistan

Vấn đề chính sách đối ngoại đó dần dần tạo ra một cuộc tranh luận công khai rộng lớn nhất. Mặc dầu lúc đầu những mục đích của cuộc chiến tranh không bị nghi ngờ một cách công khai, số thương vong tăng lên làm nảy sinh sự phẫn nộ không ngừng phát triển chống lại những cố gắng của điện Kremlin nhằm giữ cuộc chiến tranh ở ngoài nhận thức của công chúng. Những cuộc chôn cất bí mật, những lời viện dẫn tế nhị về "nhiệm vụ quốc tế vô sản" trên mộ chí của những người ngã xuống, không có một sự đối xử đặc biệt nào đối với những cựu chiến binh trở về, thậm chí đối với thương binh, chưa nói đến việc hoãn quân dịch đối với con những quan chức cao cấp, tất cả những cái đó đã gây ra một sự cay đắng không thể mãi mãi bị phớt lờ, đặc biệt là trong bối cảnh của chiến dịch *glasnost* được mở rộng hơn.

Cuối cùng, những bất bình đó được thổ lộ, ngay cả những bất bình gây cảm xúc nhất về chính trị. Ví như, trên báo *Pravda* ngày 25 tháng Mười Một 1987, đảng đưa ra một lời giải thích, mặc dù không thỏa đáng, về sự ưu đãi đối với con của những chức sắc cấp cao về chính trị: "Chúng ta đã gửi đi Afghanistan những người ưu tú nhất trong điều kiện cao nhất. Một điều có thể xem ra kỳ lạ là con những vị lãnh đạo lại thường không đủ tiêu chuẩn về mặt thể chất để phục vụ trong quân đội". Trong khi điều đó phải khiến cho các bố mẹ có con bị tàn tật hoặc chết trong chiến tranh nổi điên lên thì điều có ý nghĩa là năm 1987, tất cả các vấn đề đó đều đột nhiên được in ra, do đó mà làm cho cuộc chiến tranh càng trở thành một vấn đề chia rẽ công khai nữa.

Với thời gian, những nỗi bất bình cá nhân rộng lớn đó dẫn đến một sự nghi ngờ công khai đáng kể về mặt chính trị về quyết định khôn ngoan của điện Kremlin khi tiến hành cuộc xâm lược. Những lời đồn đại ở Moskva nói rằng Brezhnev và những đồng chí chủ chốt của ông ta đã đưa ra mệnh lệnh cuối cùng để tiến hành xâm lược trong khi đang uống rượu. Một sự phê phán công khai về một chính sách đối ngoại đang được thực hiện là điều chưa từng có trong lịch sử gần đây của Liên Xô. Trong tờ *Literaturnaja Gajeta* (Báo Văn học) ngày 16 tháng Ba 1988, Viện sĩ hàn lâm O. Bogomolov, một chuyên gia Xô viết có tầm cỡ về các vấn đề đối ngoại, đã tiết lộ một điều đáng chú ý là ba tuần lễ sau cuộc tiến công, Viện kinh tế hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới thuộc Viện hàn lâm khoa học Liên Xô đã gửi cho Ban lãnh đạo của đảng một bản phân tích về "bản chất vô nghĩa và có hại của hành động đó". Một chuyên gia Xô viết khác về các vấn đề đối ngoại, A. Bovin lập luận trên đài phát thanh Moskva ngày 26 tháng Năm 1988 rằng từ nay về sau "việc đưa các lực lượng vũ trang Xô viết ra nước ngoài để tham gia chiến đấu chỉ có thể được thực hiện sau khi thảo luận với những cơ quan lập pháp cao nhất của đất nước, và phải được sự đồng ý của những cơ quan đó".

Người ta chỉ có thể phỏng đoán rằng quyết định rút lực lượng Xô viết khỏi Afghanistan một phần là do những áp lực trong nước, tuy rằng quân đội Xô viết và cảnh sát mặt vụ chắc chắn là lo lắng sâu sắc về những hệ lụy lâu ngày của một sự thừa nhận ngấm ngấm đó là một thất bại. Như vậy là cuộc tranh luận về vấn đề Afghanistan chắc chắn còn kéo dài ngay cả sau khi chấm dứt những hình thức can thiệp trực tiếp hơn của Liên Xô, đặc biệt nếu sự thất bại đó kích thích hơn nữa quyền tự quyết dân tộc hoặc ở Đông Âu, hoặc ở ngay Liên Xô.

(9). Chính sách đối ngoại và chính sách quốc phòng

Mặc dầu chính sách đối ngoại được tranh luận một cách rộng rãi trong các viện nghiên cứu chuyên môn khác nhau, khuynh hướng là đặt lại các vấn đề vẫn được cho là đúng của quá khứ và yêu cầu một "tư duy mới" (điều mà nhà Xô viết học Pháp có tiếng Michel Tatu miêu tả một cách khinh miệt, xem nó như là một sự thay đổi cho "không tư duy" của quá khứ). Lời tuyên bố đầy đủ nhất theo một sự tiếp cận xét lại là do Ye. Primakov, một trong những chuyên gia cố vấn của Gorbachov đưa ra trong một bài báo lớn trên tờ *Pravda* ngày 9 tháng Bảy 1987 với đầu đề "*Triết học mới về chính sách đối ngoại*". Bài báo đó kêu gọi bác bỏ khái niệm xem chung sống hòa bình chỉ là một thời gian nghỉ xả hơi, bỏ việc xuất khẩu cách mạng với tư cách một khía cạnh trong chính sách của Liên Xô, và nhấn mạnh đến thực tế mới của sự phụ thuộc lẫn nhau trên toàn thế giới. Những luận điểm đó sau này được phát triển đầy đủ hơn trong quyển sách của Gorbachov, trong khi đó thì ở lĩnh vực quân sự, các nhà chiến lược bắt đầu phát triển luận điểm về "học thuyết phòng ngự", xem nó như là một khởi điểm cho mối quan hệ chiến lược ổn định hơn với phương Tây. Về tất cả điểm đó, sự trái ngược giữa các quan điểm nói trên với những chính sách gần đây của Liên Xô là nổi bật.

(10). Khối Xô viết và phong trào cộng sản thế giới

Tại buổi lễ kỷ niệm 70 năm cách mạng bolsévich ở Moskva, Gorbachov nhấn mạnh sự bình đẳng trên danh nghĩa giữa tất cả các

đảng cộng sản và bác bỏ dứt khoát mọi luận điệu về vai trò lãnh đạo đặc biệt của Đảng cộng sản Liên Xô, - một điểm xuất phát lớn về học thuyết của Liên Xô trong quá khứ cho rằng lợi ích của mình phải đóng vai trò hướng dẫn cho những người cộng sản trên toàn thế giới. Trong khi chủ nghĩa Brezhnev không bị chính thức bác bỏ, Gorbachov gợi ý là nó sẽ không được áp dụng để ngăn chặn những sự thay đổi từ từ ở Đông Âu, điều đó đến lượt nó lại khiến cho một số người ở Đông Âu nhận xét rằng việc chiếm đóng Tiệp Khắc năm 1968 đã không bao giờ diễn ra nếu như Gorbachov nắm quyền. Tuy rằng độ tin cậy của giả thuyết đó không bao giờ có thể được thử nghiệm, kết quả là đã khuyến khích những người Đông Âu đó hối hả thực hiện các sự thay đổi và tiến lên theo nhịp độ cải tổ của Liên Xô. Đối với một số người lãnh đạo Xô viết, lập trường của Gorbachov rõ ràng là rác rưởi. Bất cứ một sự không ổn định lớn nào xảy ra ở Đông Âu như vậy chắc chắn làm nảy sinh những cuộc tranh luận gay gắt hơn ở điện Kremlin về vấn đề chính sách đối ngoại đó.

Tất cả những cuộc tranh luận cãi vào nhau đó tạo nên một hiệu quả năng động. Sự tìm kiếm đổi mới về kinh tế tạo ra những sức ép đòi dân chủ hóa, và đến lượt nó, những sức ép này đe dọa độc quyền của đảng đối với chính quyền và những tín niệm chính thống, do đó mở cửa cho những sự thu hút có sức cạnh tranh về tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc và gây ra cả sự đe dọa kéo dài, thậm chí tăng cường tình trạng chia rẽ ở Liên Xô. Tình hình các cuộc tranh luận đó diễn ra như hiện nay và chúng nhanh chóng không chỉ hạn chế trong những phòng họp kín của nội bộ đảng là đặc biệt có ý nghĩa vì ba nguyên nhân:

Trước hết, nó tiêu biểu cho một sự phá vỡ đáng chú ý những tiêu chuẩn chính trị đã được thiết lập. Chế độ cực quyền Xô viết trong nhiều thập kỷ đã ràng buộc một xã hội trong khuôn phép vào một nhà nước với tính chính thống được phi chính trị hóa và với sự nhất trí

chính trị bề ngoài. Thực tế mới của sự tranh cãi về xã hội và chính trị là một sự trái ngược sâu sắc với tình trạng chủ yếu là lạng lẽ tuân thủ chủ nghĩa Stalin, có ít nhất là từ năm 1928.

Thứ hai là, nó đặt ra nguy cơ cho sự toàn vẹn của học thuyết Mác-Lênin và ngay cả nguy cơ tiềm tàng đối với sự thống nhất của Liên Xô. Một cuộc tranh luận trí tuệ không có giới hạn, dựa trên cơ sở thẩm nhàn những hiểu biết sâu sắc về khoa học và phạm trù triết học tự bản thân nó không thích hợp với một học thuyết tự xem mình như một hệ thống khép kín chứa đựng mọi câu trả lời đúng đắn, khoa học cho mọi vấn đề rác rưởi của xã hội. Hơn nữa, trừ khi những cuộc tranh luận đang nổi lên về một số lớn vấn đề nhạy cảm được chuyển theo một cách nào đó vào một khuôn khổ của chủ nghĩa đa nguyên được thể chế hóa, hoặc bị đàn áp, chúng có thể tạo ra một sự leo thang năng động cuối cùng đe dọa sự toàn vẹn của chính bản thân Liên Xô.

Thứ ba là, nó làm mất uy tín chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô nói riêng, và suy rộng ra chủ nghĩa cộng sản nói chung. Những sự tiết lộ về các tội ác trong quá khứ, và những sự phê phán và thành tựu hiện nay và trong quá khứ xác nhận hầu như tất cả mọi điều mà trước đây nhiều nhà nghiên cứu phương Tây đã viết về chủ nghĩa Stalin; cũng vì những điều viết đó mà họ thường bị báo chí Xô viết phỉ báng là "những kẻ tuyên truyền chống cộng sản bướng bỉnh". Thật vậy, những bản kết toán chi tiết, chua xót, và thật sự đau khổ về những nỗi đau thương đã gây nên cho những người vô tội được công bố trên báo chí Xô viết còn có tác dụng tàn phá về mặt tư tưởng nhiều hơn những gì đã được viết ở nước ngoài. Cũng vậy, những cuộc tranh luận nêu rõ những số liệu về những sự thất bại hiện nay và gần đây trong lĩnh vực kinh tế và xã hội ở Liên Xô, do đó xác nhận những nhận xét phê phán của phương Tây về thành tựu toàn diện của chủ nghĩa cộng sản.

Chương 7

MỘT CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN ĐANG TIẾN TRIỂN HAY ĐANG SUY THOẠI?

Vấn đề thực sự đối với tương lai không phải ở chỗ Gorbachov có tồn tại lâu dài hay thậm chí ông ta có thành công hay thất bại. Vấn đề thực sự là ở chỗ liệu chủ nghĩa cộng sản Xô viết có tiến triển thành một hệ thống thoáng hơn nhiều và cách tân hơn nhiều về kinh tế, hay là nó đang suy thoái, hoặc thậm chí đang phân liệt. Dấu sao Gorbachov vẫn có thể bị mất quyền hoặc chết trong những hoàn cảnh phần nào mơ hồ, nhưng một vài cuộc cải cách của ông vẫn tiếp tục, dù cho dưới một hình thức dè dặt hơn. Ông lại vẫn có thể cứ nắm quyền trên danh nghĩa - vì ông rất nổi tiếng ở nước ngoài, ông vẫn có thể có ích cho Kremlin ở vị trí của Gromyko với tư cách là nguyên thủ - nhưng phần lớn các chính sách của ông bị vứt bỏ. Cuối cùng, bản thân ông có thể giảm bớt, hay thậm chí đẩy nhanh các chính sách của mình trong khi loại bỏ các đối thủ - như Ligachev - khỏi công việc.

Vấn đề then chốt là liệu hệ thống Xô viết có thể tiến hóa có kết quả thành một cơ chế đa nguyên hơn, một cơ chế sản sinh được tính sáng tạo lớn hơn về xã hội và kinh tế và thế là làm cho Liên Xô thực sự có khả năng cạnh tranh hơn trên vũ đài thế giới. Không những số phận Liên Xô với tư cách một cường quốc hàng đầu mà cả triển vọng cho chủ nghĩa cộng sản nói chung là lệ thuộc vào câu trả lời này. Tình

trạng lộn xộn hiện nay có lẽ có thể là một dấu hiệu cho sự thay đổi như vậy, nhưng nó cũng có thể là bước đầu trong sự tan vụn ngày càng tăng của bản thân hệ thống.

Hệ thống ấy qua bao nhiêu năm trời đã bị gọi là cực quyền không những bởi vì xã hội này đã bị lệ thuộc nghiệt ngã vào hệ thống chính trị mà còn bởi xã hội đó bị nhào nặn bằng bạo lực theo một bản thiết kế tư tưởng. Một điều kiện của tính chính thống phi chính trị hóa được tạo ra bằng cách đó, đời sống chính trị thực sự thì không tồn tại nữa, và một sự thỏa thuận ngầm có vẻ phản ánh sự thống nhất của toàn bộ xã hội. Chính trị trở thành việc bảo vệ đặc quyền của riêng các nhà lãnh đạo cao nhất.

Do đó muốn dần dần thoát khỏi cái đặc trưng cực quyền của chế độ thì phải thế chế hóa từng bước một khuôn khổ chính trị đa nguyên hơn, nhằm cho phép xã hội đảm nhận một vai trò tích cực hơn và thậm chí một đời sống chính trị thực sự trở thành một phương diện của sự tồn tại xã hội bình thường. Câu trả lời cuối cùng cho câu hỏi một sự diễn biến như thế có thể xảy ra hay không là lệ thuộc vào chỗ có khác phục nổi hai tình trạng nan giải có vẻ là không thể hòa giải với nhau ở trong thực tế Xô viết hiện hành hay không: Thứ nhất, liệu có thể làm cho kinh tế có lại được sức sống mà không phải quy định lại thực sự cơ bản vai trò của đảng cộng sản trong sự quản lý xã hội hay không? Thứ hai, liệu có thể thực hiện phi tập trung hóa kinh tế cũng như thu hẹp tương ứng cần thiết trong vai trò cai trị chủ đạo của đảng mà không phải củng cố mạnh mẽ quyền lực của những người phi - Nga đến mức sự phân tán có thể trở thành tương đương với dần dần phá vỡ Liên Xô?

Vào giữa năm 1988, ban lãnh đạo đảng Xô viết thừa nhận ưu tiên của cải cách chính trị so với cải cách kinh tế. Nghị quyết của đảng tuyên bố công khai "Ngày nay phải dành ưu tiên cho một cuộc cải cách cơ bản hệ thống chính trị". Nhưng, tờ *Pravda*, ba ngày sau, ngày 7 tháng Bảy thừa nhận rõ ràng "các quá trình dân chủ hóa cả ở cấp độ trung ương lẫn ở cấp độ địa phương cho tới nay vẫn cứ tiến triển chậm chạp". Tôn ty được gọi là *nomenklatura* của Đảng chẳng hề bị hạn chế gì vì những

cải cách kinh tế, mà những biến đổi chính trị trong vai trò thích hợp của đảng do Gorbachov đề nghị cũng chẳng được thiết chế hóa. Những nhắc nhở thường xuyên về tính chất trung tâm của di sản Lenin hình như khẳng định lại quyết tâm của đảng đòi giữ địa vị đặc biệt của nó và đòi nắm độc quyền quyền lực dù quyền lực ấy có tác dụng kinh tế hay không.

Vấn đề do đó trở thành, liệu cải cách kinh tế có thể thành công được không nếu đảng không chịu bước lùi. Câu trả lời hình như là phủ định. Việc thực sự đưa một cơ chế thị trường vào, sự xuất hiện một cơ cấu giá cả dựa trên cung cầu, việc chủ trương lao động tự do lưu hành, sự xuất hiện một tầng lớp quản lý sẵn sàng chịu rủi ro và dám đầu tư, và cởi trói cho nông nghiệp đều là những điều kiện tiên quyết để cho kinh tế thực sự thành công. Nhưng chúng cũng đòi hỏi phải giảm bớt đáng kể vai trò của đảng trong chính những cách làm mà các bộ máy quan chức Xô viết không chịu chấp thuận. Khoảng cách lộ liễu giữa *glasnost* với *perestroika* là bất rõ trong điều kiện này. Do đó nó sẽ càng tạo nên những sự thất vọng tai hại.

Hơn nữa, có sự thiếu nhạy cảm xã hội thực sự với các cuộc cải cách cần thiết. Những thói quen và sức ỳ cũ đặt ra những cản trở to lớn cho sự thay đổi. Quân chúng may mắn là ngườ vực và quan tâm phần lớn tới những hậu quả trực tiếp của *perestroika*. Công nhân quá hiểu những nét xấu xa nhất của chủ nghĩa bình quân và ngườ vực những cải cách nhằm thưởng kết quả làm việc. Truyền thống nông dân đã bị phá hủy. Những người kinh doanh sợ trách nhiệm lớn hơn và thiếu đã kinh doanh. Công chức thích chế độ tập trung. Như vậy là cả lịch sử Nga, lẫn thực tế Xô viết đều quy tụ lại chống việc cải tổ.

Thêm vào các nan giải của *perestroika* là vấn đề dân tộc. Tỷ lệ tăng dân số vẫn là cao hơn nhiều ở những người phi-Nga, nhất là ở dân Trung Á mà số lượng tăng là vào khoảng 72 phần trăm từ năm 1959 đến 1979 tương phản với tỷ lệ tăng thấp khoảng 19 phần trăm của người Slavơ Xô viết. Như thế chẳng bao lâu nữa, những người phi-Nga sẽ làm thành đa số

nhân dân Xô viết. Tuy nhiên người đại Nga thực tế lại được hưởng độc quyền chính trị ở trung ương, cùng với một số những đại diện phần nhiều là tượng trưng cho người không phải Nga. Người Nga nói chung để giữ những địa vị chớp bu cầm quyền trên khắp nhà nước Xô viết hơn, và Bộ chính trị hiện nay do những người Đại Nga chiếm ưu thế. Chính sách ngôn ngữ nhà nước cũng bênh vực tiếng Nga, chẳng hạn cứ 14 quyển sách xuất bản bằng tiếng Nga năm 1986 cho mỗi người Nga ở Liên Xô chỉ có 2,4 bản ngôn ngữ dân tộc cho mỗi người phi-Nga. Chính sách kinh tế của Kremlin cũng khuyến khích đầu tư và phát triển các phần thuộc Nga của đất nước.

Sự phi tập trung hóa thực sự thế nào cũng sản sinh yêu cầu đòi sửa chữa lại các bất công trên. Song sự kiểm soát từ trung tâm của Nga ăn sâu vào trật tự hiện hành đến nỗi sự sửa chữa cần thiết sẽ đòi hỏi sự nổi dậy của quần chúng. Thực tế tồn tại một vòng luẩn quẩn. Thiếu cải cách nuôi dưỡng những sự bất bình dân tộc, nhưng cải cách chắc chắn sẽ nuôi dưỡng một khát vọng còn lớn hơn ở những người phi-Nga đòi nhiều quyền lực hơn nữa. Các thái độ ly khai chủ nghĩa, nhất là ở người Baltic và người Hồi giáo Xô viết, là những người được cổ vũ bởi sự nổi dậy trở lại của Hồi giáo khắp trên thế giới và đương khuyến khích bởi sự thất bại quân sự ở Afghanistan, có khả năng thành một đe dọa thực sự cho sự thống nhất của Liên Xô.

Cần phải chú ý đến một điểm then chốt: chủ nghĩa dân tộc đang lớn lên ở trong lòng Ukraina Xô viết với 50 triệu dân và những tài nguyên thiên nhiên to lớn. Cả ở Kiev lẫn Lvov, hoạt động chính trị, văn hóa và tôn giáo gần như bí mật của người Ukraina đã tăng lên, lợi dụng sự cởi mở do *glasnost* đưa đến. Sự tấn công của nó là nhằm nhấn mạnh thiệt hại mà các chính sách Xô viết trước đây đã gây cho Ukraina và yêu cầu dân tộc chống lại việc Nga hóa hơn nữa. Hầu hết mọi người Ukraina, đúng hay sai đều chê trách Moskva và do đó gián tiếp chê trách người Nga về thảm họa Chernobyl và xem đó là tai họa lớn thứ hai (sau nạn đói những năm 30), mà các nhà lãnh đạo ở Kremlin bắt dân tộc họ phải chịu. Nếu những bất bình về ngôn ngữ và văn hóa của nhân dân Ukraina